

**BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO  
TRƯỜNG ĐẠI HỌC DÂN LẬP HẢI PHÒNG**

-----



ISO 9001:2008

**KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP**

**NGÀNH: KẾ TOÁN - KIỂM TOÁN**

**Sinh viên : Phạm Thị Thu Thảo**

**Giảng viên hướng dẫn: Th.S Nguyễn Văn Thụ**

**HẢI PHÒNG - 2013**

**BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO  
TRƯỜNG ĐẠI HỌC DÂN LẬP HẢI PHÒNG**

-----

**HOÀN THIỆN TỔ CHỨC CÔNG TÁC KẾ TOÁN TẬP  
HỢP CHI PHÍ SẢN XUẤT VÀ TÍNH GIÁ THÀNH SẢN  
PHẨM TẠI CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY LẮP SAO VIỆT**

**KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP ĐẠI HỌC HỆ CHÍNH QUY  
NGÀNH: KẾ TOÁN - KIỂM TOÁN**

**Sinh viên : Phạm Thị Thu Thảo  
Giảng viên hướng dẫn: Th.S Nguyễn Văn Thụ**

**HẢI PHÒNG - 2013**

**BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO**  
**TRƯỜNG ĐẠI HỌC DÂN LẬP HẢI PHÒNG**

**NHIỆM VỤ ĐỀ TÀI TỐT NGHIỆP**

Sinh viên: Phạm Thị Thu Thảo

Mã SV: 1354010249

Lớp: QT1303K

Ngành: Kế toán - Kiểm

toán

Tên đề tài: Hoàn thiện tổ chức công tác kế toán tập hợp chi phí sản xuất và tính giá thành sản phẩm tại công ty Cổ phần Xây lắp Sao Việt.

# NHIỆM VỤ ĐỀ TÀI

1. Nội dung và các yêu cầu cần giải quyết trong nhiệm vụ đề tài tốt nghiệp

( về lý luận, thực tiễn, các số liệu cần tính toán và các bản vẽ).

- Về mặt lý luận: Hệ thống được những vấn đề lý luận cơ bản về công tác kế toán tập hợp chi phí và tính giá thành sản phẩm tại công ty Cổ phần xây lắp Sao Việt.

- Về mặt thực tế: Mô tả và phân tích thực trạng công tác kế toán tập hợp chi phí và tính giá thành tại công ty Cổ phần xây lắp Sao Việt.

- Các số liệu tính toán logic, phù hợp với dòng chảy của số liệu kế toán.

2. Các số liệu cần thiết để thiết kế, tính toán.

Các số liệu cần thiết để thiết kế, tính toán được lấy tại phòng kế toán của công ty Cổ phần xây lắp Sao Việt năm 2012.

3. Địa điểm thực tập tốt nghiệp.

Công ty Cổ phần xây lắp Sao Việt

Tầng 3 tòa văn phòng Sao Đỏ, Km 1 + 400 đường Phạm Văn Đồng  
Anh Dũng, Dương Kinh, Hải Phòng.

## CÁN BỘ HƯỚNG DẪN ĐỀ TÀI TỐT NGHIỆP

### Người hướng dẫn thứ nhất:

Họ và tên: Nguyễn Văn Thụ

Học hàm, học vị: Thạc sĩ

Cơ quan công tác: Trường Đại học dân lập Hải Phòng

Nội dung hướng dẫn: Kế toán chi phí sản xuất và tính giá thành sản phẩm xây lắp.

### Người hướng dẫn thứ hai:

Họ và tên:.....

Học hàm, học vị:.....

Cơ quan công tác:.....

Nội dung hướng dẫn:.....

Đề tài tốt nghiệp được giao ngày 25 tháng 03 năm 2013

Yêu cầu phải hoàn thành xong trước ngày 29 tháng 06 năm 2013

Đã nhận nhiệm vụ ĐTTN

*Sinh viên*

Đã giao nhiệm vụ ĐTTN

*Người hướng dẫn*

*Hải Phòng, ngày ..... tháng.....năm 2013*

**Hiệu trưởng**

**GS.TS.NGƯT *Trần Hữu Nghị***

## PHẦN NHẬN XÉT CỦA CÁN BỘ HƯỚNG DẪN

**1. Tinh thần thái độ của sinh viên trong quá trình làm đề tài tốt nghiệp:**

.....  
.....  
.....  
.....  
.....  
.....  
.....

**2. Đánh giá chất lượng của khóa luận (so với nội dung yêu cầu đã đề ra trong nhiệm vụ Đ.T. T.N trên các mặt lý luận, thực tiễn, tính toán số liệu...):**

.....  
.....  
.....  
.....  
.....  
.....  
.....  
.....  
.....  
.....

**3. Cho điểm của cán bộ hướng dẫn (ghi bằng cả số và chữ):**

.....  
.....  
.....

*Hải Phòng, ngày ... tháng ... năm 2013*

**Cán bộ hướng dẫn**

*(Ký và ghi rõ họ tên)*

## MỤC LỤC

<b>LỜI MỞ ĐẦU</b> .....	1
<b>CHƯƠNG 1: CƠ SỞ LÝ LUẬN CHUNG VỀ TỔ CHỨC CÔNG TÁC KẾ TOÁN TẬP HỢP CHI PHÍ SẢN XUẤT VÀ TÍNH GIÁ THÀNH SẢN PHẨM TRONG DOANH NGHIỆP XÂY LẮP</b> .....	3
1.1. Những vấn đề chung về kế toán chi phí sản xuất và tính giá thành sản phẩm trong doanh nghiệp xây lắp. ....	3
1.1.1. Sự cần thiết phải tổ chức kế toán chi phí sản xuất và tính giá thành sản phẩm trong doanh nghiệp xây lắp. ....	3
1.1.2. Đặc điểm sản phẩm xây lắp .....	4
1.1.3. Nhiệm vụ của kế toán chi phí sản xuất và tính giá thành sản xuất trong doanh nghiệp xây lắp. ....	5
1.2. Chi phí sản xuất và giá thành sản phẩm xây lắp .....	5
1.2.1. Chi phí và phân loại chi phí sản phẩm xây lắp .....	5
1.2.2. Giá thành sản phẩm và phân loại giá thành sản phẩm xây lắp .....	9
1.3. Phương pháp tập hợp chi phí sản xuất và tính giá thành sản phẩm trong doanh nghiệp xây lắp .....	13
1.3.1. Đối tượng kế toán chi phí sản xuất và tính giá thành sản phẩm .....	13
1.3.2. Phương pháp tập hợp chi phí sản xuất sản phẩm xây lắp .....	14
1.3.3. Phương pháp đánh giá sản phẩm dở dang .....	16
1.3.4. Phương pháp tính giá thành .....	18
1.4. Tổ chức công tác kế toán tập hợp chi phí sản xuất và tính giá thành sản phẩm trong doanh nghiệp xây lắp. ....	21
1.4.1. Kế toán tập hợp chi phí sản xuất trong doanh nghiệp hạch toán hàng tồn kho theo phương pháp kê khai thường xuyên. ....	21
1.4.2. Kế toán tập hợp chi phí sản xuất trong doanh nghiệp hạch toán hàng tồn kho theo phương pháp kiểm kê định kỳ. ....	39
<b>CHƯƠNG 2: THỰC TRẠNG TỔ CHỨC CÔNG TÁC KẾ TOÁN TẬP HỢP CHI PHÍ SẢN XUẤT VÀ TÍNH GIÁ THÀNH SẢN PHẨM TẠI CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY LẮP SAO VIỆT</b> .....	44
2.1. Khái quát chung về công ty Cổ Phần Xây lắp Sao Việt .....	44

2.1.1. Quá trình hình thành và phát triển của công ty Cổ Phần Xây lắp Sao Việt.....	44
2.1.2. Đặc điểm sản xuất kinh doanh của công ty Cổ phần Xây lắp Sao Việt	45
2.1.3. Tổ chức bộ máy quản lý của Công ty Cổ Phần Xây lắp Sao Việt.....	47
2.1.4. Tổ chức công tác kế toán tại Công ty Cổ Phần Xây lắp Sao Việt.....	48
2.2. Thực trạng tổ chức công tác kế toán tập hợp chi phí sản xuất và tính giá thành sản phẩm tại Công ty Cổ Phần xây lắp Sao Việt .....	53
2.2.1. Kế toán chi phí sản xuất.....	53
2.2.2. Kế toán đánh giá sản phẩm dở dang tại Công ty cổ phần xây lắp Sao Việt.....	96
2.2.3. Kế toán giá thành sản phẩm.....	96
<b>CHƯƠNG 3: MỘT SỐ Ý KIẾN ĐỀ XUẤT NHẪM HOÀN THIỆN TỔ CHỨC CÔNG TÁC KẾ TOÁN TẬP HỢP CHI PHÍ SẢN XUẤT VÀ TÍNH GIÁ THÀNH SẢN PHẨM TẠI CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY LẮP SAO VIỆT.....</b>	<b>104</b>
3.1. Đánh giá chung về tổ chức kế toán tại Công ty Cổ phần Xây lắp Sao Việt	104
3.1.1. Ưu điểm.....	105
3.1.2. Nhược điểm.....	108
3.2. Một số ý kiến đề xuất nhằm hoàn thiện tổ chức công tác kế toán tập hợp chi phí sản xuất và tính giá thành sản phẩm tại công ty Cổ phần Xây lắp Sao Việt.....	111
3.2.1. Sự cần thiết phải hoàn thiện tổ chức công tác kế toán tập hợp chi phí sản xuất và tính giá thành sản phẩm tại công ty Cổ phần Xây lắp Sao Việt	111
3.2.2. Yêu cầu và phương hướng hoàn thiện tổ chức kế toán chi phí sản xuất và tính giá thành sản phẩm tại công ty Cổ phần Xây lắp Sao Việt.....	112
3.2.3. Một số ý kiến đề xuất nhằm hoàn thiện công tác hạch toán chi phí sản xuất và tính giá thành sản phẩm tại Công ty Cổ phần xây lắp Sao Việt.....	113
<b>KẾT LUẬN .....</b>	<b>121</b>
<b>TÀI LIỆU THAM KHẢO</b>	



## LỜI MỞ ĐẦU

Trong những năm gần đây, cùng với sự đổi mới và phát triển của đất nước, cơ chế quản lý kinh tế cũng có sự thay đổi toàn diện và sâu sắc, tuy nhiên cùng một lúc không thể giải quyết được tất cả các vấn đề còn tồn tại trong quản lý kinh tế. Một trong những vấn đề nan giải hiện nay là công tác quản lý chi phí trong xây dựng cơ bản, đây là lĩnh vực có tỷ lệ thất thoát vốn đầu tư khá cao. Để quản lý chi phí trong xây dựng cơ bản, các doanh nghiệp đã sử dụng nhiều phương pháp, công cụ quản lý khác nhau. Một trong những công cụ được nhà quản lý quan tâm hàng đầu là công tác kế toán nói chung và công tác kế toán tập hợp chi phí sản xuất và tính giá thành sản phẩm xây lắp nói riêng. Trong doanh nghiệp xây dựng cơ bản, công tác kế toán tập hợp chi phí và tính giá thành sản phẩm luôn được các doanh nghiệp quan tâm, hoàn thiện để thích ứng và phát huy tác dụng của nó trong cơ chế mới.

Nhận thức được tầm quan trọng của kế toán tập hợp chi phí và tính giá thành sản phẩm trong doanh nghiệp xây lắp, trong quá trình thực tập tại công ty Cổ Phần Xây lắp Sao Việt, em đã đi sâu nghiên cứu tìm hiểu chi phí sản xuất, giá thành sản phẩm xây dựng, kế toán chi phí sản xuất, tính giá thành sản phẩm và chọn đề tài khóa luận tốt nghiệp là: “**Hoàn thiện tổ chức công tác kế toán tập hợp chi phí sản xuất và tính giá thành sản phẩm tại công ty cổ phần xây lắp Sao Việt**” để hoàn thành khóa luận tốt nghiệp của mình.

Trong khuôn khổ khóa luận tốt nghiệp, ngoài phần mở đầu và kết luận, em xin trình bày 3 phần chính sau:

*Chương 1: Cơ sở lý luận chung về tổ chức công tác kế toán tập hợp chi phí sản xuất và tính giá thành sản phẩm trong doanh nghiệp xây lắp.*

*Chương 2: Thực trạng tổ chức công tác kế toán tập hợp chi phí sản xuất và tính giá thành sản phẩm tại công ty Cổ Phần Xây lắp Sao Việt.*

*Chương 3: Một số ý kiến đề xuất nhằm hoàn thiện tổ chức công tác kế toán tập hợp chi phí sản xuất và tính giá thành sản phẩm tại công ty Cổ Phần Xây lắp Sao Việt.*

Khóa luận của em được hoàn thành với sự giúp đỡ, quan tâm tận tình

chu đáo của giáo viên hướng dẫn – Th.S. Nguyễn Văn Thụ cùng các cô chú, anh chị trong phòng kế toán của công ty. Mặc dù bản thân đã có rất nhiều cố gắng, xong do hạn chế về mặt thời gian cũng như sự nhận thức và trình độ nên chắc chắn khóa luận không thể tránh khỏi những thiếu sót. Do vậy, em rất mong được tiếp thu những ý kiến đóng góp, chỉ bảo của các thầy cô để em có điều kiện bổ sung, nâng cao kiến thức của mình, phục vụ cho công tác kế toán thực tế sau này.

Em xin chân thành cảm ơn!

Sinh viên

Phạm Thị Thu Thảo

# **CHƯƠNG 1: CƠ SỞ LÝ LUẬN CHUNG VỀ TỔ CHỨC CÔNG TÁC KẾ TOÁN TẬP HỢP CHI PHÍ SẢN XUẤT VÀ TÍNH GIÁ THÀNH SẢN PHẨM TRONG DOANH NGHIỆP XÂY LẮP**

**1.1. Những vấn đề chung về kế toán chi phí sản xuất và tính giá thành sản phẩm trong doanh nghiệp xây lắp.**

***1.1.1. Sự cần thiết phải tổ chức kế toán chi phí sản xuất và tính giá thành sản phẩm trong doanh nghiệp xây lắp.***

Nền kinh tế Việt Nam đang không ngừng tăng trưởng và được đánh giá là một trong những nước có tốc độ tăng trưởng cao trong khu vực và trên thế giới. Cùng với sự phát triển chung của nền kinh tế đất nước, công tác xây dựng cơ bản chiếm một vị trí vô cùng quan trọng. Trong cơ chế thị trường hiện nay, các doanh nghiệp muốn tồn tại và phát triển thì các doanh nghiệp đều phải cạnh tranh lẫn nhau thông qua nhiều hình thức, trong đó chất lượng và giá cả là hai vấn đề được quan tâm nhất. Vì vậy muốn đứng vững trên thị trường, các doanh nghiệp luôn phải tìm cách hạ giá thành sản phẩm của mình một cách hợp lý để khách hàng có thể chấp nhận được. Muốn vậy doanh nghiệp phải biết chính xác giá thành sản phẩm của mình làm ra để từ đó phân tích, tìm ra biện pháp nhằm sử dụng hợp lý hơn nữa các yếu tố cấu thành nên sản phẩm xây lắp. Điều đó có nghĩa là phải tổ chức hạch toán chính xác chi phí sản xuất và tính đúng, tính đủ giá thành sản phẩm xây lắp. Tuy nhiên công tác hạch toán chi phí sản xuất và tính giá thành sản phẩm ở các ngành sản xuất vật chất nói chung và ngành xây dựng cơ bản nói riêng còn gặp nhiều khó khăn do các nguyên nhân khách quan cũng như chủ quan. Do đó công tác hạch toán chi phí sản xuất và tính giá thành sản phẩm xây lắp đóng vai trò quan trọng đối với mỗi doanh nghiệp xây dựng cơ bản nói riêng và đất nước nói chung trong việc nâng cao hiệu quả sử dụng vốn nhất là trong điều kiện đất nước ta còn nhiều khó khăn.

### **1.1.2. Đặc điểm sản phẩm xây lắp**

Sản phẩm xây lắp có 3 đặc điểm cơ bản:

- *Thứ nhất:* Quá trình tạo ra sản phẩm xây lắp được tính từ khi khởi công đến khi công trình hoàn thành, bàn giao và đưa vào sử dụng. Quá trình này thường rất dài, chi phí sản xuất lớn, tùy thuộc vào quy mô, tính chất phức tạp về kỹ thuật của từng công trình, hạng mục công trình. Do đó thường được chia ra thành nhiều giai đoạn khác nhau và thực hiện bàn giao, thanh toán đối với từng phần khối lượng công tác xây lắp hoàn thành, tránh tình trạng ứ đọng vốn lâu dài tại công trình. Việc lập dự toán và tập hợp chi phí trong xây dựng cơ bản do vậy cũng được lập cho từng công trình, hạng mục công trình theo từng khoản mục chi phí. Doanh nghiệp xây lắp vì thế cũng quan trọng phân loại chi phí theo khoản mục.

- *Thứ hai:* Hoạt động xây lắp thường diễn ra ngoài trời nên chịu ảnh hưởng nhiều của yếu tố thời tiết, khí hậu... Đặc điểm này làm cho các doanh nghiệp xây lắp khó lường trước được những khó khăn như gián đoạn sản xuất do mưa, bão hoặc có rủi ro bất ngờ cho sản xuất làm phát sinh nhiều chi phí ngoài dự toán.

- *Thứ ba:* Xây dựng cơ bản có tính lưu động cao theo lãnh thổ nên việc tổ chức sản xuất trong doanh nghiệp xây lắp phổ biến theo phương pháp khoán gọn công trình, hạng mục công trình hoặc khối lượng xây lắp cho các đơn vị trong nội bộ doanh nghiệp. Công tác kế toán tập hợp chi phí sản xuất và tính giá thành vì thế cũng được tổ chức theo hình thức khoán gọn. Các đơn vị nội bộ tùy theo mức độ khoán có thể tập hợp chi phí rồi gửi kết quả về công ty hoặc chỉ làm nhiệm vụ thu thập chứng từ gốc ban đầu, toàn bộ công tác kế toán tập hợp chi phí sản xuất và tính giá thành sản phẩm sẽ được thực hiện tại phòng kế toán công ty.

Như vậy, đặc điểm sản phẩm xây lắp ảnh hưởng rất lớn đến công tác tập hợp chi phí sản xuất và tính giá thành sản phẩm trong doanh nghiệp xây lắp. Do vậy, cần phải nghiên cứu kỹ những đặc điểm này để tổ chức bộ máy kế toán phù hợp, đáp ứng yêu cầu quản lý chi phí và tính giá thành sản phẩm

xây lắp.

### ***1.1.3. Nhiệm vụ của kế toán chi phí sản xuất và tính giá thành sản xuất trong doanh nghiệp xây lắp.***

Kế toán chi phí sản xuất và tính giá thành sản phẩm xây lắp phải thực hiện đầy đủ các nhiệm vụ sau:

- Xác định cho đúng đối tượng hạch toán chi phí, lựa chọn phương pháp tập hợp và phân bổ chi phí sản xuất một cách khoa học, hợp lý phù hợp với đặc điểm sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp xây lắp.

- Tổ chức hạch toán chi phí một cách trung thực, kịp thời thông tin qua hệ thống chứng từ gốc và sổ kế toán chi phí sản xuất.

- Xác định đối tượng tính giá thành, kỳ tính giá thành và phương pháp tính giá thành phù hợp.

- Đánh giá chính xác giá trị sản phẩm dở dang cuối kỳ, các khoản phát sinh làm giảm chi phí sản xuất.

- Tính giá thành và lập thẻ tính giá thành, so sánh giá thành thực tế với giá thành kế hoạch từ đó rút ra ý kiến đóng góp cho các nhà quản lý.

## ***1.2. Chi phí sản xuất và giá thành sản phẩm xây lắp***

### ***1.2.1. Chi phí và phân loại chi phí sản phẩm xây lắp***

#### ***1.2.1.1. Khái niệm***

Chi phí được hiểu là biểu hiện bằng tiền của toàn bộ các hao phí về lao động sống và lao động vật hóa mà doanh nghiệp bỏ ra có liên quan đến hoạt động sản xuất kinh doanh trong một thời kỳ nhất định.

Cũng như các ngành sản xuất vật chất khác, quá trình sản xuất trong doanh nghiệp xây lắp là quá trình biến đổi các yếu tố đầu vào bao gồm yếu tố về tư liệu lao động, đối tượng lao động và sức lao động để tạo ra sản phẩm xây lắp. Hay nói cách khác, quá trình sản xuất sản phẩm xây lắp là quá trình kết hợp của 3 yếu tố trên.

Như vậy, chi phí sản xuất của đơn vị xây lắp là toàn bộ chi phí về lao động sống và lao động vật hóa phát sinh trong quá trình sản xuất và cấu thành nên giá thành của sản phẩm xây lắp.

Theo đó chi phí về tiền công là biểu hiện bằng tiền của lao động sống, còn chi phí nguyên vật liệu,... là biểu hiện bằng tiền của lao động vật hóa.

#### *1.2.1.2. Phân loại chi phí sản xuất trong doanh nghiệp xây lắp*

Trong các doanh nghiệp sản xuất nói chung và các doanh nghiệp xây lắp nói riêng có nhiều loại chi phí sản xuất với nội dung kinh tế, công dụng và đặc tính khác nhau nên cần phải có sự phân loại chi phí để thuận lợi cho công tác quản lý và hạch toán. Phân loại chi phí là việc sắp xếp chi phí sản xuất vào từng loại, từng nhóm khác nhau theo những đặc trưng nhất định nhằm mục đích đáp ứng thông tin cần thiết và tạo điều kiện thuận lợi cho việc sử dụng thông tin kế toán. Do đó, đòi hỏi việc phân loại chi phí sản xuất phải khoa học và thống nhất.

#### **❖ Phân loại chi phí sản xuất theo yếu tố chi phí**

Phân loại chi phí sản xuất theo yếu tố chi phí là việc phân chia chi phí thành những yếu tố chi phí khác nhau nhằm phục vụ cho việc tập hợp, quản lý chi phí theo nội dung kinh tế ban đầu đồng nhất mà không xét đến công dụng cụ thể hay địa điểm phát sinh của chi phí.

Để cung cấp thông tin về chi phí một cách cụ thể và tùy theo yêu cầu, trình độ quản lý mà mức độ chi tiết của các yếu tố có thể khác nhau. Theo quy định hiện hành ở Việt Nam, toàn bộ chi phí được chia thành 5 yếu tố chi phí sau:

- *Yếu tố chi phí nguyên liệu, vật liệu*: bao gồm toàn bộ giá trị nguyên vật liệu chính, vật liệu phụ, phụ tùng thay thế, công cụ, dụng cụ... sử dụng vào sản xuất kinh doanh (loại trừ giá trị vật liệu dùng không hết nhập lại kho và phế liệu thu hồi).

- *Yếu tố chi phí nhân công*: Phản ánh toàn bộ số tiền lương và các khoản trích như BHXH, BHYT, BHTN, KPCĐ tính trên lương của công nhân sản xuất, công nhân sử dụng máy thi công và nhân viên quản lý sản xuất ở các bộ phận, đội sản xuất.

- *Yếu tố chi phí khấu hao tài sản cố định*: Phản ánh tổng số khấu hao tài sản cố định phải trích trong kỳ của tất cả các tài sản cố định sử dụng cho

sản xuất kinh doanh trong kỳ.

- *Yếu tố chi phí dịch vụ mua ngoài*: Phản ánh toàn bộ chi phí dịch vụ mua ngoài dùng vào sản xuất kinh doanh.

- *Yếu tố chi phí khác bằng tiền*: Phản ánh toàn bộ chi phí khác bằng tiền chưa phản ánh ở các yếu tố trên dùng vào hoạt động sản xuất kinh doanh trong kỳ.

Phân loại chi phí sản xuất theo yếu tố giúp cho công việc xây lắp và lập dự toán sản xuất chung cũng như lập kế hoạch cung ứng vật tư, kế hoạch quỹ tiền lương, tính toán nhu cầu vốn lưu động định mức. Đồng thời giúp doanh nghiệp đánh giá được tình hình thực hiện kế hoạch sản xuất, kỹ thuật và tài chính.

Ngoài ra, phân loại chi phí theo yếu tố còn cho phép cơ quan quản lý cấp trên kiểm tra chi phí sản xuất của doanh nghiệp, hao phí vật chất và thu nhập quốc dân.

#### **❖ Phân loại chi phí theo khoản mục trong giá thành sản phẩm**

Cách phân loại này dựa vào công dụng của chi phí và mức phân bổ chi phí cho từng đối tượng nhằm tạo thuận lợi cho việc tính giá thành sản phẩm. Theo quy định hiện hành ở Việt Nam, chi phí sản xuất ở đơn vị xây lắp bao gồm:

- *Chi phí nguyên, vật liệu trực tiếp*: Là các chi phí của các vật liệu chính, vật liệu phụ, vật kết cấu, giá trị thiết bị kèm theo vật kiến trúc... cần thiết để tham gia cấu thành thực thể sản phẩm xây lắp.

- *Chi phí nhân công trực tiếp*: Là chi phí tiền lương chính, lương phụ, phụ cấp lương của công nhân trực tiếp tham gia xây lắp công trình. Không bao gồm các khoản trích theo tiền lương như KPCĐ, BHXH, BHYT, BHTN của công nhân trực tiếp xây lắp.

- *Chi phí sử dụng máy thi công*: Là chi phí cho các máy thi công nhằm thực hiện khối lượng công tác xây, lắp bằng máy. Chi phí sử dụng máy thi công bao gồm chi phí thường xuyên và chi phí tạm thời:

Chi phí thường xuyên sử dụng máy thi công bao gồm: lương chính,

lượng phụ của công nhân điều khiển máy, phục vụ máy; chi phí vật liệu, chi phí công cụ dụng cụ, chi phí khấu hao TSCĐ; chi phí dịch vụ mua ngoài; chi phí khác bằng tiền.

Chi phí tạm thời sử dụng máy thi công gồm: Chi phí sửa chữa lớn máy thi công; chi phí công trình tạm thời cho máy thi công (lều, lán,...). Chi phí tạm thời có thể phát sinh trước (được hạch toán vào TK 142) sau đó được phân bổ dần vào bên Nợ TK 623. Hoặc phát sinh sau nhưng phải tính trước vào chi phí xây lắp trong kỳ, trường hợp này phải tiến hành trích trước chi phí, sử dụng TK 335 (ghi Nợ TK623, Có TK 335).

- *Chi phí sản xuất chung*: Là các chi phí sản xuất của đội, công trường xây lắp bao gồm: Lương của nhân viên quản lý đội xây lắp, các khoản trích theo tiền lương theo tỷ lệ quy định, chi phí khấu hao TSCĐ dùng chung cho hoạt động của đội, chi phí vật liệu, chi phí công cụ dụng cụ và các chi phí khác liên quan đến hoạt động của đội...

#### **❖ Phân loại chi phí theo phương pháp tập hợp chi phí sản xuất và mối quan hệ với đối tượng chịu chi phí**

Theo cách phân loại này, toàn bộ chi phí của doanh nghiệp được chia thành 2 loại: Chi phí trực tiếp và chi phí gián tiếp.

- *Chi phí trực tiếp*: là những chi phí sản xuất có quan hệ trực tiếp với việc sản xuất ra một loại sản phẩm, một công việc nhất định, căn cứ vào số liệu chứng từ kế toán để ghi trực tiếp cho từng đối tượng chịu chi phí.

- *Chi phí gián tiếp*: Là những chi phí sản xuất có liên quan đến việc sản xuất nhiều loại sản phẩm, nhiều công việc, những chi phí này phải thông qua phân bổ cho các đối tượng chịu chi phí có liên quan theo một tiêu chuẩn thích hợp.

Cách phân loại chi phí sản xuất này có ý nghĩa quan trọng trong việc xác định phương pháp kế toán tập hợp và phân bổ chi phí cho các đối tượng một cách đúng đắn, hợp lý.

#### **❖ Phân loại chi phí sản xuất theo nội dung cấu thành chi phí**

Theo cách phân loại này, chi phí sản xuất được chia thành 2 loại: Chi



phí đơn nhất và chi phí tổng hợp.

- *Chi phí đơn nhất*: Là chi phí do một yếu tố duy nhất cấu thành như vật liệu chính dùng trong sản xuất...

- *Chi phí tổng hợp*: Là những chi phí do nhiều yếu tố khác nhau tập hợp lại theo cùng một công dụng như chi phí sản xuất chung.

Cách phân loại này giúp cho việc đánh giá vai trò của từng loại chi phí trong việc hình thành sản phẩm để tổ chức công tác kế toán tập hợp chi phí sản xuất thích hợp với từng loại chi phí.

### **❖ Phân loại chi phí theo mối quan hệ với khối lượng công việc, sản phẩm hoàn thành**

Đề thuận lợi cho việc lập kế hoạch và kiểm tra chi phí đồng thời làm căn cứ để ra quyết định kinh doanh nhằm hạ giá thành sản phẩm, tăng hiệu quả sản xuất kinh doanh thì chi phí sản xuất cần được phân loại theo mối quan hệ với khối lượng công việc hoàn thành. Theo cách này chi phí được chia thành: biến phí và định phí.

- *Biến phí*: Là những chi phí thay đổi về tổng số, về tỷ lệ so với khối lượng công việc hoàn thành.

- *Định phí*: Là những chi phí không đổi về tổng số so với khối lượng công việc hoàn thành.

### **1.2.2. Giá thành sản phẩm và phân loại giá thành sản phẩm xây lắp**

#### **1.2.2.1. Khái niệm về giá thành sản phẩm xây lắp**

Mục đích cuối cùng của quá trình sản xuất trong các doanh nghiệp sản xuất chính là sản phẩm sản xuất, do đó sản phẩm sản xuất luôn là mối quan tâm rất lớn bởi đó là một chỉ tiêu quan trọng ảnh hưởng trực tiếp tới kết quả kinh doanh của doanh nghiệp.

Trong doanh nghiệp sản xuất nói chung thì “giá thành sản phẩm là biểu hiện bằng tiền của toàn bộ các khoản hao phí về lao động sống và lao động vật hóa có liên quan đến khối lượng công tác, sản phẩm dịch vụ đã hoàn thành”.

Tuy nhiên đối với doanh nghiệp xây lắp, thì sản phẩm xây lắp mang

tính cá biệt, nó có thể là công trình – hạng mục công trình hay là khối lượng công việc hoặc giai đoạn công việc có một giá thành riêng. Do đó, *giá thành sản phẩm xây lắp là toàn bộ chi phí tính bằng tiền để hoàn thành khối lượng xây lắp theo quy định.*

#### 1.2.2.2. Phân loại giá thành sản phẩm xây lắp

Để đáp ứng cho yêu cầu quản lý và công tác hạch toán giá thành cũng như yêu cầu xây dựng giá cả hàng hóa nên giá thành cũng được xem xét dưới nhiều góc độ, phạm vi khác nhau.

Với doanh nghiệp xây lắp cần phân biệt các loại giá thành công tác xây lắp sau:

#### ❖ Phân loại theo thời điểm tính và nguồn số liệu để tính:

Căn cứ vào cơ sở dữ liệu và thời điểm tính giá thành thì giá thành được chia làm 3 loại:

##### a. Giá thành dự toán ( $Z_{DT}$ )

Là tổng số các chi phí dự toán để hoàn thành được khối lượng xây lắp. Giá dự toán được xác định trên cơ sở xác định theo thiết kế được duyệt và khung giá được quy định đơn giá xây dựng cơ bản áp dụng từng vùng, lãnh thổ, từng địa phương do cấp có thẩm quyền ban hành.

$$Z_{DT} = \text{Giá trị dự toán} - \text{Lãi định mức}$$

Giá trị dự toán của công trình, hạng mục công trình là chi phí cho công tác xây dựng lắp ráp các cấu kiện, lắp đặt các máy móc thiết bị bao gồm chi phí trực tiếp, chi phí chung và lợi nhuận định mức.

Lợi nhuận định mức là chỉ tiêu của Nhà nước quy định để tích lũy cho xã hội do ngành xây dựng tạo ra.

##### b. Giá thành kế hoạch ( $Z_{KH}$ )

Là giá thành được xây dựng, được tính toán từ những điều kiện cụ thể của doanh nghiệp xây lắp trên cơ sở phân đấu hạ so với giá thành dự toán bằng biện pháp tăng cường quản lý kỹ thuật về biện pháp thi công, các định mức và các đơn giá áp dụng cho đơn vị xây lắp.

$$Z_{KH} = Z_{DT} - \text{Mức hạ giá thành dự toán}$$

Giá thành kế hoạch cho phép ta xem xét và thấy được chính xác những chi phí phát sinh trong từng giai đoạn cũng như hiệu quả của các biện pháp kỹ thuật là hạ giá thành dự toán.

Với những đơn vị không có giá thành dự toán thì giá thành kế hoạch được xác định trước khi bước vào kinh doanh trên cơ sở giá thành thực tế năm trước và gắn liền với sản xuất và tiêu thụ sản phẩm theo một danh mục thống nhất cho từng ngành sản xuất trên cơ sở định mức hao phí lao động vật chất và giá cả kế hoạch. Do vậy, bên cạnh giá thành kế hoạch mà trên cơ sở mức hiện hành cho từng giai đoạn của quá trình đó (tháng, quý, năm). Điều đó giúp cho lãnh đạo doanh nghiệp kịp thời phát hiện sớm để phân đấu hạ giá thành của doanh nghiệp xây lắp.

### ***c. Giá thành định mức***

Là tổng số chi phí để hoàn thành một khối lượng xây lắp cụ thể được tính toán trên cơ sở đặc điểm kết cấu của công trình, về phương pháp tổ chức thi công và quản lý thi công theo các định mức chi phí đã đạt được tại doanh nghiệp, công trường tại thời điểm bắt đầu thi công. Tuy nhiên, khác với giá thành kế hoạch được xây dựng trên cơ sở các định mức bình quân tiên tiến và không biến đổi trong suốt cả kỳ kế hoạch, giá thành định mức được xây dựng trên cơ sở các định mức về chi phí hiện hành tại từng thời điểm nhất định trong kỳ kế hoạch (thường là ngày đầu tháng) nên giá thành định mức luôn thay đổi phù hợp với sự thay đổi của các định mức chi phí đạt được trong quá trình thực hiện kế hoạch giá thành.

### ***d. Giá thành thực tế***

Giá thành thực tế phản ánh toàn bộ chi phí thực tế để hoàn thành bàn giao khối lượng xây lắp mà doanh nghiệp đã nhận thầu. Giá này bao gồm cả chi phí tổn thất theo định mức như các khoản thiệt hại trong sản xuất, các khoản chi phí vượt định mức, lãng phí vật tư, lao động, tiền vốn trong quá trình sản xuất và quản lý của doanh nghiệp, giá thành thực tế được xác định theo số liệu kế toán vào cuối thời kỳ kinh doanh.

Giá thành thực tế mang tính chất xã hội, việc so sánh giữa giá thành

thực tế và giá thành dự toán ta đánh giá được trình độ quản lý của doanh nghiệp. Việc so sánh giá thành thực tế với giá thành kế hoạch cho phép đánh giá sự tiên bộ hay sự non yếu của doanh nghiệp xây lắp trong điều kiện cụ thể cơ sở vật chất, trình độ tổ chức quản lý của doanh nghiệp.

Mối quan hệ giữa 3 loại giá thành dự toán, giá thành kế hoạch và giá thành thực tế về mặt lượng:

$$\text{Giá thành dự toán} > \text{Giá thành kế hoạch} > \text{Giá thành thực tế}$$

Xuất phát từ đặc điểm của sản phẩm xây lắp và đáp ứng yêu cầu công tác quản lý chi phí sản xuất và giá thành sản phẩm xây lắp trong doanh nghiệp xây lắp, giá thành công tác xây lắp còn được theo dõi trên hai chỉ tiêu sau:

+ *Giá thành khối lượng hoàn chỉnh*: Là giá thành của công trình, hạng mục công trình đã hoàn thành, đảm bảo kỹ thuật chất lượng đúng thiết kế như hợp đồng đã ký kết bàn giao được bên chủ đầu tư nghiệm thu và chấp nhận thanh toán.

+ *Giá thành khối lượng hoàn thành quy ước*: Là giá thành của khối lượng công việc đảm bảo thỏa mãn các điều kiện: phải nằm trong thiết kế, đạt đến điểm dừng kỹ thuật hợp lý, đảm bảo chất lượng kỹ thuật được chủ đầu tư nghiệm thu chấp nhận thanh toán.

#### **❖ Phân loại theo phạm vi phát sinh chi phí**

Theo phạm vi phát sinh chi phí, chỉ tiêu giá thành sản phẩm xây lắp được chia thành: giá thành sản xuất và giá thành toàn bộ.

- *Giá thành sản xuất* còn được gọi là giá thành công xưởng. Giá thành sản xuất của sản phẩm xây lắp bao gồm các chi phí sản xuất: chi phí nguyên vật liệu trực tiếp, chi phí nhân công trực tiếp, chi phí sử dụng máy thi công và chi phí sản xuất chung tính cho công trình, hạng mục công trình hoặc lao vụ đã hoàn thành. Giá thành của sản phẩm xây lắp được sử dụng ghi sổ cho sản phẩm đã hoàn thành nhập kho hoặc giao cho khách hàng. Giá thành sản xuất của sản phẩm xây lắp cũng là căn cứ để tính giá vốn hàng bán và lợi nhuận gộp ở các doanh nghiệp xây lắp.

$$\text{Giá thành của sản phẩm xây lắp} = \text{Chi phí sản phẩm dở dang đầu kỳ} + \text{Chi phí phát sinh trong kỳ} - \text{Chi phí dở dang cuối kỳ}$$

- Giá thành toàn bộ còn gọi là giá thành tiêu thụ bao gồm giá thành sản xuất sản phẩm xây lắp cộng thêm chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp tính cho sản phẩm đó. Giá thành toàn bộ của sản phẩm xây lắp chỉ được xác định khi sản phẩm xây lắp được tiêu thụ. Giá thành toàn bộ của sản phẩm xây lắp là căn cứ để tính toán, xác định lợi nhuận trước thuế của doanh nghiệp.

$$\text{Giá thành toàn bộ của sản phẩm tiêu thụ} = \text{Giá thành của sản phẩm đã tiêu thụ} + \text{Chi phí quản lý DN phân bổ cho sp tiêu thụ} + \text{Chi phí bán hàng phân bổ cho sp tiêu thụ}$$

❖ **Ngoài ra trong xây dựng cơ bản còn sử dụng 2 chỉ tiêu giá thành sau:**

- Giá đấu thầu xây lắp: Là một loại giá thành dự toán xây lắp do chủ đầu tư đưa ra để các doanh nghiệp căn cứ vào đó mà xây dựng giá thành của mình (còn gọi là giá thành dự thầu công tác xây lắp). Giá đấu thầu xây lắp do chủ đầu tư đưa ra về nguyên tắc chỉ bằng hoặc nhỏ hơn giá thành dự toán. Có như vậy chủ đầu tư mới tiết kiệm được vốn đầu tư.

- Giá hợp đồng công tác xây lắp: Là loại giá thành dự toán xây lắp trong hợp đồng được ký kết giữa chủ đầu tư và đơn vị xây lắp sau khi thỏa thuận giao thầu. Đó cũng chính là giá thành của doanh nghiệp xây lắp thắng cuộc trong đấu thầu được chủ đầu tư thỏa thuận ký hợp đồng giao thầu. Về nguyên tắc, giá thành hợp đồng nhỏ hơn hoặc bằng giá đấu thầu trong công tác xây lắp.

**1.3. Phương pháp tập hợp chi phí sản xuất và tính giá thành sản phẩm trong doanh nghiệp xây lắp**

**1.3.1. Đối tượng kế toán chi phí sản xuất và tính giá thành sản phẩm**

❖ **Đối tượng hạch toán chi phí sản xuất**

Đối tượng hạch toán chi phí sản xuất là phạm vi, giới hạn để tập hợp

chi phí. Xác định đối tượng tập hợp chi phí là xác định nơi phát sinh chi phí và đối tượng chịu chi phí.

Việc xác định đúng đắn đối tượng hạch toán chi phí sản xuất và đối tượng tính giá thành có ý nghĩa quan trọng trong việc tổ chức tập hợp chi phí cũng như đảm bảo tính chính xác kịp thời trong việc xác định giá thành sản phẩm xây lắp.

Xuất phát từ đặc điểm sản xuất trong kinh doanh xây lắp, có quy trình công nghệ sản xuất phức tạp, sản phẩm được sản xuất đơn chiếc riêng lẻ, theo đơn đặt hàng và việc tổ chức sản xuất được phân chia thành nhiều công trường, nhiều khu vực thi công nên đối tượng hạch toán chi phí sản xuất có thể là: Đơn đặt hàng, sản phẩm, giai đoạn công việc, công trình, hạng mục công trình.

#### **❖ Đối tượng tính giá thành sản phẩm**

Trong xây dựng cơ bản, do tổ chức sản xuất mang đặc điểm đơn chiếc, mỗi sản phẩm xây lắp đều có dự toán, thiết kế riêng nên đối tượng tính giá thành sản phẩm xây lắp là các công trình, hạng mục công trình đã hoàn thành.

Việc xác định đối tượng tính giá thành phẩm cũng phải căn cứ vào đặc điểm cơ cấu sản xuất, đặc điểm quy trình công nghệ sản phẩm, yêu cầu hạch toán kế toán kinh tế và quản lý của doanh nghiệp. Như vậy, đối tượng tập hợp chi phí và tính giá thành giống nhau ở bản chất chung. Chúng đều là phạm vi giới hạn để tập hợp chi phí theo đó và cùng phục vụ công tác quản lý, phân tích kiểm tra chi phí giá thành. Tuy nhiên chúng có những đặc điểm khác nhau chủ yếu sau:

Xác định đối tượng tập hợp chi phí là xác định phạm vi phát sinh chi phí, còn xác định đối tượng tính giá thành là xác định chi phí có liên quan đến kết quả của quá trình sản xuất.

#### ***1.3.2. Phương pháp tập hợp chi phí sản xuất sản phẩm xây lắp***

##### **\* Phương pháp tập hợp trực tiếp**

Được sử dụng đối với các khoản chi phí trực tiếp, là những khoản chi

phí có liên quan trực tiếp đến đối tượng kế toán tập hợp chi phí đã xác định. Công tác hạch toán, ghi chép ban đầu cho phép quy nạp trực tiếp các chi phí này vào từng đối tượng kế toán tập hợp chi phí có liên quan.

### \* Phương pháp phân bổ gián tiếp

Áp dụng khi một loại chi phí có liên quan tới nhiều đối tượng kế toán tập hợp chi phí nên không thể tập hợp trực tiếp cho từng đối tượng được. Vì vậy, theo phương pháp này trước hết phải tập hợp toàn bộ chi phí sau đó tiến hành phân bổ cho từng đối tượng cụ thể. Tiêu thức sử dụng để phân bổ đảm bảo được mối quan hệ tương quan giữa chi phí phân bổ với đối tượng chịu chi phí. Trên cơ sở tiêu thức phân bổ và chi phí cần phân bổ ta có công thức:

$$\mathbf{H} = \frac{\mathbf{C}}{t_i}$$

Trong đó:

C: là tổng chi phí đã tổng hợp được trong kỳ phân bổ cho các đối tượng tính giá thành

H: là hệ số chi phí phân bổ

$t_i$ : là tổng đơn vị tiêu thức phân bổ thuộc đối tượng tính giá thành “i”

- Số chi phí phân bổ cho từng đối tượng tính giá thành xác định theo công thức:

$$\mathbf{C}_i = t_i * \mathbf{H}$$

$C_i$ : Là số chi phí sản phẩm thực tế phát sinh đã tính toán (phân bổ) cho đối tượng tính giá thành “i”

Kết hợp đồng thời với phương pháp tập hợp chi phí sản xuất trên và để phù hợp với đặc điểm hạch toán của ngành trong các doanh nghiệp xây lắp cần thực hiện một số phương pháp tập hợp chi phí sản xuất sau:

- Phương pháp tập hợp chi phí theo đơn đặt hàng: Các chi phí sản xuất phát sinh được tập hợp theo từng đơn đặt hàng riêng biệt và như vậy tổng số chi phí phát sinh tập hợp được từ khi khởi công đến khi hoàn thành đơn đặt hàng là giá thành thực tế của đơn đặt hàng đó.

- Phương pháp tập hợp chi phí theo đơn vị thi công: Chi phí sản xuất

phát sinh cho đơn vị thi công nào thì được tập hợp riêng cho đơn vị thi công đó. Tại mỗi đơn vị thi công, chi phí sản xuất lại được tập hợp cho từng đối tượng chịu chi phí: công trình, hạng mục công trình, nhóm hạng mục công trình... Cuối kỳ, tổng số chi phí tập hợp được phân bổ cho từng công trình, hạng mục công trình để tính giá thành sản phẩm riêng.

### **1.3.3. Phương pháp đánh giá sản phẩm dở dang**

Sản phẩm dở dang trong xây dựng có thể là công trình, hạng mục công trình dở dang chưa hoàn thành, khối lượng xây lắp thi công dở dang chưa được bên chủ đầu tư nghiệm thu, thanh toán. Đánh giá sản phẩm dở dang là tính toán, xác định phần chi phí sản xuất cho khối lượng làm dở cuối kỳ theo những nguyên tắc nhất định. Chi phí sản xuất tính cho sản phẩm xây lắp dở dang cuối kỳ được tính toán trên cơ sở phân bổ chi phí xây lắp thực tế phát sinh cho các khối lượng công việc hay giai đoạn xây lắp chưa hoàn thành trên cơ sở tiêu thức phân bổ là giá trị dự toán hay chi phí dự toán. Trong đó các công việc hay giai đoạn xây lắp dở dang có thể được tính theo mức độ hoàn thành.

#### **❖ Các phương pháp đánh giá sản phẩm dở dang**

##### **+ Phương pháp đánh giá sản phẩm dở dang theo chi phí dự toán:**

Theo phương pháp này chi phí thực tế của khối lượng xây lắp dở dang cuối kỳ được xác định như sau:

$$\begin{array}{r}
 \text{CP thực tế} \\
 \text{của khối} \\
 \text{lượng xây} \\
 \text{lắp dở dang} \\
 \text{cuối kỳ}
 \end{array}
 = \frac{
 \begin{array}{r}
 \text{CP thực tế của} \\
 \text{khối lượng xây} \\
 \text{lắp DĐĐK}
 \end{array}
 +
 \begin{array}{r}
 \text{CP thực tế của} \\
 \text{khối lượng xây} \\
 \text{lắp thực hiện} \\
 \text{trong kỳ}
 \end{array}
 }{
 \begin{array}{r}
 \text{CP của khối} \\
 \text{lượng xây lắp} \\
 \text{hoàn thành bàn} \\
 \text{giao trong kỳ} \\
 \text{theo dự toán}
 \end{array}
 +
 \begin{array}{r}
 \text{CP của khối} \\
 \text{lượng xây lắp} \\
 \text{dở dang cuối} \\
 \text{kỳ theo dự} \\
 \text{toán}
 \end{array}
 }
 \times
 \begin{array}{r}
 \text{CP của} \\
 \text{khối lượng} \\
 \text{xây lắp dở} \\
 \text{dang cuối} \\
 \text{kỳ theo dự} \\
 \text{toán}
 \end{array}$$



Phương pháp này được áp dụng trong trường hợp đối tượng tập hợp chi phí sản xuất và đối tượng tính giá thành trùng nhau.

**+ Phương pháp đánh giá sản phẩm dở dang theo tỷ lệ hoàn thành tương đương:**

$$\begin{array}{l}
 \text{CP thực tế của khối lượng xây lắp dở dang cuối kỳ} \\
 = \\
 \frac{\text{CP thực tế của khối lượng xây lắp dở dang đầu kỳ} + \text{CP thực tế của khối lượng xây lắp thực hiện trong kỳ}}{\text{CP của khối lượng xây lắp hoàn thành bàn giao trong kỳ theo dự toán} + \text{CP của khối lượng xây lắp DDCK đã tính đổi theo sản lượng hoàn thành tương đương}} \times \text{CP của khối lượng xây lắp DDCK đã tính đổi theo sản lượng hoàn thành tương đương}
 \end{array}$$

Phương pháp này chủ yếu áp dụng đối với việc đánh giá sản phẩm làm dở dang công tác lắp đặt.

**+ Phương pháp đánh giá sản phẩm dở dang theo giá trị dự toán:** Theo phương pháp này, chi phí thực tế của khối lượng xây lắp dở dang cuối kỳ được xác định như sau:

$$\begin{array}{l}
 \text{CP thực tế của khối lượng xây lắp dở dang cuối kỳ} \\
 = \\
 \frac{\text{CP thực tế của khối lượng xây lắp dở dang đầu kỳ} + \text{CP thực tế của khối lượng xây lắp thực hiện trong kỳ}}{\text{Giá trị của khối lượng xây lắp hoàn thành bàn giao trong kỳ theo dự toán} + \text{Giá trị của khối lượng xây lắp dở dang cuối kỳ theo dự toán}} \times \text{Giá trị của khối lượng xây lắp dở dang cuối kỳ theo dự toán}
 \end{array}$$

Trong đó giá thành sản xuất thực tế từng công trình, hạng mục công trình hoàn thành bàn giao được tính theo số liệu chi tiết chi phí sản xuất kinh

doanh của công trình, hạng mục công trình đó.

#### 1.3.4. Phương pháp tính giá thành

Phương pháp tính giá thành sản phẩm là phương pháp sử dụng số liệu về chi phí sản xuất để tính toán ra tổng giá thành và giá thành đơn vị thực tế của sản phẩm hoặc lao vụ đã hoàn thành theo các yếu tố hoặc khoản mục giá thành trong kỳ tính giá thành đã được xác định.

Tùy theo đặc điểm của từng đối tượng tính giá thành, mối quan hệ giữa các đối tượng tập hợp chi phí sản xuất và đối tượng tính giá thành mà kế toán phải lựa chọn sử dụng một hoặc kết hợp nhiều phương pháp thích hợp để tính giá thành cho từng đối tượng. Trong các doanh nghiệp xây lắp thường áp dụng phương pháp tính giá thành sau:

##### ❖ Phương pháp tính giá thành trực tiếp (giản đơn):

Đây là phương pháp tính giá thành phổ biến trong các doanh nghiệp xây lắp. Vì hiện nay sản xuất sản phẩm xây lắp mang tính đơn chiếc cho nên đối tượng tập hợp chi phí sản xuất thường phù hợp với đối tượng tính giá thành.

Hơn nữa áp dụng phương pháp này cho phép cung cấp kịp thời số liệu giá thành cho mỗi kỳ báo cáo, cách tính toán thực hiện đơn giản dễ dàng.

Theo phương pháp này thì tất cả các chi phí phát sinh trực tiếp cho một công trình, hạng mục công trình từ khi khởi công đến khi hoàn thành chính thức là giá thành thực tế của công trình, hạng mục công trình đó. Giá thành sản phẩm theo phương pháp này được tính như sau:

$$\begin{array}{ccccccc} \text{Giá thành thực tế} & & & & & & \text{Chi phí} \\ \text{của khối lượng} & & \text{Chi phí thực} & & \text{Chi phí thực} & & \text{thực tế} \\ \text{xây lắp hoàn} & = & \text{tế dở dang} & + & \text{tế phát sinh} & - & \text{dang cuối} \\ \text{thành bàn giao} & & \text{đầu kỳ} & & \text{trong kỳ} & & \text{kỳ} \end{array}$$

Trong trường hợp chi phí sản xuất tập hợp cho cả công trình nhưng giá thành thực tế phải tính riêng cho từng hạng mục công trình, kế toán có thể căn cứ vào chi phí sản xuất của cả nhóm và hệ số kinh tế kỹ thuật đã quy định cho từng hạng mục công trình để tính giá thực tế cho từng hạng mục

công trình.

❖ **Phương pháp tính giá thành theo đơn đặt hàng:**

Phương pháp này áp dụng thích hợp trong trường hợp doanh nghiệp nhận thầu xây lắp theo đơn đặt hàng. Khi đó đối tượng tập hợp chi phí sản xuất và đối tượng tính giá thành là từng loại đơn đặt hàng.

Theo phương pháp này, hàng tháng chi phí sản xuất thực tế phát sinh được tập hợp theo từng đơn đặt hàng và khi hoàn thành công trình thì chi phí sản xuất thực tế tập hợp được cũng chính là giá thành thực tế của đơn đặt hàng đó.

❖ **Phương pháp tính giá thành theo định mức:**

Phương pháp này áp dụng đối với các doanh nghiệp xây dựng thỏa mãn các điều kiện sau:

- Phải tính được giá thành định mức trên cơ sở các định mức và đơn giá tại thời điểm tính giá thành.
- Vạch ra được một cách chính xác các thay đổi về định mức trong quá trình thực hiện thi công công trình.
- Xác định được các chênh lệch định mức và nguyên nhân gây ra các chênh lệch đó.

Theo phương pháp này giá thành thực tế sản phẩm xây lắp được xác định:

Giá thành thực		Giá thành định		Chênh lệch		Chênh lệch
tế của sản	=	mức của sản	+	do thay đổi	+	do thoát ly
phẩm xây lắp		phẩm xây lắp	-	định mức	-	định mức

Trong đó:

$$\text{Chênh lệch do thay đổi định mức} = \text{Định mức mới} - \text{Định mức cũ}$$

$$\text{Chênh lệch do thoát ly định mức} = \text{Chi phí thực tế (theo từng khoản mục)} - \text{Chi phí định mức (theo từng khoản mục)}$$

Áp dụng phương pháp này có tác dụng trong việc kiểm tra tình hình thực hiện định mức dự toán chi phí sản xuất, tình hình sử dụng hợp lý tiết kiệm hiệu quả hay lãng phí sản xuất ngay cả khi chưa có sản phẩm hoàn thành. Giảm bớt khối lượng tính toán của kế toán nhằm nâng cao hiệu quả công tác kế toán trong các doanh nghiệp xây lắp.

#### ❖ Phương pháp tổng cộng chi phí

Phương pháp này được áp dụng thích hợp với công việc xây dựng các công trình lớn, phức tạp và quá trình xây lắp sản phẩm có thể chia ra cho các đội sản xuất khác nhau. Khi đó đối tượng tập hợp chi phí sản xuất là từng đội sản xuất, còn đối tượng tính giá thành là sản phẩm hoàn thành cuối cùng.

Để tính giá thành sản phẩm cuối cùng phải tổng hợp chi phí sản xuất trừ đi chi phí thực tế của sản phẩm dở dang cuối kỳ của từng đội và cộng thêm chi phí thực tế của sản phẩm dở dang đầu kỳ. Công thức tính như sau:

$$Z = D_{DK} + C_1 + C_2 + \dots + C_n - D_{CK}$$

Trong đó:

Z: Giá thành thực tế của toàn bộ công trình

$D_{DK}$ : Chi phí thực tế sản phẩm dở dang đầu kỳ

$C_1, C_2, \dots, C_n$ : Chi phí sản xuất ở từng đội sản xuất hay từng hạng mục công trình của một công trình.

$D_{CK}$ : Chi phí thực tế sản phẩm dở dang cuối kỳ

#### ❖ Phương pháp tỷ lệ

$$\begin{array}{l} \text{Giá thành thực tế sản} \\ \text{phẩm hoàn thành} \end{array} = \begin{array}{l} \text{Giá thành kế} \\ \text{hoạch (dự toán)} \end{array} \times \begin{array}{l} \text{Tỷ lệ giữa chi phí} \\ \text{thực tế so với kế} \\ \text{hoạch (dự toán)} \end{array}$$

Phương pháp này được áp dụng trong trường hợp mà đối tượng tập hợp chi phí sản xuất theo nhóm sản phẩm nhưng đối tượng tính giá thành lại là sản phẩm từng loại. Khi đó, kế toán căn cứ vào tỷ lệ chi phí giữa chi phí sản xuất thực tế với chi phí sản xuất kế hoạch (hoặc dự toán) của các công trình – hạng mục công trình liên quan.

Như vậy, để tính giá thành sản phẩm xây lắp hoàn thành ta có thể tính

bằng nhiều phương pháp khác nhau, trong doanh nghiệp xây lắp thì sản phẩm cuối cùng là các công trình – hạng mục công trình xây dựng xong và đưa vào sử dụng do đó hạch toán chi phí sản xuất và tính giá thành là tính được giá thành của sản phẩm đó. Tuy nhiên, với đặc thù của ngành sản xuất xây lắp và phương thức thanh toán khối lượng xây lắp hoàn thành, trong kỳ kế toán có thể có một bộ phận công trình hoặc khối lượng hoàn thành được thanh toán với chủ đầu tư. Vì vậy trong từng thời kỳ báo cáo ngoài việc tính giá thành các hạng mục công trình đã hoàn thành phải tính giá thành khối lượng công tác xây lắp hoàn thành và bàn giao trong kỳ.

Để phục vụ cho mục đích so sánh, phân tích chi phí sản xuất và tính giá thành với dự toán, kế toán cần lập thẻ tính giá thành chi tiết theo khoản mục chi phí. Căn cứ để lập thẻ tính giá thành là sổ hạch toán chi tiết chi phí sản xuất kỳ này, bảng kê đánh giá sản phẩm dở dang cuối kỳ và thẻ tính giá thành kỳ trước. Nếu trong doanh nghiệp có nhiều công trình hoàn thành thì kế toán lập bảng tổng hợp giá thành.

#### **1.4. Tổ chức công tác kế toán tập hợp chi phí sản xuất và tính giá thành sản phẩm trong doanh nghiệp xây lắp.**

##### ***1.4.1. Kế toán tập hợp chi phí sản xuất trong doanh nghiệp hạch toán hàng tồn kho theo phương pháp kê khai thường xuyên***

###### ***1.4.1.1. Kế toán chi phí nguyên vật liệu trực tiếp***

Chi phí nguyên vật liệu trực tiếp là toàn bộ chi phí nguyên vật liệu thực tế sử dụng trong quá trình sản xuất xây lắp như nguyên vật liệu chính, vật liệu phụ, vật liệu khác cho từng công trình, hạng mục công trình.

Chi phí nguyên vật liệu trực tiếp có liên quan đến công trình, hạng mục công trình nào thì tổ chức tổng hợp theo phương pháp trực tiếp cho công trình, hạng mục công trình đó theo giá trị thực tế. Đối với các vật liệu liên quan đến nhiều đối tượng tập hợp chi phí (nhiều công trình, hạng mục công trình) phải phân bổ cho từng đối tượng theo tiêu chuẩn hợp lý như số lần sử dụng, định mức chi phí, khối lượng xây lắp hoàn thành.

*\* Tài khoản sử dụng:*

Đề tập hợp chi phí nguyên vật liệu trực tiếp kế toán sử dụng tài khoản 621 “Chi phí nguyên vật liệu trực tiếp”. Tài khoản này dùng để phản ánh các chi phí NVL sử dụng trực tiếp cho hoạt động xây lắp, sản xuất sản phẩm,... của doanh nghiệp xây lắp. Tài khoản này được mở chi tiết theo đối tượng hạch toán chi phí.

*\* Nguyên tắc hạch toán tài khoản 621:*

- Chỉ hạch toán vào TK 621 những nguyên vật liệu được sử dụng trực tiếp để tạo ra sản phẩm xây lắp trong kỳ sản xuất kinh doanh. Chi phí nguyên vật liệu phải tính theo giá thực tế khi xuất sử dụng.

- Trong kỳ hạch toán, kế toán tiến hành tập hợp chi phí nguyên vật liệu trực tiếp vào bên Nợ TK 621 theo từng đối tượng sử dụng trực tiếp các nguyên vật liệu này hoặc tập hợp chung cho quá trình sản xuất, chế tạo sản phẩm xây lắp nếu không thể xác định cụ thể rõ ràng nguyên vật liệu sử dụng cho từng công trình.

- Cuối kỳ hạch toán, kế toán tiến hành kết chuyển (nếu nguyên vật liệu đã được tập hợp riêng cho từng đối tượng sử dụng) hoặc tiến hành phân bổ và kết chuyển (nếu nguyên vật liệu không được tập hợp riêng biệt cho từng đối tượng sử dụng) vào các tài khoản liên quan để phục vụ cho việc tính giá thành thực tế của sản phẩm xây lắp. Nếu tiến hành phân bổ phải dựa trên các tiêu thức phân bổ hợp lý.

- Chỉ kết chuyển những chi phí trực tiếp thực tế sử dụng cho sản xuất, chế tạo sản phẩm xây lắp vào TK 154 để tính giá thành công trình xây lắp mà không bao gồm những nguyên vật liệu sử dụng không hết nhập kho hoặc được để lại tại hiện trường.

- Đối với trường hợp nguyên vật liệu mua về nếu sử dụng ngay (không qua kho) cho sản xuất kinh doanh hàng hóa dịch vụ chịu thuế GTGT theo phương pháp khấu trừ thì chi phí nguyên vật liệu của khối lượng nguyên vật liệu mua vào là giá mua chưa có thuế GTGT đầu vào. Nếu sử dụng cho sản xuất kinh doanh hàng hóa dịch vụ không chịu thuế GTGT hoặc chịu thuế

GTGT theo phương pháp trực tiếp thì chi phí nguyên vật liệu là giá mua bao gồm cả thuế GTGT đầu vào.

*\* Kết cấu và nội dung phản ánh của tài khoản 621:*

**Bên nợ:**

- Trị giá nguyên vật liệu xuất dùng trực tiếp cho hoạt động sản xuất trong kỳ hạch toán.

**Bên có:**

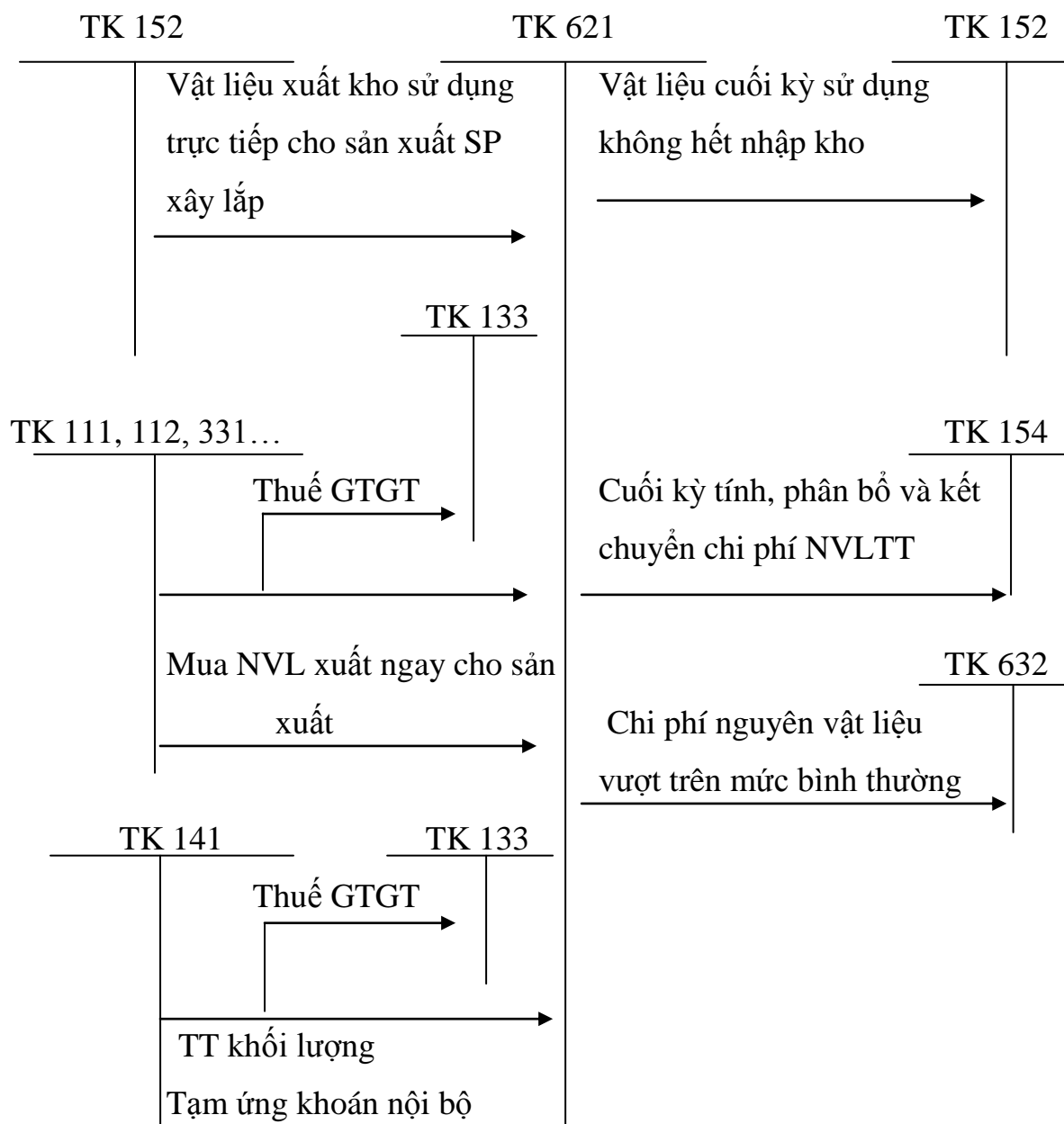
- Kết chuyển hoặc tính phân bổ trị giá nguyên vật liệu thực tế sử dụng cho hoạt động sản xuất trong kỳ vào tài khoản 154 “Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang” và chi tiết cho các đối tượng để tính giá thành dịch vụ.

- Kết chuyển chi phí nguyên vật liệu trực tiếp vượt trên mức bình thường vào tài khoản 632.

- Trị giá nguyên vật liệu trực tiếp sử dụng không hết được nhập lại kho.

*Tài khoản 621 không có số dư cuối kỳ*

**Sơ đồ 1.1: Trình tự kế toán chi phí nguyên vật liệu trực tiếp**



**1.4.1.2. Kế toán chi phí nhân công trực tiếp**

Chi phí nhân công trực tiếp trong các đơn vị xây lắp bao gồm thù lao phải trả cho công nhân trực tiếp thực hiện khối lượng công tác xây lắp như tiền lương chính, tiền lương phụ, chi phí nhân công trực tiếp ở các đơn vị xây lắp khác với các doanh nghiệp sản xuất khác là không bao gồm các khoản trích theo tiền lương như BHXH, BHYT, BHTN, KPCĐ của công nhân trực tiếp xây lắp.

Chi phí nhân công trực tiếp thường được tính trực tiếp cho từng đối tượng chịu chi phí liên quan. Nếu chi phí nhân công trực tiếp có liên quan



đến nhiều đối tượng tính giá thành mà không tập hợp riêng được thì có thể tập hợp chung sau đó chọn tiêu thức thích hợp để phân bổ cho các đối tượng chi phí liên quan.

*\* Tài khoản sử dụng:*

Để tập hợp chi phí nhân công trực tiếp sử dụng tài khoản 622. Tài khoản này được mở chi tiết cho từng đối tượng chịu chi phí (công trình, hạng mục công trình,...).

*\* Nguyên tắc hạch toán tài khoản 622*

- Không hạch toán vào tài khoản này những khoản phải trả về tiền lương và các khoản phụ cấp,... cho nhân viên quản lý, nhân viên văn phòng của bộ máy quản lý doanh nghiệp hoặc bộ phận hoạt động bán hàng.

- Không hạch toán các khoản trích theo lương như BHXH, BHYT, BHTN, KPCĐ của công nhân trực tiếp xây lắp.

*\* Cách tính lương trong doanh nghiệp xây lắp*

Trong các doanh nghiệp xây lắp, có hai cách tính lương chủ yếu là tính lương theo công việc giao khoán và tính lương theo thời gian.

Nếu tính lương theo công việc giao khoán thì chứng từ ban đầu là “hợp đồng khoán”, trên hợp đồng khoán thể hiện công việc khoán có thể là từng phần việc, nhóm công việc, có thể là hạng mục công trình, thời gian thực hiện hợp đồng, đơn giá từng phần việc, chất lượng công việc giao khoán. Tùy theo khối lượng công việc giao khoán hoàn thành số lượng phải trả được tính như sau:

$$\begin{array}{l} \text{Tiền lương phải} \\ \text{trả} \end{array} = \begin{array}{l} \text{Khối lượng công việc} \\ \text{hoàn thành} \end{array} \times \begin{array}{l} \text{Đơn giá khối lượng} \\ \text{công việc} \end{array}$$

Nếu tính theo thời gian thì căn cứ để hạch toán là “Bảng chấm công” và phiếu làm thêm giờ... Căn cứ vào tình hình thực tế, người có trách nhiệm sẽ tiến hành theo dõi và chấm công hàng ngày cho công nhân trực tiếp trên bảng chấm công. Cuối tháng người chấm công, người phụ trách bộ phận sẽ ký vào bảng chấm công và phiếu làm thêm giờ sau đó chuyển đến phòng kế toán. Các chứng từ này sẽ được kiểm tra, làm căn cứ hạch toán chi phí tiền

lương. Theo cách tính lương này, mức lương phải trả trong tháng được tính như sau:

$$\begin{matrix} \text{Tiền lương phải trả} \\ \text{trong tháng} \end{matrix} = \begin{matrix} \text{Mức lương một ngày} \\ \text{công} \end{matrix} \times \begin{matrix} \text{Số ngày làm} \\ \text{việc trong} \\ \text{tháng} \end{matrix}$$

\* **Kết cấu tài khoản 622:**

**Bên Nợ:**

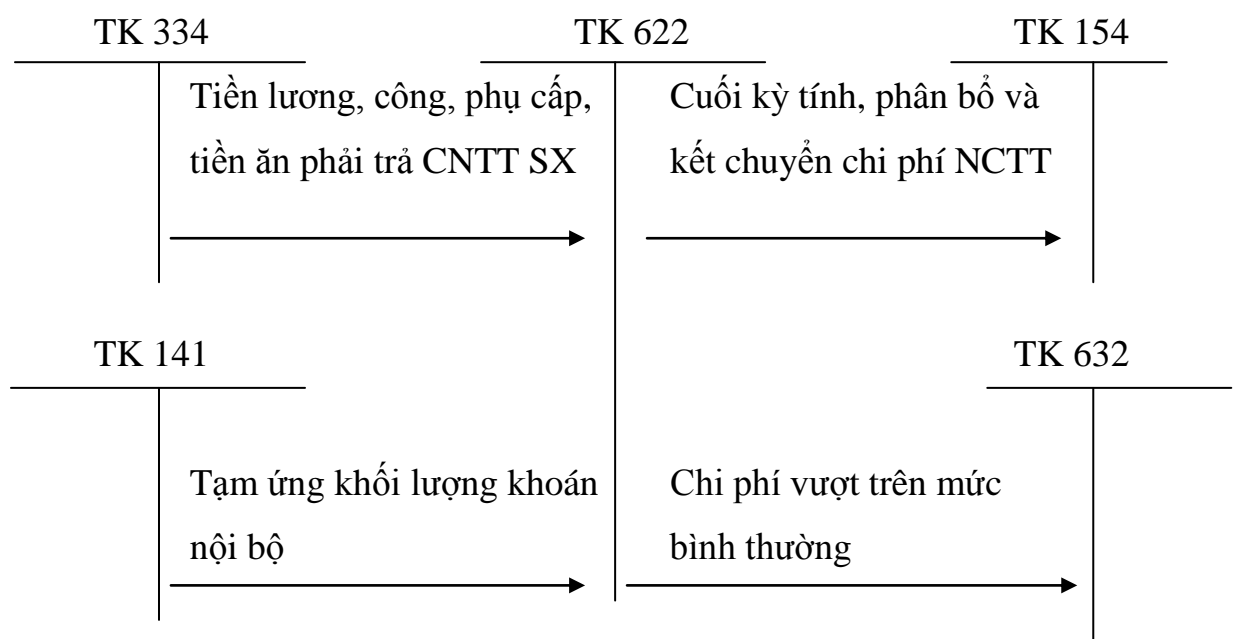
- Chi phí nhân công trực tiếp tham gia vào quá trình sản xuất sản phẩm, cung cấp dịch vụ bao gồm tiền công, tiền lương, các khoản phụ cấp.

**Bên Có:**

- Kết chuyển chi phí nhân công trực tiếp sang tài khoản 154

Tài khoản 622 không có số dư cuối kỳ

**Sơ đồ 1.2: Trình tự kế toán chi phí nhân công trực tiếp**



**1.4.1.3. Kế toán chi phí sử dụng máy thi công**

Máy thi công là các loại xe, máy được sử dụng trực tiếp để thi công xây lắp cho các công trình như: Máy ủi, máy xúc,... máy thi công có thể do doanh nghiệp tự trang bị để sử dụng lâu dài hoặc do doanh nghiệp đi thuê từ bên ngoài để phục vụ công tác thi công cho kịp tiến độ công tác thi công.

Chi phí sử dụng máy thi công là toàn bộ các chi phí trực tiếp phát sinh trong quá trình sử dụng máy thi công để thực hiện khối lượng công việc xây

lắp bằng máy.

Nếu máy thi công phục vụ cho nhiều công trình, hạng mục công trình ngay từ đầu không thể hạch toán riêng được thì được tập hợp chung sau đó phân bổ theo tiêu thức hợp lý (số giờ máy hoạt động, lương của công nhân trực tiếp sản xuất...)

*\* Tài khoản sử dụng:*

Tài khoản dùng để hạch toán chi phí sử dụng máy thi công phụ thuộc vào hình thức sử dụng máy thi công

+ Trường hợp doanh nghiệp xây lắp thực hiện xây lắp công trình theo phương thức thi công hỗn hợp, vừa thủ công vừa kết hợp bằng máy thì sử dụng tài khoản 623 “ Chi phí sử dụng máy thi công”.

+ Trường hợp doanh nghiệp xây lắp thực hiện xây lắp công trình hoàn toàn bằng máy thì không sử dụng tài khoản 623, các chi phí liên quan đến máy sẽ được hạch toán trực tiếp vào TK 621, 622, 627

*\* Nguyên tắc hạch toán tài khoản 623*

- TK này chỉ sử dụng để hạch toán chi phí sử dụng máy thi công trong trường hợp doanh nghiệp xây lắp thực hiện xây lắp công trình theo phương thức thi công hỗn hợp vừa thủ công vừa kết hợp máy.

- Không hạch toán tài khoản 623 các khoản trích về BHYT, BHXH, BHTN, KPCĐ tính trên tiền lương phải trả công nhân sử dụng máy thi công

*\* Phương pháp hạch toán chi phí sử dụng máy thi công*

Để hạch toán và xác định chi phí sử dụng máy thi công một cách chính xác kịp thời cho các đối tượng chịu chi phí, trước hết phải tổ chức tốt khâu hạch toán hàng ngày của máy thi công trên các phiếu hoạt động của xe máy thi công.

Hạch toán chi phí sử dụng máy thi công phụ thuộc vào hình thức sử dụng máy thi công là doanh nghiệp có tổ chức đội máy thi công riêng hoặc từng đội xây lắp có máy thi công riêng hoặc đi thuê ngoài dịch vụ máy.

\* *Kết cấu tài khoản 623:*

**Bên Nợ:**

- Các chi phí liên quan đến máy thi công (Chi phí NVL cho máy hoạt động, chi phí tiền lương và các khoản phụ cấp lương, tiền công của công nhân trực tiếp điều khiển máy, chi phí bảo dưỡng, sửa chữa máy thi công,...)

**Bên Có:**

- Kết chuyển chi phí sử dụng máy thi công sang bên Nợ TK 154 – Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang.

- Kết chuyển chi phí sử dụng máy thi công vượt mức bình thường vào tài khoản 632.

*Tài khoản 623 không có số dư cuối kỳ*

Tài khoản 623 có 6 tài khoản cấp 2:

TK 6231 – Chi phí nhân công

TK 6232 – Chi phí vật liệu

TK 6233 – Chi phí dụng cụ

TK 6234 – Chi phí khấu hao máy thi công

TK 6237 – Chi phí dịch vụ mua ngoài

TK 6238 – Chi phí bằng tiền khác

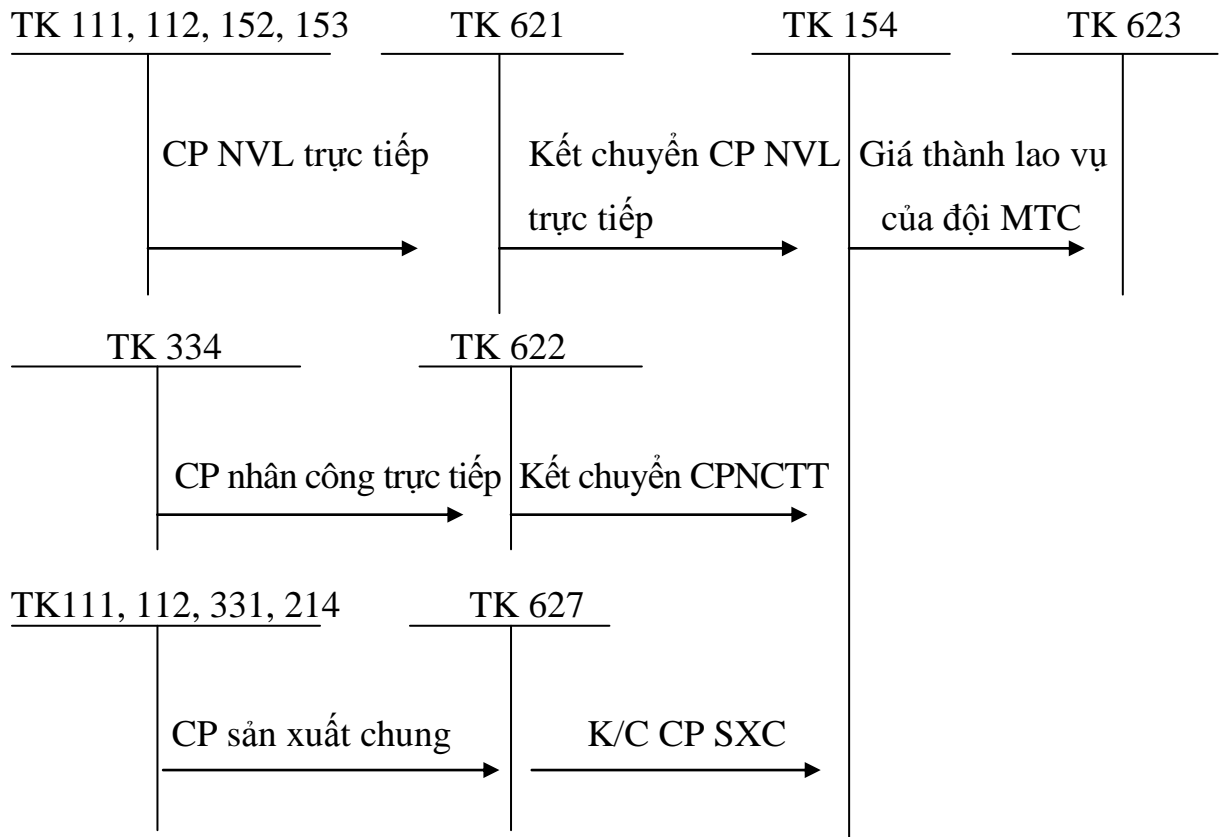
\* *Trình tự hạch toán chi phí sử dụng máy thi công*

Đối với mỗi hình thức sử dụng máy thi công, kế toán có cách hạch toán phù hợp.

*a. Trường hợp doanh nghiệp có tổ chức đội máy thi công riêng đồng thời có tổ chức kế toán riêng*

Toàn bộ chi phí liên quan trực tiếp đến đội máy thi công được tập hợp riêng trên các TK 621, TK 622, TK 627. Cuối kỳ kết chuyển vào TK 154 để tính giá thành ca máy. Từ đó xác định giá trị mà đội thi công phục vụ cho từng đối tượng (công trình, hạng mục công trình).

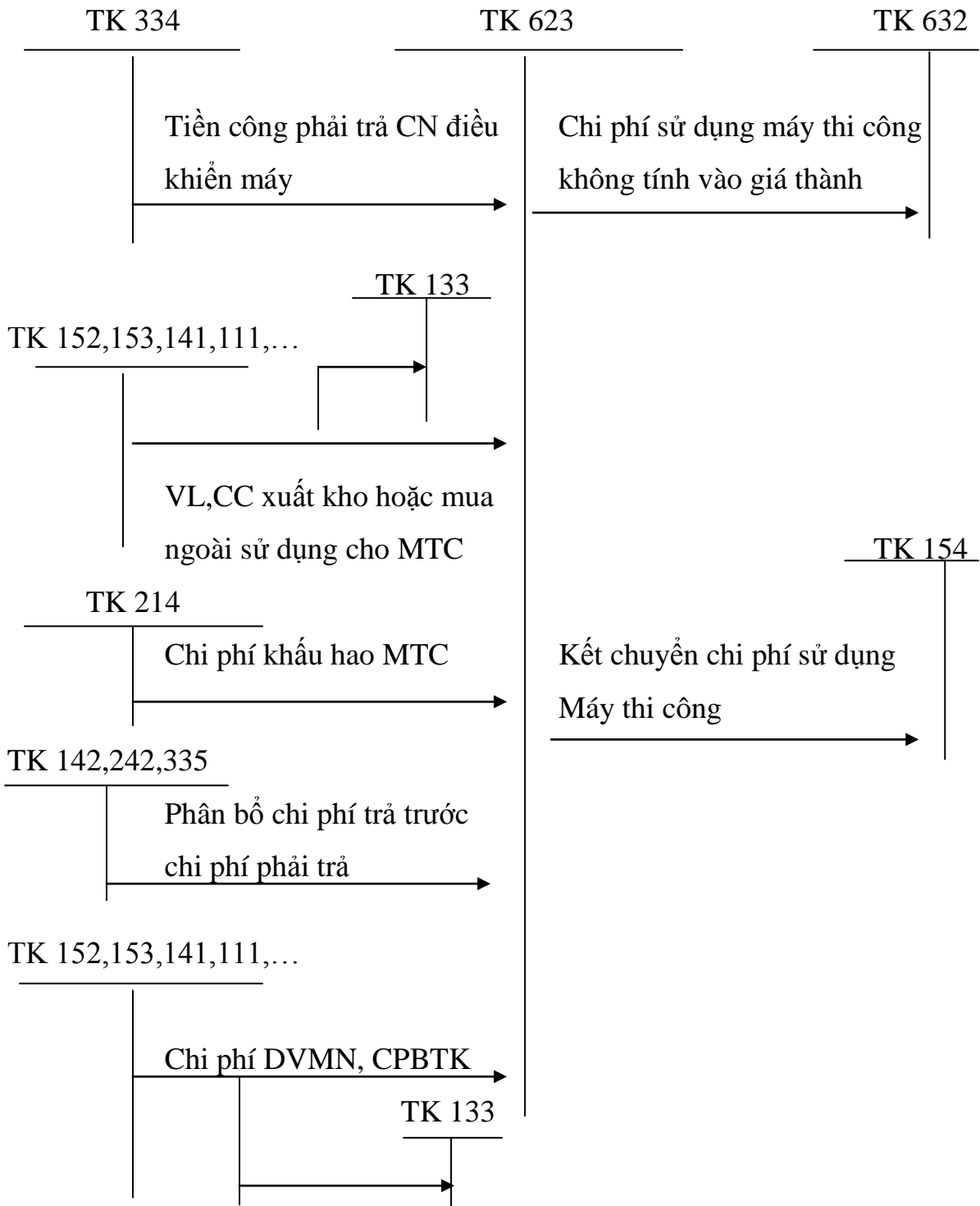
**Sơ đồ 1.3: Hạch toán chi phí máy thi công (trường hợp công ty có đội máy thi công riêng đồng thời tổ chức kế toán riêng)**



b. Trường hợp doanh nghiệp có đội máy thi công riêng nhưng không tổ chức hạch toán riêng.

Trường hợp này các chi phí có liên quan đến máy thi công được tập hợp riêng, cuối kỳ phân bổ hoặc kết chuyển theo từng đối tượng (công trình, hạng mục công trình)

**Sơ đồ 1.4. Hạch toán chi phí máy thi công (Trường hợp có đội máy thi công riêng nhưng không tổ chức hạch toán riêng)**





$$\begin{array}{l} \text{Mức chi phí} \\ \text{sản xuất} \\ \text{chung phân} \\ \text{bổ cho từng} \\ \text{đối tượng} \end{array} = \frac{\text{Tổng chi phí sản xuất} \\ \text{chung cần phân bổ}}{\text{Tổng tiêu thức phân bổ} \\ \text{của các đối tượng}} \times \begin{array}{l} \text{Tổng tiêu} \\ \text{thức phân} \\ \text{bổ của từng} \\ \text{đối tượng} \end{array}$$

*\* Tài khoản sử dụng:*

Để phản ánh và phân bổ chi phí sản xuất chung, kế toán sử dụng tài khoản 627 “chi phí sản xuất chung”. Tài khoản này dùng để phản ánh các khoản chi phí của cả đội, công trình xây lắp.

*\* Kết cấu của tài khoản 627*

**Bên Nợ:**

- Các khoản chi phí sản xuất chung thực tế phát sinh trong kỳ

**Bên Có:**

- Các khoản ghi giảm chi phí sản xuất chung trong kỳ

- Kết chuyển chi phí sản xuất chung sang bên nợ TK 154 – Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang.

*Tài khoản 627 không có số dư cuối kỳ*

Tài khoản 627 có 6 tài khoản cấp 2:

TK 6271 – Chi phí nhân viên đội sản xuất

TK 6272 – Chi phí đội sản xuất

TK 6273 – Chi phí dụng cụ sản xuất

TK 6274 – Chi phí khấu hao tài sản cố định

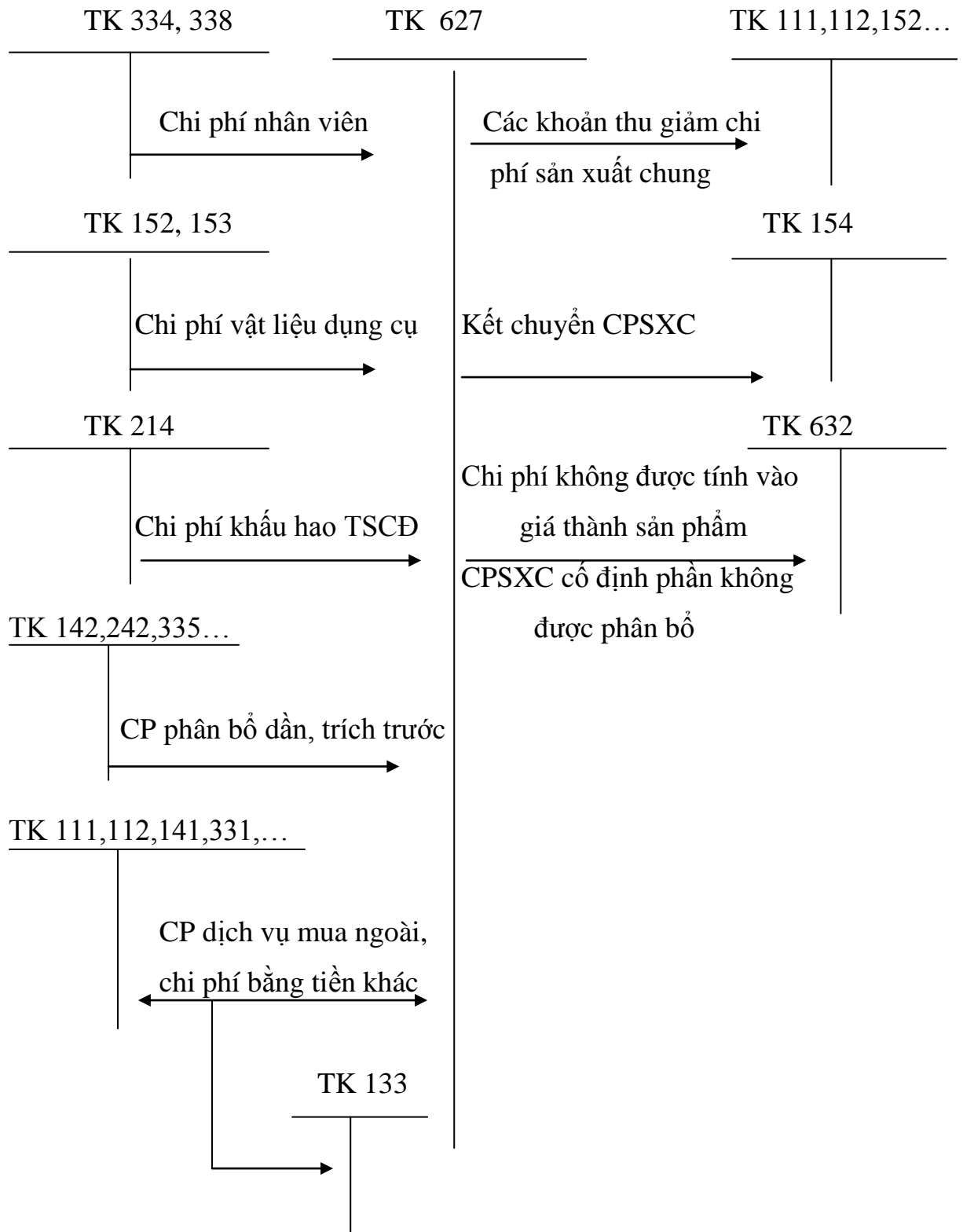
TK 6277 – Chi phí dịch vụ mua ngoài

TK 6278 – Chi phí bằng tiền khác



\* Phương pháp hạch toán chi phí sản xuất chung

Sơ đồ 1.6: Trình tự kế toán chi phí sản xuất chung



*1.4.1.5. Kế toán tổng hợp chi phí sản xuất tính giá thành sản phẩm**❖. Nội dung, phương pháp tập hợp*

Căn cứ vào đối tượng hạch toán chi phí và phương pháp hạch toán chi phí đã xác định tương ứng, cuối kỳ kế toán kết chuyển chi phí NVLTT, chi phí NCTT, chi phí sử dụng máy thi công, chi phí sản xuất chung vào bên Nợ TK 154 – Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang. Tài khoản này được mở chi tiết theo từng đối tượng hạch toán chi phí sản xuất.

*\* Nguyên tắc hạch toán tài khoản 154:*

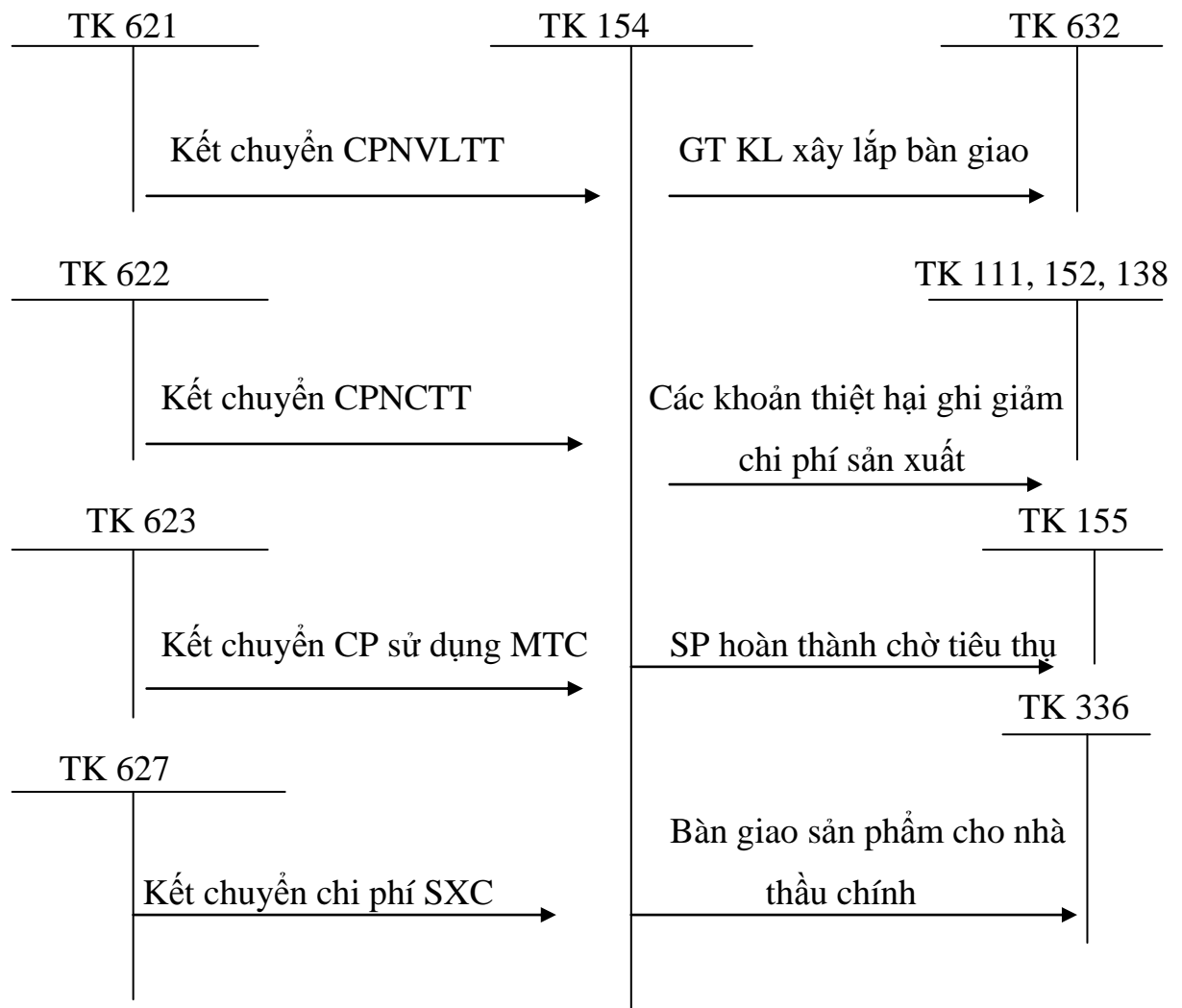
- Chi phí sản xuất kinh doanh hạch toán trên TK 154 phải được chi tiết theo địa điểm phát sinh chi phí, theo loại hoặc nhóm sản phẩm – sản phẩm, hoặc chi tiết bộ phận sản phẩm,...

- Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang phản ánh trên TK 154 chỉ gồm những chi phí: Chi phí nguyên vật liệu trực tiếp, chi phí nhân công trực tiếp, chi phí sử dụng máy thi công và chi phí sản xuất chung mà không phản ánh những chi phí như: chi phí bán hàng, chi phí quản lý, chi phí tài chính,...

*\* Phương pháp hạch toán tổng hợp chi phí sản xuất*

Quy trình tập hợp chi phí được khái quát qua sơ đồ sau:

**Sơ đồ 1.7: Kế toán chi phí sản xuất toàn doanh nghiệp theo phương pháp kê khai thường xuyên.**



**1.4.1.6. Hạch toán thiệt hại trong sản xuất**

Các doanh nghiệp sản xuất nói chung và các doanh nghiệp xây dựng nói riêng đều không thể tránh khỏi những thiệt hại trong quá trình sản xuất. Đặc biệt là do đặc điểm của ngành xây dựng là tiến hành ngoài trời nên phụ thuộc nhiều vào điều kiện tự nhiên, vì vậy có thể gặp nhiều rủi ro, tạo nên những khoản thiệt hại bất ngờ ngoài dự toán. Đây là những nguyên nhân làm tăng chi phí, giảm lợi nhuận của doanh nghiệp. Do đó, kế toán phải hạch toán chính xác giá trị thiệt hại trong sản xuất và đúng với nguyên nhân của thiệt hại nhằm phản ánh đúng kết quả sản xuất và giúp cho doanh nghiệp đưa

ra được những biện pháp xử lý kịp thời để tránh những thiệt hại về sau. Thiệt hại trong sản xuất xây lắp bao gồm: thiệt hại về sản phẩm hỏng và thiệt hại ngừng sản xuất.

### **a. Hạch toán thiệt hại về sản phẩm hỏng**

Sản phẩm hỏng là những sản phẩm không đảm bảo những tiêu chí về chất lượng và đặc điểm kỹ thuật. Những sai phạm này có thể do những nguyên nhân liên quan đến trình độ tay nghề, chất lượng vật liệu, tình hình trang thiết bị, việc chấp hành kỷ luật lao động, sự tác động của điều kiện tự nhiên...

Sản phẩm hỏng chia làm hai loại: sản phẩm hỏng có thể sửa chữa được và sản phẩm hỏng không thể sửa chữa được.

- Sản phẩm hỏng sửa chữa được: là những sản phẩm hỏng về mặt kỹ thuật có thể sửa chữa được và việc sửa chữa có lợi về mặt kinh tế.

- Sản phẩm hỏng không sửa chữa được: là những sản phẩm hỏng về mặt kỹ thuật không thể sửa chữa được hoặc sửa chữa được nhưng không có lợi về mặt kinh tế.

#### ***\* Phương pháp hạch toán sản phẩm hỏng có thể sửa chữa được:***

1. Hạch toán giá trị sản phẩm hỏng:

Nợ TK 1381:

Có TK 154:

2. Các chi phí phát sinh cho quá trình sửa chữa sản phẩm hỏng

Nợ TK 621:

Có TK 152:

Nợ TK 622:

Có TK 334:

Nợ TK 623:

Có TK 152, 334, 214, 111...

Nợ TK 627

Có TK 152, 334, 214, 111...

3. Khi sửa chữa xong kết chuyển chi phí sửa chữa vào tài khoản 138

Nợ TK 1381:

Có TK 621, 622, 627:

4. Cuối kỳ xử lý thiệt hại

a. Đối với sản phẩm hỏng trong định mức cho phép

Nợ TK 152, 111, 112: Phần phế liệu thu hồi

Nợ TK 154 : Phần được tính vào giá thành sản phẩm

Có TK 1381: (Chi tiết sản phẩm hỏng)

b. Đối với sản phẩm hỏng ngoài định mức cho phép

Nợ TK 152, 111, 112: phần phế liệu thu hồi

Nợ TK 811: phần được tính vào chi phí khác

Nợ TK 138 (1388): phần bồi thường phải thu

Nợ TK 334: phần được tính trừ vào lương công nhân viên

Có TK 1381: (Chi tiết sản phẩm hỏng)

**\* Phương pháp hạch toán sản phẩm hỏng không thể sửa chữa được:**

1. Hạch toán giá trị sản phẩm hỏng:

Nợ TK 1381: Giá trị sản phẩm hỏng không thể sửa chữa được

Có TK 154: Giá trị sản phẩm hỏng không thể sửa chữa được

2. Xử lý thiệt hại:

Nợ TK 1388: số phải thu về các khoản bồi thường.

Nợ TK 152: Giá trị phế liệu, vật liệu thu hồi nếu có.

Nợ TK 334: khoản bồi thường do lỗi người lao động trừ vào lương.

Nợ TK 811: khoản thiệt hại sản phẩm hỏng không thể sửa chữa được tính vào chi phí khác.

Có TK 1381: Giá trị sản phẩm hỏng không thể sửa chữa được.

**b. Hạch toán thiệt hại ngừng sản xuất**

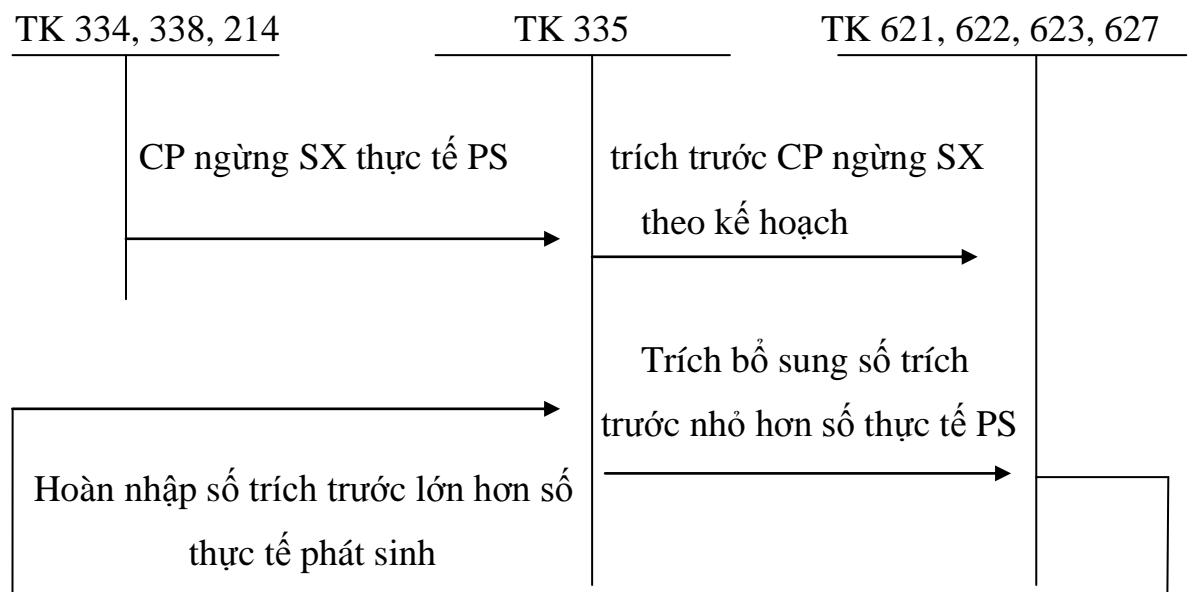
Ngừng sản xuất là hiện tượng do các nguyên nhân chủ quan hoặc khách quan ( thiên tai, thiếu nguyên vật liệu,...) làm quá trình sản xuất bị gián đoạn. Trong thời gian đó, doanh nghiệp vẫn phải bỏ ra các chi phí : tiền công của người lao động, khấu hao TSCĐ, chi phí bảo dưỡng,... Những chi phí này gọi

là thiệt hại về ngừng sản xuất.

- Đối với ngừng sản xuất có kế hoạch :

Khi kế hoạch tiến hành ngừng sản xuất đã được phê duyệt thì doanh nghiệp phải lập dự toán chi phí ngừng sản xuất và tiến hành trích trước những kì có tiến hành sản xuất kinh doanh

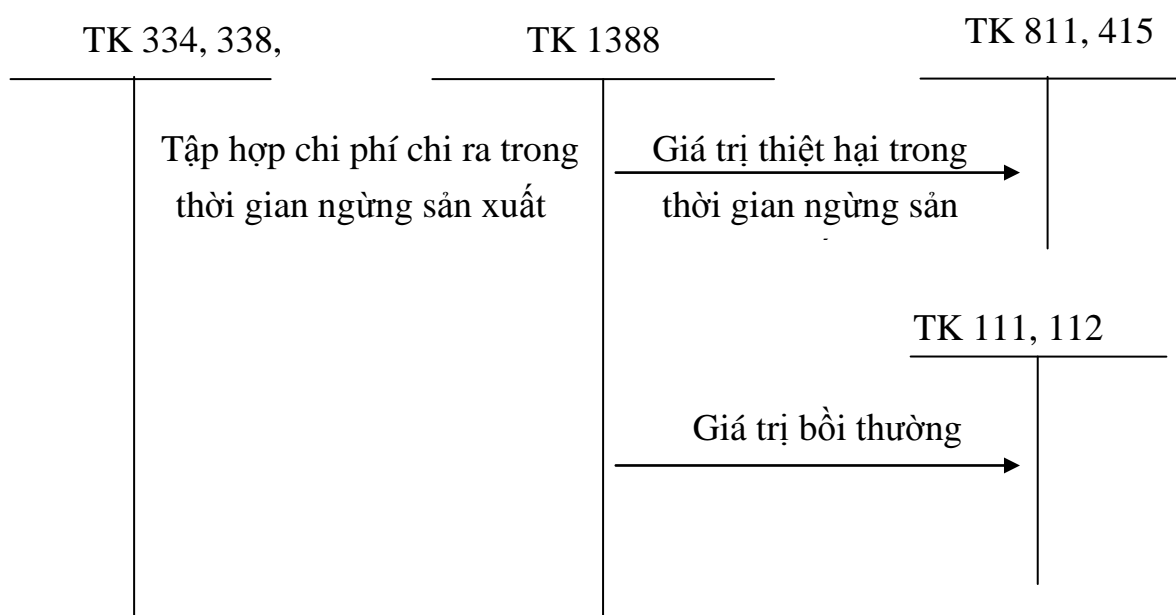
**Sơ đồ 1.8: Hạch toán thiệt hại ngừng sản xuất trong kế hoạch**



**- Đối với ngừng sản xuất ngoài kế hoạch:**

Khi có ngừng sản xuất ngoài kế hoạch, chi phí phát sinh được kế toán tập hợp vào TK 142, 242, 138,....

**Sơ đồ 1.9: Hạch toán thiệt hại ngừng sản xuất ngoài kế hoạch**



**1.4.2. Kế toán tập hợp chi phí sản xuất trong doanh nghiệp hạch toán hàng tồn kho theo phương pháp kiểm kê định kỳ**

Để hạch toán chi phí sản xuất, kế toán sử dụng các tài khoản 621, 622, 623, 627.

Do đặc điểm của phương pháp kiểm kê định kỳ mà nguyên vật liệu xuất dùng trong kỳ cho mục đích sản xuất, bán hàng hay quản lý doanh nghiệp là rất khó phân định. Các chi phí nguyên vật liệu phản ánh trên tài khoản 621 không được ghi nhận theo chứng từ xuất dùng mà được ghi một lần vào cuối kỳ dựa vào kết quả kiểm kê.

Để tổng hợp chi phí sản xuất, tính giá thành sản phẩm theo phương pháp kiểm kê định kỳ, kế toán sử dụng tài khoản 631.

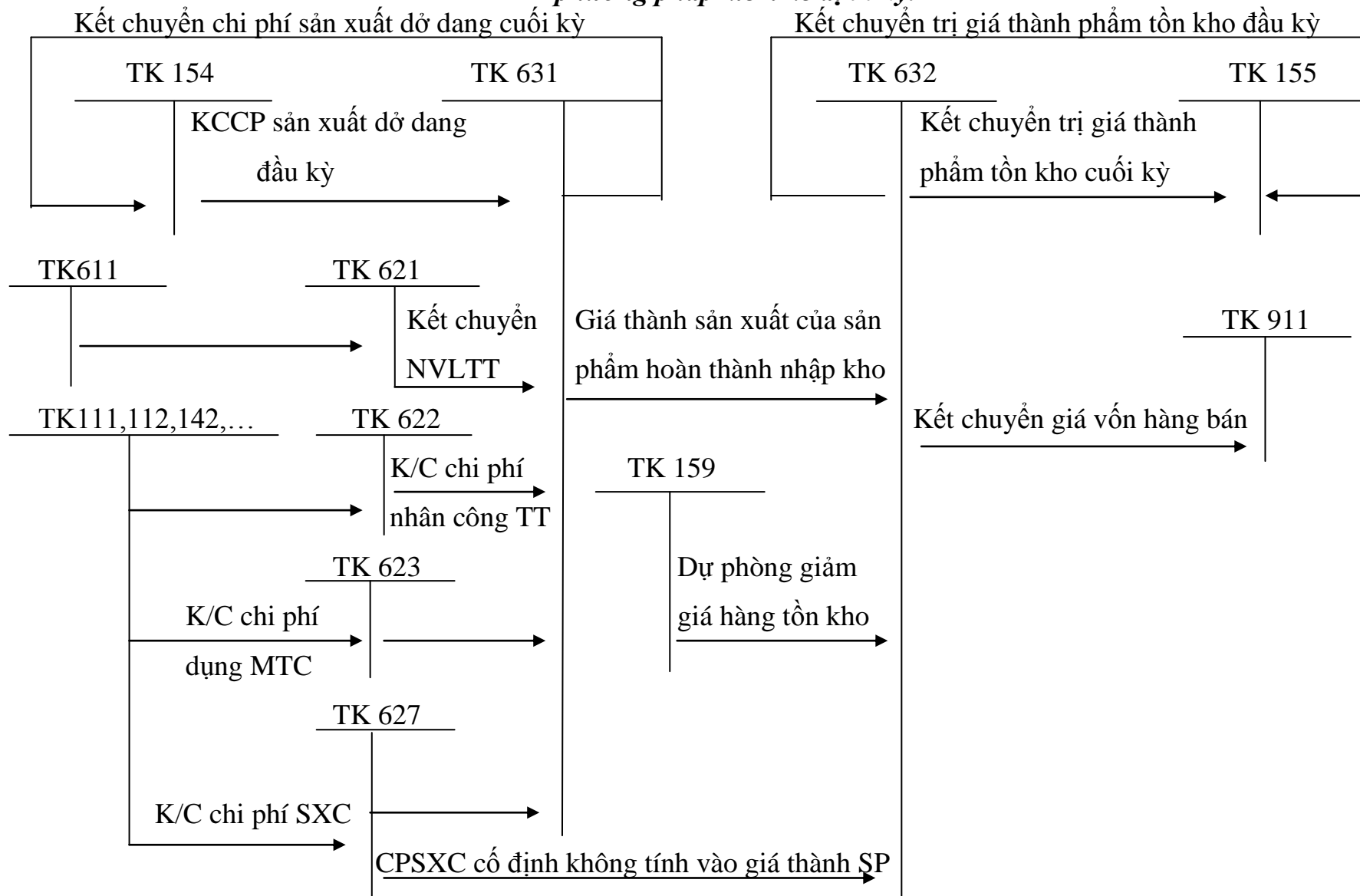
**Bên nợ:**

- Phản ánh chi phí sản xuất dở dang đầu kỳ (kết chuyển từ tài khoản 154 sang)
- Phản ánh chi phí sản xuất phát sinh trong kỳ (kết chuyển từ tài khoản 621, 622, 623, 627 sang)

**Bên có:**

- Kết chuyển chi phí sản xuất kinh doanh dở dang cuối kỳ sang tài khoản 154
  - Tổng giá thành sản phẩm, dịch vụ hoàn thành trong kỳ
  - Các khoản thu ghi giảm chi phí sản xuất
- Tài khoản 631 không có số dư cuối kỳ*

**Sơ đồ 1.10. Kế toán tổng hợp chi phí sản xuất và giá thành sản phẩm tại doanh nghiệp áp dụng hàng tồn kho theo phương pháp kiểm kê định kỳ.**





### **1.5. Tổ chức vận dụng hệ thống sổ sách kế toán vào tổ chức kế toán tập hợp chi phí sản xuất và tính giá thành sản phẩm**

Hình thức tổ chức sổ kế toán là hình thức kết hợp các loại sổ sách có kết cấu khác nhau theo một trình tự hạch toán nhất định nhằm hoàn thiện hóa và tính toán các chỉ tiêu theo yêu cầu quản lý kinh doanh.

Theo quy định thì tất cả các doanh nghiệp xây lắp thuộc mọi loại hình, mọi thành phần kinh tế đều phải mở sổ, ghi chép, quản lý, bảo quản, lưu trữ sổ kế toán theo đúng quy định của chế độ sổ kế toán này. Theo chế độ quy định mỗi doanh nghiệp chỉ được áp dụng thống nhất một trong 5 hình thức ghi sổ kế toán sau:

- Hình thức Nhật ký – sổ cái
- Hình thức Nhật ký chung
- Hình thức Chứng từ ghi sổ
- Hình thức Nhật ký chứng từ
- Hình thức kế toán trên máy vi tính

Doanh nghiệp phải căn cứ vào quy mô, đặc điểm hoạt động sản xuất kinh doanh, yêu cầu quản lý và trình độ nghiệp vụ của cán bộ kế toán, điều kiện trang bị kỹ thuật mà lựa chọn một hình thức sổ kế toán phù hợp và phải tuân thủ theo đúng quy định của hình thức sổ kế toán đó gồm: Các loại sổ và kết cấu các loại sổ, quan hệ đối chiếu kiểm tra, trình tự, phương pháp ghi chép các loại sổ kế toán. Sau đây, em xin trình bày hình thức sổ Nhật ký chung là hình thức sổ mà đơn vị thực tập đang áp dụng.

#### **❖ Điều kiện áp dụng:**

Hình thức Nhật ký chung được áp dụng cho các doanh nghiệp có quy mô lớn, sử dụng kế toán thủ công hoặc kế toán máy, yêu cầu quản lý cao. Tất cả các nghiệp vụ kinh tế - tài chính phát sinh đều phải ghi vào sổ Nhật ký chung theo trình tự thời gian phát sinh và theo nội dung kinh tế của nghiệp vụ đó. Sau đó lấy số liệu trên sổ Nhật ký chung để ghi sổ cái theo từng nghiệp vụ phát sinh.

#### **\* Sổ kế toán sử dụng**

Theo hình thức kế toán Nhật ký chung, các sổ kế toán sử dụng để tập hợp chi phí sản xuất và tính giá thành sản phẩm xây lắp bao gồm:

*\* Sổ kế toán tổng hợp*

Sổ kế toán tổng hợp bao gồm:

+ Nhật ký chung: dùng để ghi chép toàn bộ các nghiệp vụ kinh tế tài chính phát sinh theo trình tự thời gian, bên cạnh đó thực hiện việc phản ánh theo quan hệ đối ứng tài khoản làm căn cứ ghi sổ cái.

+ Sổ cái các tài khoản liên quan: được mở để ghi chép các nghiệp vụ kinh tế phát sinh theo từng tài khoản như Sổ cái tài khoản: 154, 621, 622, 623,...

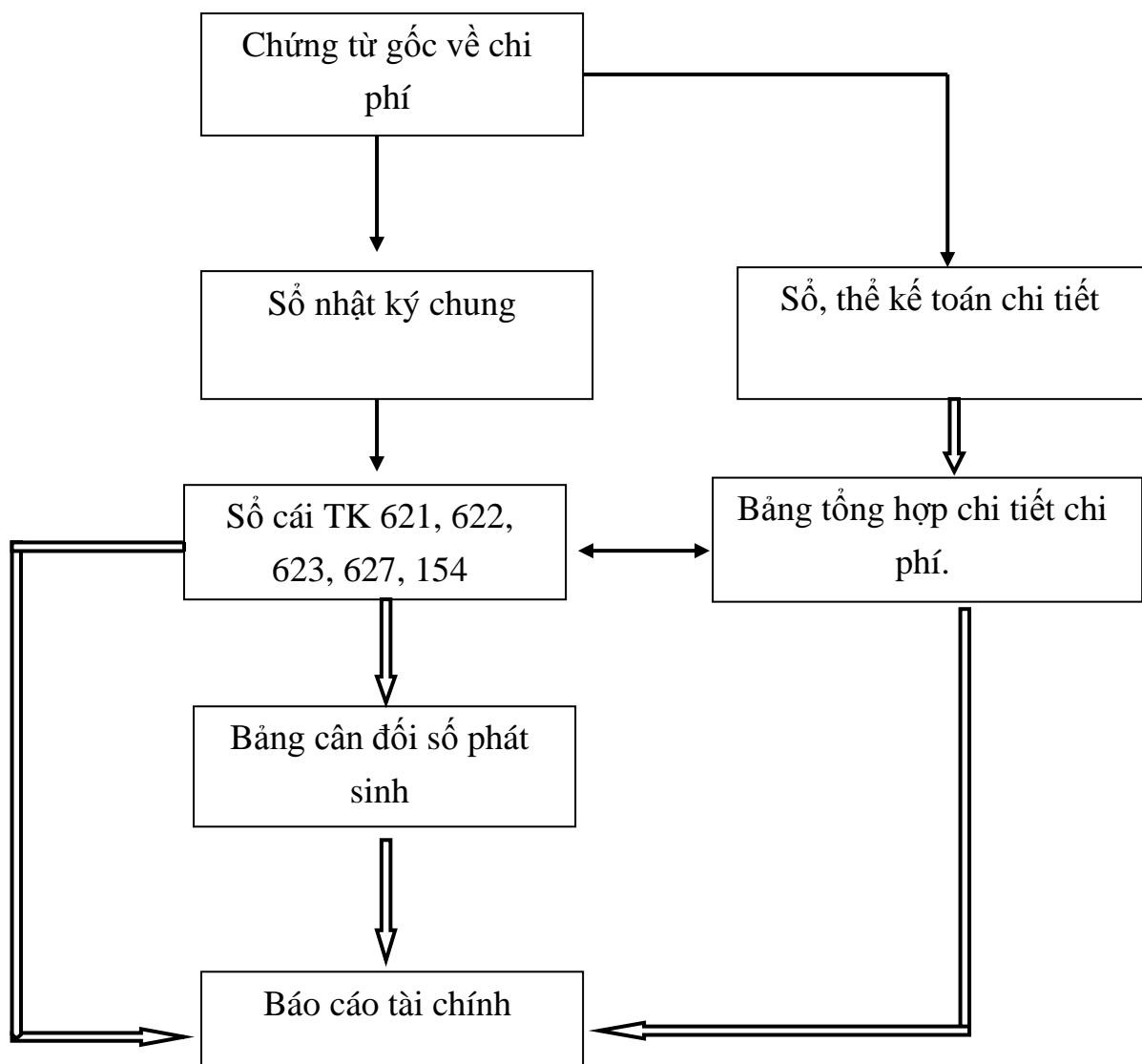
*\* Sổ kế toán chi tiết*

Phần hành chi phí sản xuất và giá thành sản phẩm mở các sổ kế toán chi tiết sau: Sổ chi tiết TK 621, 622, 623, 627, 154

**❖ Trình tự hạch toán**

Trình tự ghi sổ kế toán theo hình thức Nhật ký chung được thể hiện dưới sơ đồ sau:

**Sơ đồ 1.11: Trình tự hạch toán chi phí và giá thành sản phẩm xây lắp theo hình thức Nhật ký chung**



Ghi chú:

→ : Ghi hàng ngày

⇒ : Ghi cuối kỳ

↔ : Quan hệ đối chiếu, kiểm tra

---

## **CHƯƠNG 2: THỰC TRẠNG TỔ CHỨC CÔNG TÁC KẾ TOÁN TẬP HỢP CHI PHÍ SẢN XUẤT VÀ TÍNH GIÁ THÀNH SẢN PHẨM TẠI CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY LẮP SAO VIỆT**

### **2.1. Khái quát chung về công ty Cổ Phần Xây lắp Sao Việt**

#### **2.1.1. Quá trình hình thành và phát triển của công ty Cổ Phần Xây lắp Sao Việt**

Tên công ty: Công ty Cổ Phần Xây lắp Sao Việt

Địa chỉ: Tầng 3, tòa nhà văn phòng Sao Đỏ, Km1 + 400, đường Phạm Văn Đồng, Anh Dũng, Dương Kinh, Hải Phòng

Điện thoại: 0313814266

Công ty cổ phần xây lắp Sao Việt được thành lập theo giấy phép kinh doanh số 0203001957 do sở kế hoạch và đầu tư thành phố Hải Phòng cấp ( bổ sung và sửa đổi ) lần 2, ngày 26 tháng 06 năm 2006 với vốn điều lệ 16.800.000.000 ( mười sáu tỷ tám trăm triệu đồng ).

Công ty cổ phần xây lắp Sao Việt ra đời nhằm đáp ứng nhu cầu xây dựng và phát triển cơ sở hạ tầng của đất nước nói chung và của thành phố Hải Phòng nói riêng. Tuy mới được thành lập nhưng đội ngũ lãnh đạo chủ chốt và cán bộ kỹ thuật của công ty đều có trình độ chuyên môn cao, thâm niên công tác lâu năm. Các thành viên sáng lập, đồng thời là cán bộ chủ chốt của công ty đều nguyên là cán bộ chủ chốt, cán bộ kỹ thuật và công nhân viên của xí nghiệp xây lắp số 1, của tổng công ty xây dựng Bạch Đằng, tổng công ty VINACONEX, tổng công ty xây dựng Hà Nội.

Từ khi thành lập tới nay, Công ty đã không ngừng trưởng thành về mọi mặt, đổi mới công nghệ và trang thiết bị, mở rộng nhiều lĩnh vực kinh doanh. Trong quá trình hoạt động, cán bộ chủ chốt và đội ngũ cán bộ kỹ thuật của công ty đã từng chỉ đạo và trực tiếp chỉ đạo thi công nhiều dự án, công trình công nghiệp, dân dụng công cộng với quy mô lớn trong, ngoài thành phố và được đánh giá cao về: chất lượng – kỹ mỹ thuật – tiến độ của chủ đầu tư và

các ban ngành thành phố cũng như trung ương như: dự án cải tạo hồ Quần Ngựa (hạng mục nạo vét bùn). Dự án xây dựng khu neo đậu tàu thuyền bên cá Ngọc Hải Đồ Sơn. Dự án công viên An Biên, xây dựng đường quanh hồ, kè đảo, san lấp mặt bằng và xây dựng tường rào lưới B40. Xây dựng đường 353 (Gói thầu R3) Cầu Rào – Đồ Sơn. Xây dựng cơ sở hạ tầng kỹ thuật khu tái định cư đường 353 tại thôn Phú Hải xã Anh Dũng huyện Kiến Thụy. Xây dựng các tuyến đường giao thông liên xã, huyện Kiến Thụy gồm các tuyến: Đường xã Thuận Thiên – Hữu Bằng gồm 2 đoạn, đường xã Hữu Bằng – Thụy Hương gồm 3 đoạn. Đường lên cao điểm 177 (sân bay trực thăng) thị trấn Cát Bà, đường và nhà ở chi bộ đội trồng kho vũ khí tại cao điểm 150 xã Xuân Đám huyện Cát Hải. Dự án phát triển nhà Anh Dũng II gồm các hạng mục: san lấp mặt bằng, xây dựng cơ sở hạ tầng kỹ thuật. Xây dựng nhà biệt thự gia đình thuộc dự án phát triển nhà Anh Dũng II, xây dựng trụ sở làm việc,... Đặc biệt Công ty được ủy ban nhân dân, sở tài nguyên môi trường thành phố Hải Phòng cấp giấy phép khai thác khoáng sản cát tại mỏ phía Nam đảo Đình Vũ quận Hải An với trữ lượng 3.500.000 m<sup>3</sup>, thời gian khai thác 30 năm để phục vụ cho công trình trọng điểm của thành phố.

### **2.1.2. Đặc điểm sản xuất kinh doanh của công ty Cổ phần Xây lắp Sao Việt**

Công ty cổ phần xây lắp Sao Việt có các lĩnh vực chủ yếu sau:

1. Xây dựng các công trình giao thông, dân dụng, công nghiệp, công cộng, thủy lợi, cấp thoát nước, công trình thủy. Xây dựng và lắp đặt các công trình điện công nghiệp và dân dụng đến 35 KV.

2. Đào đắp bùn đất, nạo vét khai thông luồng lách, san lấp mặt bằng, sản xuất và kinh doanh vật liệu xây dựng.

3. Kinh doanh vận tải hàng hóa và hành khách đường bộ, đường thủy.

4. Kinh doanh dịch vụ nhận ký gửi và ủy thác các loại vật tư, máy móc tiết bị và hàng tiêu dùng.

5. Sửa chữa vừa và lớn các hạng mục về cầu đường, kiến trúc nhà cửa. Các công trình đều do công ty thực hiện đấu thầu và để đảm bảo trúng thầu, công ty phải chứng minh được khả năng, năng lực của mình trên mọi mặt.

Khả năng tổ chức thi công, khả năng tài chính, phương tiện máy móc thi công, nhân lực, tiến độ công trình. Tất cả các công trình tham gia đấu thầu đều phải có tiền đặt cọc hay giấy bảo lãnh của ngân hàng nộp cho chủ đầu tư, tránh tình trạng trúng thầu nhưng vì lý do nào đó bỏ không thi công thì sẽ phải bồi thường khoản tiền đặt cọc.

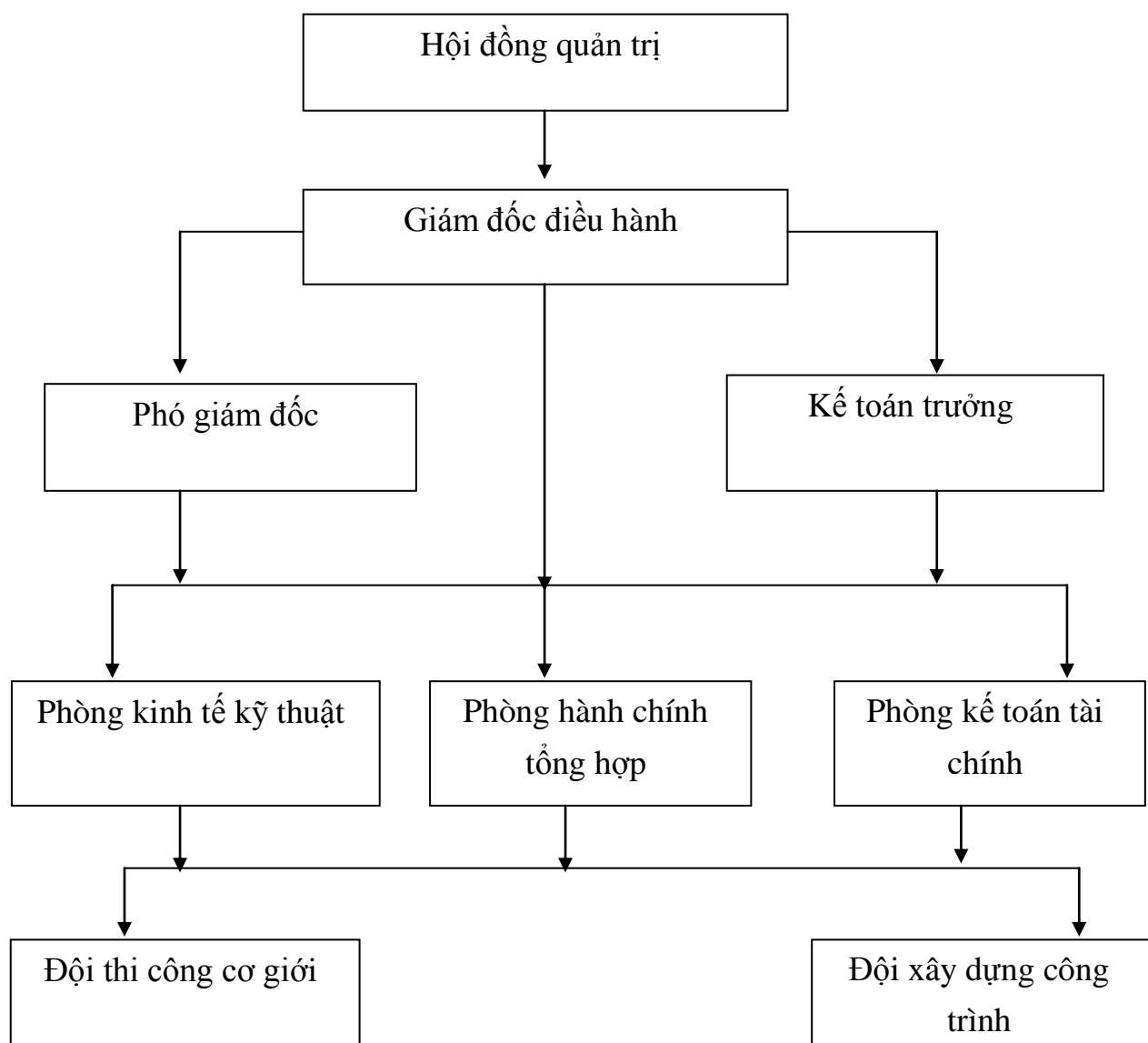
Do vậy trước khi làm hồ sơ dự thầu công ty phải đi thực tế hiện trường để khảo sát điều kiện thi công sau đó mới bắt tay vào công việc làm hồ sơ dự thầu. Quá trình này phải hết sức thận trọng, chính xác và cố gắng để trúng thầu mà vẫn đảm bảo được hiệu quả kinh tế của mỗi sản phẩm sau khi hoàn thành.

Sau khi trúng thầu, hoàn thành phần ký hợp đồng, công ty bắt đầu tổ chức thi công làm sao đảm bảo tiến độ chất lượng kỹ thuật sản phẩm và an toàn lao động. Mỗi hạng mục công việc hoàn thành phải có biên bản nghiệm thu sơ bộ đồng ý chuyên bước tiếp theo do giám sát kỹ thuật bên A ký xác nhận. Mỗi công trình phải mở sổ nhật ký thi công hàng ngày cũng do giám sát kỹ thuật bên A xác nhận, khi công trình hoàn thành hai bên sẽ tổ chức nghiệm thu khối lượng xây dựng hoàn thành, chất lượng toàn bộ công trình và bàn giao công trình do chủ đầu tư đưa vào sản phẩm.

Hồ sơ nghiệm thu bàn giao tổng thể công trình bao gồm hồ sơ hoàn công, biên bản nghiệm thu kỹ thuật, biên bản nghiệm thu khối lượng hoàn thành. Tất cả các biên bản này được lập dựa trên nhật ký thi công và biên bản nghiệm thu từng hạng mục công việc.

**2.1.3. Tổ chức bộ máy quản lý của Công ty Cổ Phần Xây lắp Sao Việt**

\* Sơ đồ tổ chức bộ máy quản lý của công ty:



*Hội đồng quản trị:* là cơ quan cao nhất của công ty, hội đồng quản trị có quyền bổ nhiệm, bãi nhiệm, miễn nhiệm, cách chức tổng giám đốc và các bộ phận quản lý thuộc phạm vi quản lý của HĐQT

*Giám đốc điều hành:* do HĐQT bầu ra thông qua đại hội đồng cổ đông, chịu trách nhiệm điều hành quản lý mọi hoạt động sản xuất kinh doanh hàng ngày của công ty theo mục tiêu, định hướng mà đại hội đồng, HĐQT đã thông qua.

*Phòng giám đốc:* điều hành chung, chỉ đạo toàn diện hoạt động sản xuất kinh doanh của công ty

*Phó giám đốc:* thay mặt giám đốc điều hành các công việc thường ngày

khi giám đốc đi vắng, trực tiếp phụ trách các vấn đề liên quan tới sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp, thực hiện công tác đối nội trong nội bộ của doanh nghiệp.

*Phòng kinh tế kỹ thuật:* nghiên cứu, cập nhật các vấn đề liên quan tới kỹ thuật, áp dụng các kỹ thuật sản xuất mới vào công ty. Chỉ đạo, giám sát công việc theo đúng công nghệ - kỹ thuật, kiểm tra phát hiện các sai sót, hạn chế của quá trình sản xuất, hướng dẫn điều chỉnh, cải tiến kịp thời các máy móc, thiết bị trong quá trình thực hiện thi công. Tổ chức bảo dưỡng sửa chữa máy móc, thiết bị. Tổng hợp, báo cáo về hệ thống trang thiết bị, máy móc của công ty và đề xuất mua sắm, sửa chữa.

*Phòng hành chính tổng hợp:* thực hiện quản lý các chính sách về nguồn nhân sự, theo dõi ý thức, thái độ, lương thưởng, tuyển dụng, đào tạo, đánh giá thực hiện công việc của công nhân viên, khuyến khích, động viên nhắc nhở, đề xuất khen thưởng hay kỷ luật và các vấn đề liên quan tới tâm lý đời sống công nhân viên trong công ty.

*Phòng kế toán tài chính:* quản lý công tác thu – chi dòng tiền của công ty. Theo dõi, đảm bảo tính chính xác về nguồn vốn, công nợ. Hạch toán hiệu quả sản xuất kinh doanh của toàn công ty theo thời gian.

*Các đội thi công cơ giới và đội xây dựng công trình:* chịu trách nhiệm thi công các công trình theo đơn đặt hàng hoặc các hợp đồng đã ký đảm bảo đúng tiến độ cũng như các yêu cầu về kỹ thuật, chất lượng công trình đường bộ hải phòng.

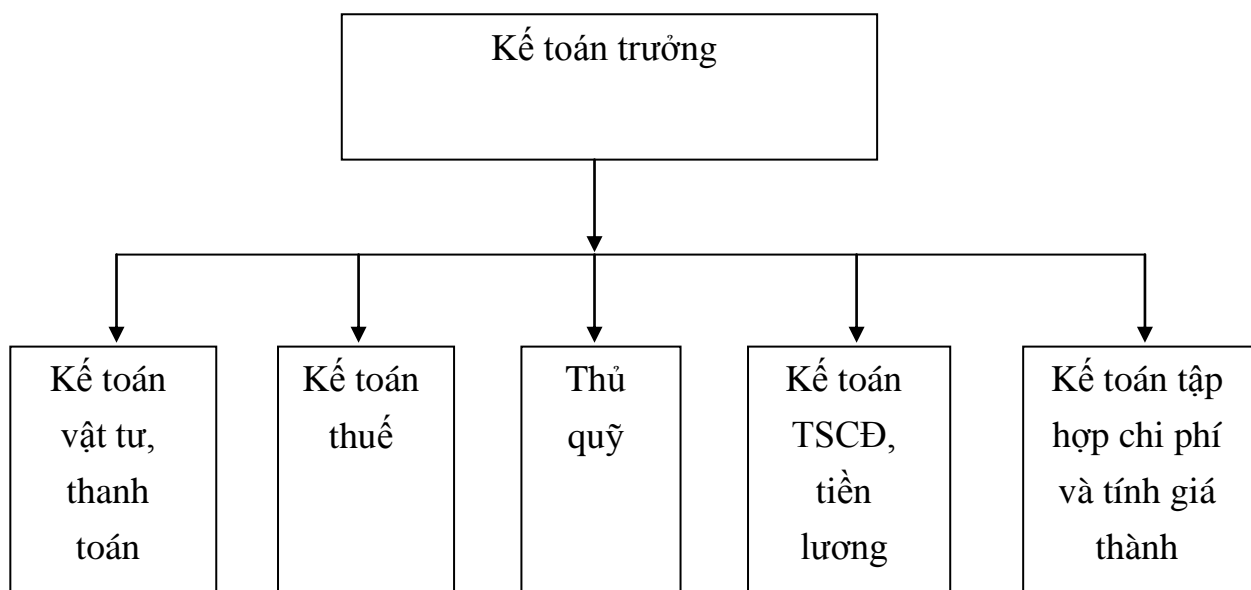
#### **2.1.4. Tổ chức công tác kế toán tại Công ty Cổ Phần Xây lắp Sao Việt**

##### **2.1.4.1. Tổ chức bộ máy kế toán:**

Bộ máy kế toán của công ty được tổ chức theo mô hình tập trung. Phòng kế toán hạch toán mọi nghiệp vụ kế toán liên quan đến toàn công ty, thực hiện mọi công tác kế toán nhận và xử lý các chứng từ luân chuyển, ghi chép tổng hợp và lập BCTC



\* Sơ đồ tổ chức bộ máy kế toán tại công ty:



- *Kế toán trưởng*: chỉ đạo trực tiếp toàn bộ nhân viên trong công ty, làm tham mưu cho TGD về các hoạt động kinh doanh, tổ chức kế toán nội bộ trong công ty. Khi quyết toán được lập xong, kế toán trưởng có nhiệm vụ thuyết minh và phân tích, giải thích kết quả sản xuất kinh doanh, chịu trách nhiệm về mọi số liệu trong bảng quyết toán, nộp đầy đủ, đúng hạn các báo cáo tài chính theo quy định.

- *Kế toán vật tư thanh toán*: theo dõi toàn bộ công tác thanh toán bằng chuyển khoản, lập và trình với ngân hàng các bảo lãnh hợp đồng, thường xuyên cập nhật số liệu tiền gửi, tiền vay, hạn mức vay, hàng tháng tập hợp chứng từ tiền gửi Ngân hàng, tính lãi vay. Đồng thời hàng ngày tiếp nhận các chứng từ thanh toán thu chi tiền mặt, kiểm tra tính hợp lệ hợp pháp của các chứng từ, lập phiếu thu sau khi có ý kiến duyệt chi của phụ trách phòng kế toán và Giám đốc. Ngoài ra còn đảm nhận việc theo dõi hàng hóa của toàn doanh nghiệp.

- *Kế toán thuế*: Theo dõi, tổng hợp tất cả các hóa đơn mua vào, bán ra, kê khai, lập tờ khai thuế và nộp thuế hàng tháng.

- *Thủ quỹ*: là người quản lý số tiền mặt, rút tiền gửi ngân hàng về nhập quỹ tiền mặt.

- *Kế toán tài sản cố định và tiền lương*: Phụ trách công việc tính lương

cho cán bộ công nhân viên trong công ty, trích các khoản theo quy định đối với từng cán bộ

công nhân viên. Theo dõi TSCĐ của công ty, trích khấu hao và xác định giá trị còn lại của từng tài sản.

- *Kế toán tập hợp chi phí và tính giá thành*: Có nhiệm vụ là tổng hợp và chi tiết các khoản chi phí và tính giá thành cho từng công trình hoặc hạng mục công trình.

#### *2.1.4.2. Chế độ kế toán áp dụng tại Công ty Cổ Phần Xây lắp Sao Việt*

- Niên độ kế toán áp dụng từ ngày 01/01 đến ngày 31/12 hàng năm
- Đơn vị tiền tệ sử dụng: Đồng Việt Nam (VND)
- Hình thức kế toán: Nhật ký chung
- Phương pháp hạch toán hàng tồn kho: Phương pháp kê khai thường xuyên
- Phương pháp tính giá vốn hàng xuất kho: Phương pháp thực tế đích danh.
- Phương pháp tính thuế GTGT: Phương pháp khấu trừ
- Phương pháp khấu hao TSCĐ: Phương pháp đường thẳng
- Kỳ tính giá thành và kỳ báo cáo: theo quý

Căn cứ vào hệ thống chứng từ kế toán nhà nước đã ban hành theo Quyết định số 15/QĐ-BTC ngày 20/03/2006 của Bộ tài chính và nội dung kinh tế của hoạt động sản xuất kinh doanh trong doanh nghiệp. Doanh nghiệp đã vận dụng những mẫu chứng từ ban đầu phù hợp với quy định cụ thể ghi chép vào chứng từ nhằm lập đầy đủ kịp thời các chứng từ ban đầu về các nghiệp vụ kinh tế phát sinh, tổ chức luân chuyển chứng từ cho bộ phận có liên quan theo một trình tự nhất định để theo dõi ghi chép, tổ chức quản lý và cấp phát chứng từ ghi chép cho các bộ phận có liên quan.

#### *2.1.4.3. Tổ chức hệ thống tài khoản, chứng từ kế toán*

##### *\*Hệ thống tài khoản*

Hệ thống tài khoản kế toán thống nhất áp dụng trong công ty là một mô hình phân loại đối tượng kế toán được Nhà nước quy định theo quyết định số 5/2006/QĐ-BTC ngày 20/03/2006 để thực hiện việc xử lý thông tin. Hệ thống tài khoản gồm 9 loại trong doanh mục hệ thống tài khoản kế toán

doanh nghiệp (loại 1 đến loại 9 thực hiện theo phương pháp ghi kép) và 1 loại ngoài bảng (loại 0 thực hiện theo phương pháp ghi đơn).

- Loại 1, 2: Nhóm tài khoản Tài Sản
- Loại 3,4: Nhóm tài khoản Nguồn vốn
- Loại 5, 6, 7, 8, 9: Nhóm tài khoản trung gian
- Loại 0: có số dư cuối kỳ ghi ngoài bảng Cân đối kế toán

*\* Chứng từ kế toán:*

Đối với phần hành tập hợp chi phí và tính giá thành sản xuất, chứng từ để làm căn cứ ghi sổ của kế toán là:

- Hóa đơn GTGT
- Các loại bảng kê (Bảng kê vật tư, bảng kê dịch vụ mua ngoài, bảng kê chi phí khác)
- Các loại bảng phân bổ (bảng phân bổ chi phí sản xuất chung, phân bổ tiền lương và các khoản trích theo lương)
- Bảng tổng hợp khối lượng giao khoán
- Bảng chấm công (của công nhân trực tiếp thi công và của nhân viên quản lý phân xưởng)
- Bảng thanh toán lương

...

*2.1.4.4. Tổ chức hệ thống sổ sách và hình thức kế toán áp dụng tại Công ty Cổ phần Xây lắp Sao Việt*

*\* Tổ chức hệ thống sổ sách kế toán tại công ty:*

- Sổ kế toán tổng hợp: Sổ nhật ký chung, sổ cái các tài khoản.
- + Sổ nhật ký chung: là loại sổ kế toán tổng hợp ghi theo các chứng từ phát sinh trong tháng, có tác dụng đối chiếu với các số liệu ghi ở sổ cái.
- + Sổ cái các tài khoản: là sổ kế toán tổng hợp ghi theo các tài khoản kế toán.

*\* Hình thức kế toán tại công ty:*

Để đảm bảo việc tổ chức kế toán phù hợp với quy mô hoạt động kinh doanh, công ty lựa chọn hình thức kế toán “Nhật ký chung” là căn cứ trực tiếp để ghi sổ kế toán tổng hợp.

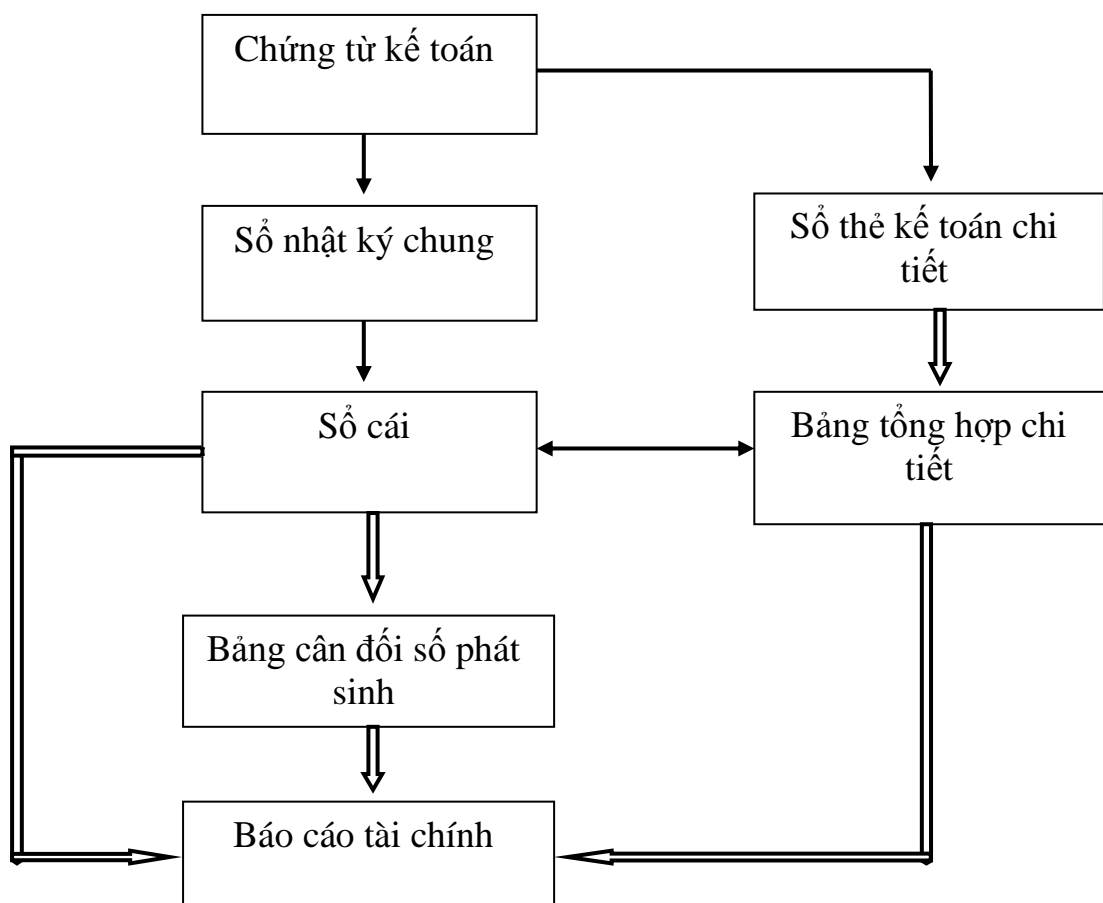
*\* Trình tự ghi sổ kế toán theo hình thức Nhật ký chung*

Hàng ngày căn cứ vào các chứng từ đã kiểm tra được dùng làm căn cứ ghi sổ. Trước hết ghi nghiệp vụ phát sinh vào sổ nhật ký chung, đồng thời ghi vào sổ kế toán chi tiết, sau đó căn cứ số liệu ghi trên sổ nhật ký chung để ghi vào sổ cái theo các tài khoản kế toán phù hợp.

Cuối kỳ căn cứ vào sổ kế toán chi tiết, lập bảng tổng hợp chi tiết các tài khoản. Sau khi đã kiểm tra đối chiếu khớp đúng số liệu ghi trên sổ cái với bảng tổng hợp chi tiết, kế toán căn cứ vào bảng cân đối số phát sinh, bảng tổng hợp chi tiết lập các báo cáo tài chính.

Về nguyên tắc: Tổng số phát sinh Nợ và tổng số phát sinh Có trên bảng cân đối số phát sinh phải bằng tổng số phát sinh Nợ và tổng số phát sinh có trên sổ Nhật ký chung cùng kỳ.

**Sơ đồ 2.1: Trình tự ghi sổ kế toán theo hình thức Nhật ký chung**



Ghi chú:

→ : Ghi hàng ngày

⇨ : Ghi cuối kỳ

↔ : Quan hệ đối chiếu, kiểm tra

#### **2.1.4.5. Tổ chức lập và phân tích báo cáo kế toán**

Hệ thống báo cáo tài chính là những báo cáo tổng hợp nhất về tình hình tài sản và nguồn vốn của công ty trong một chu kỳ sản xuất kinh doanh. Hay nội dung mà các báo cáo tài chính phản ánh là tình hình tổng quát về tài sản, sự hình thành tài sản, sự vận động và thay đổi của chúng qua mỗi chu kỳ kinh doanh của doanh nghiệp. Cơ sở thành lập của các báo cáo tài chính là dữ liệu thực tế đã phát sinh được kế toán theo dõi ghi chép theo những quy tắc khách quan. Tính chính xác và tính khoa học của báo cáo tài chính càng cao bao nhiêu, sự phản ánh về tình hình sức khỏe của doanh nghiệp càng trung thực bấy nhiêu. Do vậy, việc lập báo cáo tài chính có ý nghĩa quan trọng đối với sự phát triển của công ty.

*\* Hệ thống báo cáo tài chính gồm có:*

- Bảng cân đối kế toán
- Báo cáo kết quả kinh doanh
- Báo cáo lưu chuyển tiền tệ
- Thuyết minh báo cáo tài chính

Đối với các nhà quản trị tài chính, sự phân tích chi tiết từng báo cáo tài chính và phân tích mối quan hệ giữa các báo cáo tài chính là công việc rất quan trọng và rất cần thiết để ra các quyết định chính xác, mang lại hiệu quả nhất trong các hoạt động của doanh nghiệp.

## **2.2. Thực trạng tổ chức công tác kế toán tập hợp chi phí sản xuất và tính giá thành sản phẩm tại Công ty Cổ Phần xây lắp Sao Việt**

### **2.2.1. Kế toán chi phí sản xuất**

#### **2.2.1.1. Phân loại chi phí sản xuất**

Để thuận lợi cho công tác quản lý và hạch toán chi phí cần thiết phải tiến hành phân loại chi phí sản xuất theo những tiêu chí nhất định và phải phù hợp với những đặc điểm ngành nghề kinh doanh, mục tiêu quản lý.

Dựa trên những yêu cầu đó, Công ty Cổ Phần Xây lắp Sao Việt đã tiến hành phân loại chi phí theo khoản mục chi phí trong giá thành sản phẩm. Cách phân loại này là dựa vào công dụng của chi phí và mức phân bổ chi phí

cho từng đối tượng. Theo đó chi phí sản xuất trong kỳ bao gồm bốn khoản mục chi phí:

- Chi phí nguyên vật liệu trực tiếp: Gạch, cát, sỏi, xi măng, thép,... phục vụ thi công trực tiếp các công trình, hạng mục công trình.

- Chi phí nhân công trực tiếp: Bao gồm tiền lương và các khoản phụ cấp tính trả cho công nhân xây lắp không bao gồm các khoản trích BHYT, BHXH, BHTN, KPCĐ tính trên quỹ lương của công nhân trực tiếp sản xuất

- Chi phí sử dụng máy thi công: là những khoản chi phí liên quan đến việc sử dụng máy thi công để hoàn thành sản phẩm của công ty, bao gồm khấu hao máy thi công, tiền lương của công nhân vận hành máy (không bao gồm các khoản BHYT, BHXH, BHTN, KPCĐ tính theo tiền lương của công nhân vận hành máy thi công) hay chi phí sử dụng máy thi công do công ty đi thuê ca máy từ bên ngoài.

- Chi phí sản xuất chung: là chi phí phục vụ cho sản xuất nhưng không trực tiếp tham gia vào quá trình sản xuất gồm lương chính, lương phụ và các khoản phụ cấp mang tính chất lương của ban quản lý đội, các khoản trích BHYT, BHXH, BHTN, KPCĐ tính trên quỹ lương của công nhân xây lắp, công nhân vận hành máy, nhân viên quản lý đội, đội thi công, chi phí công cụ dụng cụ, chi phí dịch vụ mua ngoài, khấu hao,...

#### *2.2.1.2. Đối tượng và phương pháp tập hợp chi phí sản xuất tại Công ty Cổ phần Xây lắp Sao Việt*

##### *\* Đối tượng kế toán tập hợp chi phí tại công ty*

Xuất phát từ đặc điểm của ngành xây dựng cơ bản, của sản phẩm xây lắp cũng như tình hình thực tế và yêu cầu quản lý của công ty mà đối tượng tập hợp chi phí sản xuất là từng công trình, hạng mục công trình.

##### *\* Phương pháp tập hợp chi phí tại công ty*

Tại công ty cổ phần xây lắp Sao Việt chi phí được tập hợp theo từng công trình, hạng mục công trình. Do vậy phương pháp tập hợp chi phí sản xuất sản phẩm xây lắp của công ty là:

+ *Phương pháp tập hợp trực tiếp*: Phương pháp này được sử dụng để

tập hợp trực tiếp các khoản chi phí phát sinh liên quan đến công trình, hạng mục công trình. Chi phí được tập hợp trực tiếp bao gồm chi phí nguyên vật liệu trực tiếp và chi phí nhân công trực tiếp. Đối với chi phí sử dụng máy thi công và chi phí sản xuất chung mà có thể tập hợp trực tiếp cho từng công trình, hạng mục công trình thì cũng sử dụng phương pháp tập hợp trực tiếp để tập hợp chi phí.

+ *Phương pháp tập hợp phân bổ gián tiếp*: Đối với chi phí sản xuất chung và chi phí sử dụng máy thi công có liên quan đến nhiều đối tượng chi phí (công trình, hạng mục công trình) thì được tập hợp chung sau đó phân bổ cho từng đối tượng theo tiêu thức thích hợp. Chi phí sử dụng máy thi công và chi phí sản xuất chung được phân bổ theo giá thành dự toán.

Trên cơ sở tiêu thức phân bổ và chi phí cần phân bổ ta có công thức:

$$H = \frac{C}{t_i}$$

Trong đó:

C: là tổng chi phí đã tổng hợp được trong kỳ phân bổ cho các đối tượng tính giá thành

H: là hệ số chi phí phân bổ

$t_i$ : là tổng đơn vị tiêu thức phân bổ thuộc đối tượng tính giá thành “i”

- Số chi phí phân bổ cho từng đối tượng tính giá thành xác định theo công thức:

$$C_i = t_i * H$$

$C_i$ : Là số chi phí sản phẩm thực tế phát sinh đã tính toán (phân bổ) cho đối tượng tính giá thành “i”

Trong khuôn khổ bài khóa luận, em xin lấy dẫn chứng minh họa về công tác kế toán tập hợp chi phí và tính giá thành sản phẩm tại Công ty Cổ phần Xây lắp Sao Việt đối với công trình “**Cải tạo, nâng cấp Nhà làm việc 1 cửa Hải An**”. Công trình được khởi công từ ngày 02/10/2012 và kết thúc ngày 30/12/2012.

### *2.2.1.3. Kế toán chi phí nguyên vật liệu trực tiếp*

Chi phí nguyên vật liệu trực tiếp chiếm tỷ trọng lớn trong giá thành sản phẩm nên việc hạch toán, quản lý chi phí nguyên vật liệu là vô cùng quan trọng, nó ảnh hưởng lớn tới hiệu quả sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp. Hiểu rõ tầm quan trọng đó, công ty luôn chú trọng tới việc hạch toán quản lý chi phí nguyên vật liệu từ khâu thu mua vận chuyển tới quá trình sản xuất thi công ở công trường.

Các công trình thi công thường ở xa trụ sở của công ty nên kho vật tư thường đặt tại chân công trình. Vật tư mua ngoài chuyển thẳng tới kho của công trường thi công và thuộc trách nhiệm quản lý của đội trưởng công trình, hạng mục công trình thi công.

Tài khoản 621 – chi phí nguyên vật liệu trực tiếp

Tài khoản 621 còn được mở chi tiết cho từng công trình, hạng mục công trình:

+ Tài khoản 6211 – Công trình cải tạo nâng cấp nhà làm việc 1 cửa Hải An

+ Tài khoản 6212 – Công trình Thành Tô

+ Tài khoản 6213 – Công trình Đường Đình Vũ

+ Tài khoản 6214 – Công trình hạ tầng Anh Dũng

...

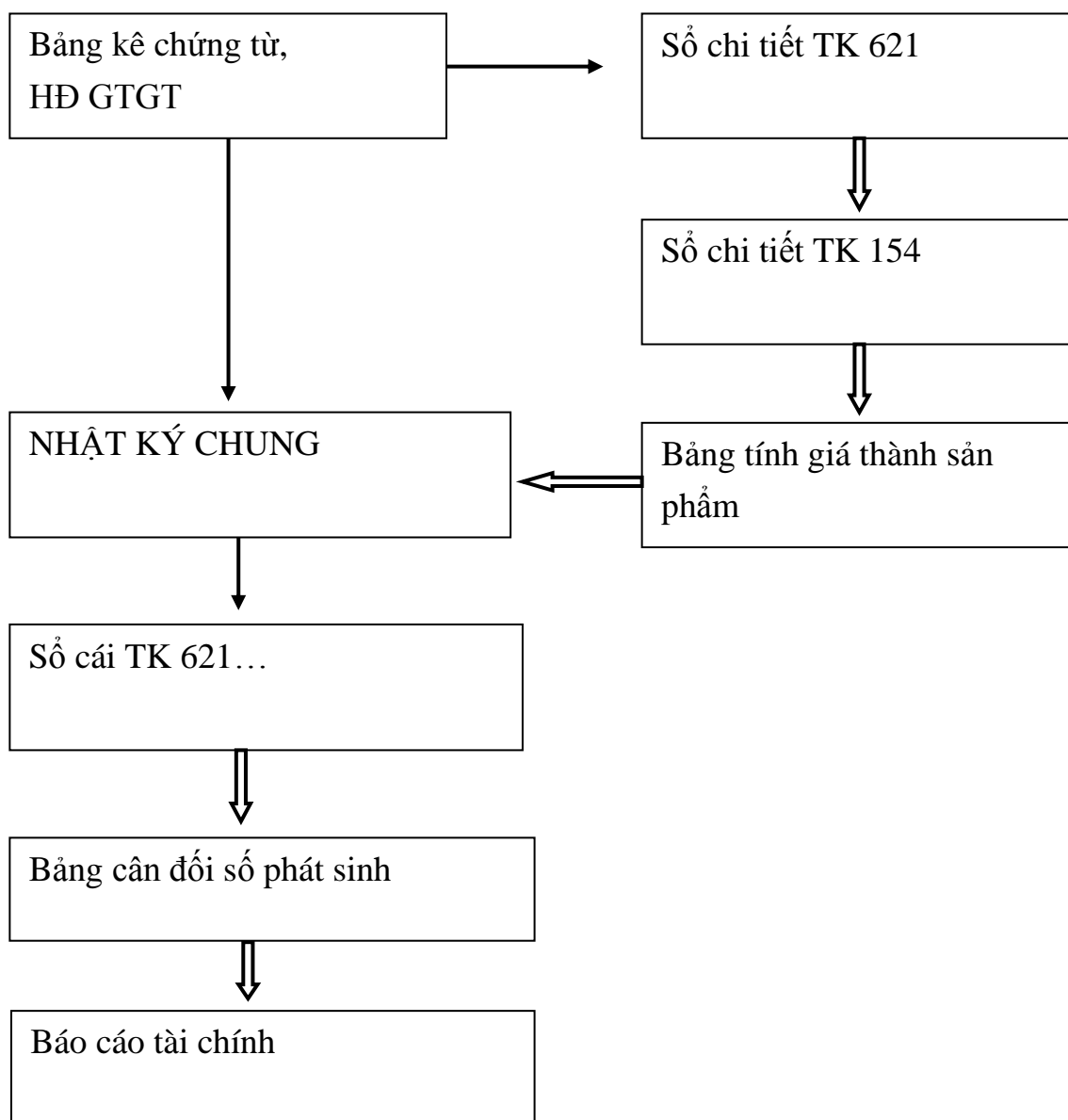
Ngoài ra, kế toán còn sử dụng các tài khoản liên quan như: TK 133, 141, 154,...

Chứng từ sử dụng: Phiếu xuất kho, hóa đơn giá trị gia tăng,...

Sổ sách sử dụng: Nhật ký chung, sổ cái TK 621, sổ chi tiết,...



Quá trình tập hợp chi phí nguyên vật liệu trực tiếp được diễn ra như sau:



Ghi chú:

→ : Ghi hàng ngày

⇒ : Ghi cuối kỳ

↔ : Đối chiếu

-Hàng ngày, căn cứ vào các chứng từ kế toán do các kế toán có liên quan đến chi phí nguyên vật liệu trực tiếp, công ty tiến hành ghi vào sổ nhật ký chung, đồng thời ghi vào sổ chi tiết TK 621, từ sổ nhật ký chung kế toán ghi vào sổ cái các TK có liên quan như TK 621,...

-Cuối kỳ, kế toán căn cứ vào số liệu trên sổ chi tiết TK 621 lập sổ chi

tiết TK 154. Từ sổ chi tiết TK154 kế toán lập bảng tính giá thành tính giá thành trong quý. Căn cứ vào số liệu từ bảng tính giá thành kế toán vào sổ nhật ký chung phản ánh bút toán liên quan đến giá thành sản phẩm.

**\* Nội dung hạch toán chi phí nguyên vật liệu trực tiếp**

Chi phí nguyên vật liệu trực tiếp dùng trong quá trình thi công tại Công ty Cổ phần xây lắp Sao Việt gồm nhiều loại, được chia thành nhóm nguyên vật liệu chính và nguyên vật liệu phụ, vật liệu kết cấu.

- Nguyên vật liệu chính dùng trong quá trình thi công gồm các loại vật liệu xây dựng chủ yếu như: gạch, vôi, xi măng, cát, đá, sắt thép...

- Nguyên vật liệu phụ gồm các loại nguyên vật liệu xây dựng cấu thành vào công trình như: Đinh, dây buộc, bột màu...

- Vật liệu kết cấu: tấm lợp, xà, khung cửa...

Để đảm bảo việc sử dụng vật tư đúng mức Phòng kế hoạch căn cứ vào khối lượng dự toán công trình, tình hình sử dụng vật tư và tình hình tổ chức sản xuất... để kịp thời đưa ra định mức thi công và sử dụng NVL cho từng kỳ, từng công trình, hạng mục công trình.

Căn cứ vào dự toán được lập và kế hoạch, tiến độ thi công công trình, tình hình sử dụng vật tư cụ thể ở công trình, cán bộ cung ứng vật tư ở từng công trình sẽ mua vật tư và lấy hóa đơn GTGT. Nhân viên kế toán công trường, thủ kho công trình, kỹ thuật viên xây dựng kiểm nghiệm chất lượng, số lượng vật tư, sau đó thủ kho lập phiếu nhập kho. Căn cứ vào hóa đơn GTGT, phiếu nhập và một số chứng từ khác có liên quan (phiếu chi, giấy báo nợ), kế toán tiến hành vào sổ chi tiết nguyên vật liệu mở riêng cho từng công trình.

**Ví dụ:** Ngày 05/10/2012 phát sinh nghiệp vụ mua vật tư của công ty TNHH Thương mại Vinh Quân phục vụ cho công trình: Cải tạo, nâng cấp nhà làm việc 1 cửa Hải An. Tổng tiền thanh toán: 60.750.014 (gồm thuế VAT 10%) đã thanh toán bằng chuyển khoản.

**Biểu 2.1**

**HÓA ĐƠN GIÁ TRỊ GIA TĂNG**

**Mẫu số : 01 GTKT3/001**

Liên 2: Giao khách hàng

AA/12P

Ngày 05 tháng 10 năm 2012

0000384

Đơn vị bán hàng: Công ty TNHH Thương mại Vinh Quân

Địa chỉ: Số 51B Ngô Gia Tự - Khu An Khê, Đằng Lâm, Hải An, Hải Phòng

Số tài khoản: 102010000208851

Điện

thoại:..... 

0	2	0	0	5	9	9	3	6	6
---	---	---	---	---	---	---	---	---	---

--	--	--

 MS

Họ tên người mua hàng:

Tên đơn vị: Công ty cổ phần xây lắp Sao Việt

Địa chỉ: Km1 + 400, đường Phạm Văn Đồng, Dương Kinh, Hải Phòng

Số tài khoản:.....

Hình thức thanh toán: CK MS:

0	2	0	0	6	5	7	2	7	2
---	---	---	---	---	---	---	---	---	---

--	--	--

STT	Tên hàng hóa, dịch vụ	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền
A	B	C	1	2	3=1×2
1	Xi măng PCH 30	Tấn	45	1.227.273	55.227.285
Cộng tiền hàng:					55.227.285
Thuế suất GTGT: 10 %      Tiền thuế GTGT:					5.522.729
Tổng cộng tiền thanh toán :					60.750.014
Số tiền viết bằng chữ: sáu mươi triệu bảy trăm lăm mươi nghìn không trăm mười bốn đồng.					
(Cần kiểm tra, đối chiếu khi lập, giao, nhận hoá đơn)					

**Người mua hàng**

(Ký, ghi rõ họ tên)

**Người bán hàng**

(Ký, ghi rõ họ tên)

**Thủ trưởng đơn vị**

(Ký, ghi rõ họ tên)

Khi vật liệu được chuyển đến chân công trình, kế toán cùng với kỹ thuật viên công trình, thủ kho tiến hành kiểm tra chất lượng và số lượng vật liệu rồi lập phiếu nhập kho đồng thời lập phiếu xuất kho để xuất nguyên vật liệu phục vụ sản xuất sản phẩm.

**Biểu 2.2**

**Công ty Cổ Phần xây lắp Sao Việt** **Mẫu số 01 – VT**  
 Tầng 3, tòa văn phòng Sao Đỏ, Km1 + 400, (Ban hành theo QĐ số: 15/2006/QĐ-  
 đường Phạm Văn Đồng, Hải Phòng BTC ngày 20/3/2006 của Bộ trưởng BTC)

**PHIẾU NHẬP KHO**

Số: 06/T10

Ngày 05 tháng 10 năm 2012

**Nợ TK 152: 55.227.285**

**Có TK 112: 55.227.285**

Họ và tên người giao hàng: Phạm Thanh Phương

Hóa đơn: 0000384 ngày 05/10/2012 của công ty TNHH thương mại Vinh  
 Quân

Lý do nhập hàng: Mua vật tư phục vụ thi công công trình

Nhập vào kho: Công trình Cải tạo nâng cấp nhà làm việc 1 cửa Hải An

STT	Tên hàng	Mã số	Đơn vị tính	Số lượng		Đơn giá	Thành tiền
				Trên hóa đơn	Thực nhập		
1	Xi măng PCH 30	XM-PCH.30	Tấn	45	45	1.227.273	55.227.285
	<b>Cộng</b>						<b>55.227.285</b>

<b>Tổng giám đốc</b>	<b>Kế toán trưởng</b>	<b>Người giao hàng</b>	<b>Thủ kho</b>	<b>Người lập phiếu</b>
(ký, họ tên)	(ký, họ tên)	(ký, họ tên)	(ký, họ tên)	(ký, họ tên)

**Số tiền bằng chữ: lăm mươi lăm triệu hai trăm hai mươi bảy nghìn hai trăm tám mươi lăm đồng.**

Ngày 05 tháng 10 năm 2012

**Biểu 2.3**

**Công ty cổ phần xây lắp Sao Việt**

**Mẫu số:02-VT**

Tầng 3 tòa văn phòng Sao Đỏ, Km1 + 400, đường Phạm Văn Đồng, Hải Phòng (Ban hành theo QĐ số: 15/2006/QĐ-BTC ngày 20/3/2006 của Bộ trưởng BTC)

**PHIẾU XUẤT KHO**

Số: 09/T10

Ngày 05 tháng 10 năm 2012

**Nợ TK 621: 55.227.285**

**Có TK 152: 55.227.285**

Họ và tên người nhận hàng: Đào Xuân Kiên

Địa chỉ (Bộ phận): Cải tạo, nâng cấp nhà làm việc 1 cửa Hải An

Lý do xuất kho: Xuất vật tư phục vụ thi công công trình

Xuất tại kho: Cải tạo, nâng cấp nhà làm việc 1 cửa Hải An

ST T	Tên vật tư	Mã số	Đơn vị tính	Số lượng		Đơn giá	Thành tiền
				Yêu cầu	Thực xuất		
1	Xi măng PCH 30	XM- PCH.30	Tấn	45	45	1.227.273	<b>55.227.285</b>
	Cộng						<b>55.227.285</b>

**Tổng số tiền (Viết bằng chữ):** **lăm mươi lăm triệu hai trăm hai mươi bảy nghìn hai trăm tám mươi lăm đồng.**

**Tổng giám  
đốc**

(ký,họ tên)

**Kế toán  
trưởng**

(ký,họ tên)

**Người nhận  
hàng**

(ký,họ tên)

**Thủ kho**

(ký,họ tên)

**Người lập  
phiếu**

(ký,họ tên)

Số chứng từ gốc kèm theo:

Ngày 05 tháng 10 năm 2012

Từ phiếu xuất kho kế toán vào sổ chi tiết TK 621 mở riêng cho từng công trình

**Biểu 2.4 CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY LẮP SAO VIỆT**

Tầng 3 tòa văn phòng Sao Đỏ, Km1 + 400, đường Phạm Văn Đồng, HP

**SỔ CHI TIẾT TÀI KHOẢN 621 (Chi tiết cho từng công trình)**

**Quý 4 năm 2012**

Tên tài khoản: **Chi phí nguyên vật liệu trực tiếp**

Số hiệu: **621 (6211)**

Tên công trình: **Cải tạo, nâng cấp nhà làm việc 1 cửa Hải An**

Đơn vị tính: **Đồng**

Chứng từ		Diễn giải	SHT KĐƯ	Tổng tiền	Ghi nợ TK 621							
SH	NT				Chia ra							
					Gạch đặc	Đá	Cát vàng	Xi măng PCB 30	....	Thép D<= 18	Gạch lát	
		<i>Số dư đầu kỳ</i>										
		.....										
PX09/ T10	05/10	Xuất xi măng PCB 30	152	<b>55.227.285</b>				55.227.285				
PX10/ T10	07/10	Xuất gạch lát GM 34067 1AC3	152	<b>9.784.125</b>								9.784.125
		.....										
PX13/ T10	10/10	Xuất thép xây dựng	152	<b>10.159.500</b>							10.159.500	
		.....										
		<b>Cộng phát sinh</b>		<b>563.201.762</b>	<b>30.358.078</b>	<b>47.516.511</b>	<b>25.563.100</b>	<b>169.979.370</b>	<b>...</b>	<b>87.090.428</b>	<b>64.645.200</b>	
		<b>Số dư cuối kỳ</b>										

Ngày 31 tháng 12 năm 2012

**Người lập sổ**  
(Ký, họ tên)

**Kế toán trưởng**  
(Ký, họ tên)

**Tổng giám đốc**  
(Ký, họ tên, đóng dấu)

Từ phiếu xuất kho, kế toán vào sổ nhật ký chung

**Biểu 2.5**

**Công ty cổ phần xây lắp Sao Việt**  
Tầng 3, tòa văn phòng Sao Đỏ, Km1 + 400 đường  
Phạm Văn Đồng, Hải Phòng

**Mẫu số S03a-DN**  
(Ban hành theo QĐ số: 15/2006/QĐ-BTC ngày  
20/3/2006 của Bộ trưởng BTC)

**TRÍCH SỔ NHẬT KÝ CHUNG**  
**Từ ngày 01/10/2012 đến ngày 31/12/2012**

Đơn vị tính: Đồng

NT GS	Chứng từ		Diễn giải	Số hiệu		Số phát sinh	
	SH	NT		TK		Nợ	Có
			....				
04/10	PN05/ T10	04/10	Mua tôn mạ màu, thép ống, thép hộp các loại của Công ty TNHH TM Thông Nhất, đã thanh toán bằng tiền mặt	152		9.252.800	
				133		925.280	
					111		10.178.080
			....				
05/10	PN06/ T10	05/10	Mua xi măng PCB 30 của công ty TNHH TM Vinh Quân, đã thanh toán bằng chuyển khoản	152		55.227.285	
				133		5.522.729	
					112		60.750.014
05/10	PX09/ T10	05/10	Xuất xi măng phục vụ thi công công trình	621		55.227.285	
					152		55.227.285
			....				
08/10	PN08/ T10	08/10	Mua thép tấm, dây buộc của công ty TNHH XD Trường Thành, chưa thanh toán	152		53.806.020	
				133		5.380.602	
					331		59.186.622
			....				
			<b>Cộng phát sinh quý 4</b>			<b><u>485.837.926.633</u></b>	<b><u>485.837.926.633</u></b>

Ngày 31 tháng 12 năm 2012

**Người lập sổ**

(Ký, ghi rõ họ tên)

**Kế toán trưởng**

(Ký, ghi rõ họ tên)

**Tổng giám đốc**

(Ký, ghi rõ họ tên)

Từ sổ nhật ký chung, kế toán vào sổ cái tài khoản 621

**Biểu 2.6**

**CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY LẬP SAO VIỆT**

Tầng 3 tòa văn phòng Sao Đỏ, Km1 + 400, đường Phạm Văn Đồng, HP

**TRÍCH SỔ CÁI TÀI KHOẢN 621**

**Quý 4 năm 2012**

Tên tài khoản: **Chi phí nguyên vật liệu trực tiếp**

Đơn vị tính: **Đồng**

Ngày tháng ghi sổ	Chứng từ		Diễn giải	TK đối ứng	Số tiền	
	Số hiệu	Ngày tháng			Nợ	Có
			....			
05/10	PX09/ T10	05/10	Xuất xi măng phục vụ thi công công trình Cải tạo, nâng cấp nhà làm việc 1 cửa Hải An	152	55.227.285	
			....			
19/10	PX16/ T10	19/10	Xuất kho gạch chỉ phục vụ thi công công trình Cải tạo, nâng cấp nhà làm việc 1 cửa Hải An	152	44.179.908	
			....			
23/10	PX19/ T10	23/10	Xuất 129kg que hàn phục vụ thi công công trình	152	2.322.000	
			....			
25/10	PX22/ T10	25/10	Xuất 21,6 m <sup>3</sup> cát vàng phục vụ thi công công trình	152	4.968.000	
			....			
			<b>Cộng phát sinh quý</b>		<b><u>7.183.224.564</u></b>	<b><u>7.183.224.564</u></b>

*Người lập biểu*

(Ký, ghi rõ họ tên)

*Kế toán trưởng*

(Ký, ghi rõ họ tên)

*Tổng giám đốc*

(Ký, đóng dấu, ghi rõ họ tên)



#### *2.2.1.4. Kế toán chi phí nhân công trực tiếp*

Tại công ty cổ phần xây lắp Sao Việt, khối lượng xây lắp được thực hiện chủ yếu bằng lao động thủ công. Do đó chi phí nhân công chiếm tỷ trọng tương đối lớn trong tổng số chi phí sản xuất, việc hạch toán chi phí nhân công vì thế có ý nghĩa hết sức quan trọng. Hạch toán đúng, đầy đủ và chính xác chi phí nhân công sẽ giúp cung cấp thông tin hữu hiệu cho nhà quản lý, phản ánh nhu cầu lao động thực sự ở mỗi công trình để có biện pháp tổ chức thích hợp nhằm tạo ra động lực sản xuất và làm tăng năng suất lao động, góp phần tiết kiệm chi phí sản xuất và hạ giá thành sản phẩm.

• *Chứng từ sử dụng:*

- Hợp đồng lao động
- Hợp đồng giao khoán
- Bảng chấm công
- Bảng thanh toán lương
- Bảng tổng hợp lương

• *Tài khoản sử dụng:* Công ty sử dụng tài khoản 622 – Chi phí nhân công trực tiếp dùng để tập hợp chi phí nhân công trực tiếp tham gia sản xuất sản phẩm xây lắp.

Chi phí nhân công trực tiếp của công ty Cổ phần Xây lắp Sao Việt được hạch toán theo từng đơn hàng.

Tài khoản 622 được mở chi tiết cho từng công trình, hạng mục công trình:

+ Tài khoản 6221 – Công trình cải tạo, nâng cấp nhà làm việc 1 cửa Hải An

+ Tài khoản 6222 – Công trình Thành Tô

+ Tài khoản 6223 – Công trình Đường Đình Vũ

+ Tài khoản 6224 – Công trình hạ tầng Anh Dũng

• *Sổ sách sử dụng:*

- Sổ nhật ký chung
- Sổ cái tài khoản 622

- Sổ sách khác có liên quan

Chi phí nhân công trực tiếp của Công ty Cổ phần Xây lắp Sao Việt là lương công nhân trực tiếp tham gia thực hiện thi công công trình, hạng mục công trình.

Trong công ty, công nhân trực tiếp sản xuất bao gồm: Công nhân biên chế (trong danh sách) và công nhân hợp đồng, trong đó số công nhân hợp đồng nhiều hơn số công nhân trong biên chế, đây là đặc điểm của doanh nghiệp xây lắp nhằm hạn chế chi phí tiền lương trong đoạn không thi công công trình.

Hình thức trả lương cho lao động trực tiếp mà doanh nghiệp áp dụng là giao khoán từng khối lượng công trình hoàn thành và khoán gọn công việc, được thể hiện trong các hợp đồng giao khoán. Trong hợp đồng ghi rõ khối lượng công việc được giao, yêu cầu kỹ thuật, đơn giá khoán, thời gian thực hiện. Ở Công ty Cổ phần Xây lắp Sao Việt, thời gian thực hiện ghi trong hợp đồng giao khoán thường dưới 1 tháng để đảm bảo việc tính lương cho công nhân trực tiếp sản xuất trong tháng. Theo quy định, chỉ sản phẩm hoàn thành và đáp ứng đủ yêu cầu chất lượng sau khi kiểm nghiệm mới được tính trả lương.

Dựa vào khối lượng công việc được giao khoán cho từng tổ, đội, đội trưởng sản xuất đơn đốc lao động trong tổ thực hiện thi công phần việc được giao, bảo đảm đúng tiến độ và yêu cầu kỹ thuật, đồng thời theo dõi tình hình lao động của từng công nhân và ghi vào bảng chấm công để làm căn cứ tính tiền lương khoán cho công nhân trong tổ.

Đối với công việc giao khoán cho các đội sản xuất thì cơ sở tính lương cho người lao động hàng tháng là các bảng chấm công và các hợp đồng giao khoán. Trên hợp đồng giao khoán phải ghi rõ họ tên người nhận khoán, đơn giá khoán.

Khi công việc hoàn thành phải có biên bản nghiệm thu bàn giao công việc với sự có mặt của giám sát kỹ thuật, đội trưởng và người nhận khoán. Khối lượng xây lắp hoàn thành phải đảm bảo chất lượng kỹ thuật, tiến độ

đúng yêu cầu như đã ghi trong hợp đồng.

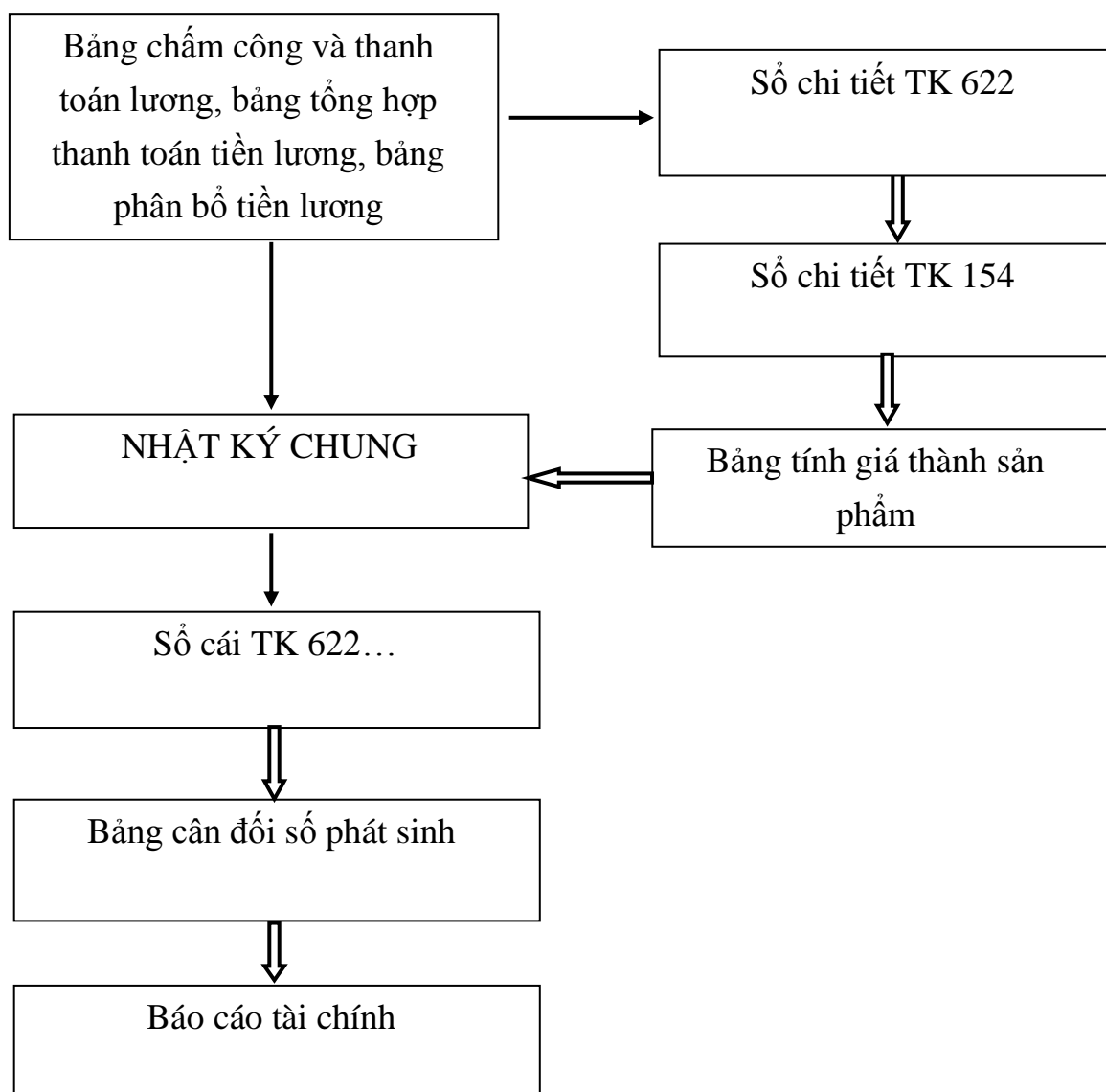
Theo phương thức này tiền lương của một công nhân sản xuất được tính theo công thức sau:

$$\begin{aligned} \text{Tổng tiền lương của cả tổ} &= \text{Khối lượng công việc giao khoán hoàn thành} \times \text{Đơn giá khoán} \\ \text{Tiền lương làm khoán của từng công nhân} &= \frac{\text{Tổng tiền lương của cả tổ}}{\text{Tổng số công của cả tổ}} \times \text{Số công làm việc của từng công nhân} \end{aligned}$$

Công ty không tiến hành trích các khoản trích theo lương đối với công nhân trực tiếp thi công công trình, hạng mục công trình.

Trong giai đoạn thi công, hàng ngày đội trưởng đội sản xuất hay tổ thi công tiến hành chấm công cho công nhân.

Quá trình hạch toán chi phí nhân công trực tiếp được diễn ra như sau:



Ghi chú:

→ : Ghi hàng ngày

⇒ : Ghi cuối kỳ

↔ : Đối chiếu

-Hàng ngày, căn cứ vào các chứng từ kế toán do các kế toán công trình chuyển lên có kèm theo bảng kê kế toán công ty tiến hành ghi vào sổ nhật ký chung, đồng thời ghi vào sổ chi tiết TK 622, từ sổ nhật ký chung kế toán ghi vào sổ cái các TK có liên quan như TK 622, 141...

-Cuối kỳ, kế toán căn cứ vào số liệu trên sổ chi tiết TK 622 lập sổ chi tiết TK 154. Từ sổ chi tiết TK154 kế toán lập bảng tính giá thành tính giá thành trong quý. Căn cứ vào số liệu từ bảng tính giá thành kế toán vào sổ nhật ký chung, phản ánh bút toán liên quan đến giá thành sản phẩm.

**Biểu 2.7**

**Công ty cổ phần xây lắp Sao Việt**

**Mẫu số 02 – LĐTL**

**Tổ công nhân: Nguyễn Bá Minh**

(Ban hành theo QĐ số: 15/2006/QĐ-BTC ngày 20/3/2006 của Bộ trưởng BTC)

**BẢNG CHẤM CÔNG**

Tháng 10 năm 2012

ST T	HỌ VÀ TÊN	NGÀY TRONG THÁNG													TỔNG
		1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	.....	30	31	
1	Nguyễn Bá Minh		x	x	x	x	x	x	x	x	x	.....	x	X	30
2	Trần Văn Thắng		x	x	x	x	x	x	x	x	x	.....	x	X	30
3	Nguyễn Tuấn Anh		x	x	x	x	x	x	x	O	x	.....	x	X	29
4	Vũ Văn Khoa		x	x	x	x	x	P	x	x	x	.....	x	X	25
5	Nguyễn Văn Sâm		x	O	x	x	x	x	x	x	x	.....	x	X	28
6	Trần Văn Lợi		x	O	x	x	x	O	x	x	x	.....	x	X	29
7	Vũ Quốc Doanh		x	x	x	x	x	x	x	x	x	.....	x	X	30
8	Phạm Thế Hiệp		x	x	x	x	x	x	O	x	x	.....	x	X	26
9	Đỗ Thanh Duy		x	x	x	x	x	x	x	x	x	.....	x	X	28
10	Nguyễn Minh Phương		x	x	x	O	x	x	x	x	x	.....	x	X	29
11	Đào An Ninh		x	x	x	x	x	x	P	x	x	.....		X	27
12	Nguyễn Công Tiến		x	x	x	x	x	O	x	x	x	...	x	X	30
	Tổng	0	12	10	12	11	12	9	10	11	12	.....	11	12	341

**KÝ HIỆU CHẤM CÔNG**

Lương sản phẩm : K

Nghỉ phép: P

**Người duyệt**

**Phụ trách bộ phận**

**Người chấm công**

Lương thời gian: x

Nghỉ không lý do: O

(Ký, họ tên)

(Ký, họ tên)

(Ký, họ tên)

Nghỉ bù: B

Nghỉ không lương: Ro

Căn cứ vào bảng chấm công, hợp đồng giao khoán đối với từng tổ, đội công nhân. Biên bản nghiệm thu khối lượng hoàn thành, kế toán tiến hành xác định tiền lương cho từng công nhân.

Với lương sản phẩm (lương khoán), vì tổ không áp dụng lương ăn theo hệ số nào nên lương được chia đều theo số công.

Biết tổng số tiền lương khoán thi công trong tháng 10 đối với công trình Cải tạo nâng cấp nhà làm việc 1 cửa Hải An của cả tổ là 46.035.000 đồng

Vậy tiền lương bình quân/công =  $46.035.000/341 = 135.000$  đồng

Công ty có phụ cấp tiền ăn 1 ngày là 15.000 đồng/người

Vậy tổng số tiền mà công nhân Nguyễn Bá Minh được hưởng là:

$135.000 \times 30 + 15.000 \times 30 = 4.500.000$  đ

Lương của công nhân khác cũng làm tương tự như vậy.

**Biểu 2.8**

**CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY LẮP SAO VIỆT**

**BẢNG THANH TOÁN LƯƠNG**

Công trình: **Cải tạo, nâng cấp nhà làm việc 1 cửa Hải An**

Tổ: **Nguyễn Bá Minh**

Thời gian: T10/2012

STT	Họ và tên	Đơn giá	Lương khoán		Phụ cấp tiền ăn	Tổng tiền	Ký nhận
			Số công	Số tiền			
1	Nguyễn Bá Minh	135.000	30	4.050.000	450.000	4.500.000	
2	Trần Văn Thắng	135.000	30	4.050.000	450.000	4.500.000	
3	Nguyễn Tuấn Anh	135.000	29	3.915.000	435.000	4.350.000	
4	Vũ Văn Khoa	135.000	25	3.375.000	375.000	3.750.000	
3	Nguyễn Văn Sâm	135.000	28	3.780.000	420.000	4.200.000	
6	Trần Văn Lợi	135.000	29	3.915.000	435.000	4.350.000	
7	Vũ Quốc Doanh	135.000	30	4.050.000	450.000	4.500.000	
8	Phạm Thế Hiệp	135.000	26	3.510.000	390.000	3.900.000	
9	Đỗ Thanh Duy	135.000	28	3.780.000	420.000	4.200.000	
10	Nguyễn Minh Phương	135.000	29	3.915.000	435.000	4.350.000	
11	Đào An Ninh	135.000	27	3.645.000	405.000	4.050.000	
12	Nguyễn Công Tiến	135.000	30	4.050.000	450.000	4.495.000	
	<b>Tổng</b>		<b>341</b>	<b>46.035.000</b>	<b>5.115.000</b>	<b>51.150.000</b>	

**Tổng tiền lương của tổ là: 51.150.000 đồng**

**Bằng chữ: năm mươi một triệu một trăm lăm mươi nghìn đồng chẵn./.**

**Người lập**

(Ký, họ tên)

**Kế toán Trưởng**

(Ký, họ tên)

**Tổng giám đốc**

(Ký, họ tên)

Từ số liệu của bảng thanh toán lương cho công nhân trực tiếp vận hành máy thi công toàn công ty, bảng thanh toán lương nhân viên phân xưởng toàn công ty, bảng thanh toán lương bộ phận quản lý doanh nghiệp toàn công ty, kế toán lập bảng tổng hợp lương tháng Quý 4 năm 2012 toàn công ty.

**Biểu 2.9**

Công ty cổ phần xây lắp Sao Việt

Mẫu số:02-LĐTL

Tầng 3 tòa văn phòng Sao Đỏ, Km1 + 400 đường Phạm Văn Đồng, Hải Phòng (Ban hành theo QĐ số: 15/2006/QĐ-BTC ngày 20/3/2006 của Bộ trưởng BTC)

**BẢNG TỔNG HỢP LƯƠNG TOÀN CÔNG TY**

Tháng 10 năm 2012

Đơn vị tính: Đồng

Ghi Có TK	TK 334	TK 338					Cộng	TK 338	Ghi chú	
		Tính vào chi phí								Trừ vào lương (9,5 %)
		BHXH(17%)	BHYT(3%)	BHTN(1%)	KPCĐ(2%)	Cộng				
TK 622	860.870.500	-	-	-	-	-	860.870.500	-		
- CT cải tạo nâng cấp nhà làm việc 1 cửa Hải An	51.150.000	-	-	-	-	-	51.150.000	-		
- CT Thành Tô	68.285.000	-	-	-	-	-	68.285.000	-		
- CT Đường Đình Vũ	30.650.000	-	-	-	-	-	30.650.000	-		
- CT hạ tầng Anh Dũng .....	110.060.150						110.060.150 .....			
<b>TK 623</b>	<b>85.450.000</b>	-	-	-	-	-	<b>85.450.000</b>	-		
<b>TK 627</b>	<b>191.163.416</b>	<b>28.670.500</b>	<b>5.059.500</b>	<b>1.686.500</b>	<b>3.823.268</b>	<b>39.239.768</b>	<b>230.403.184</b>	<b>16.021.750</b>		
<b>TK 642</b>	<b>108.768.696</b>	<b>13.355.200</b>	<b>2.356.800</b>	<b>785.600</b>	<b>2.175.374</b>	<b>18.672.974</b>	<b>127.441.670</b>	<b>7.463.200</b>		
<b>Cộng</b>	<b>1.246.252.612</b>	<b>42.025.700</b>	<b>7.416.300</b>	<b>2.472.100</b>	<b>5.998.642</b>	<b>57.912.742</b>	<b>1.304.165.354</b>	<b>23.484.950</b>		

Người lập sổ  
(Ký, họ tên)

Kế toán trưởng  
(Ký, họ tên)

Ngày 31 tháng 10 năm 2012  
Tổng giám đốc  
(Ký, họ tên)



Trên cơ sở bảng thanh toán lương, kế toán tổng hợp lại và lập sổ chi tiết TK 622 quý 4 của công trình: Cải tạo, nâng cấp nhà làm việc 1 cửa Hải An

**Biểu 2.10**

**CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY LẬP SAO VIỆT**

Tầng 3 tòa văn phòng Sao Đỏ, Km1 + 400, đường Phạm Văn Đồng, HP

**SỔ CHI TIẾT TÀI KHOẢN 622 (6221)**

(chi tiết cho từng công trình)

**Quý 4 năm 2012**

**Tên tài khoản: Chi phí nhân công trực tiếp**

**Số hiệu: 622**

**Tên công trình: Cải tạo, nâng cấp nhà làm việc 1 cửa Hải An**

Đơn vị tính: Đồng

NT GS	Chứng từ		Diễn giải	Số hiệu TKĐƯ	Số tiền	
	SH	NT			Nợ	Có
31/10	TL10	31/10	Tính ra lương phải trả cho tổ công nhân Nguyễn Bá Minh tháng 10	334	51.150.000	
30/11	TL11	30/11	Tính ra tiền lương phải trả cho tổ công nhân Nguyễn Bá Minh tháng 11	334	65.940.000	
31/12	TL12	31/12	Tính ra tiền lương phải trả cho tổ công nhân Nguyễn Bá Minh tháng 12	334	63.100.000	
31/12	PKT50	31/12	Kết chuyển chi phí nhân công trực tiếp	154		180.190.000
			<b>Cộng phát sinh</b>		<b>180.190.000</b>	<b>180.190.000</b>

**Người lập sổ**

(Ký, họ tên)

**Kế toán trưởng**

(Ký, họ tên)

**Tổng giám đốc**

(Ký, họ tên, đóng dấu)

Căn cứ vào bảng tổng hợp tiền lương toàn công ty, kế toán vào sổ nhật ký

**Công ty Cổ phần Xây lắp Sao Việt**

**Mẫu số S03a-DN**

Tầng 3 tòa văn phòng Sao Đỏ, Km1 + 400 (Ban hành theo QĐ số: 15/2006/QĐ-BTC ngày  
đường Phạm Văn Đồng, Hải Phòng 20/3/2006 của Bộ trưởng BTC)

chung phản ánh chi phí nhân công.

**Biểu 2.11**

**TRÍCH SỔ NHẬT KÝ CHUNG**

**Quý 4 năm 2012**

Đơn vị tính:

Đồng

NT GS	Chứng từ		Diễn giải	Số hiệu TK		Số phát sinh	
	SH	NT				Nợ	Có
			.....				
10/10	TL/T9	10/10	Thanh toán lương cho CB,CNV công ty Tháng 9 bằng tiền mặt	334		68.615.000	
					111		68.615.000
			.....				
31/10	TL/T10	31/10	Tính ra lương phải trả cho CB,CNV công ty Tháng 10	622		860.870.500	
				623		85.450.000	
				627		191.163.416	
				642		108.768.696	
					334		1.246.252.612
31/10	TL/T10	31/10	Trích BHYT, BHXH, KPCĐ, BHTN tính vào chi phí	627		39.239.768	
				642		18.672.974	
					338		57.912.742
31/10	TL/T10	31/10	Trích BHYT, BHXH, KPCĐ, BHTN Trừ vào lương	334		23.484.950	
					338		23.484.950
			.....				
			<b>Cộng phát sinh quý 4</b>			<b><u>485.837.926.633</u></b>	<b><u>485.837.926.633</u></b>
			<b>Cộng phát sinh năm</b>				

Ngày 31 tháng 12 năm 2012

**Người lập sổ**  
(Ký, ghi rõ họ tên)

**Kế toán trưởng**  
(Ký, ghi rõ họ tên)

**Tổng giám đốc**  
(Ký, ghi rõ họ tên)

Từ Nhật ký chung, kế toán vào sổ cái tài khoản 622

**Biểu 2.12**

**CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY LẮP SAO VIỆT**

Tầng 3 tòa văn phòng Sao Đỏ, Km1 + 400, đường Phạm Văn Đồng, HP

**TRÍCH SỔ CÁI TÀI KHOẢN 622**

**Quý 4 năm 2012**

Tên tài khoản: **Chi phí nhân công trực tiếp**

Đơn vị tính: **Đồng**

NTG S	Chứng từ		Diễn giải	TK ĐƯ	Số tiền	
	Số hiệu	NT			Nợ	Có
31/10	TL/T10	31/10	Tính ra tiền lương phải trả cho công nhân trực tiếp sản xuất tháng 10 năm 2012	334	860.870.500	
30/11	TL/T11	30/11	Tính ra tiền lương phải trả cho công nhân trực tiếp sản xuất tháng 11 năm 2012	334	1.980.659.000	
31/12	TL/12	31/12	Tính ra tiền lương phải trả cho công nhân trực tiếp sản xuất tháng 12 năm 2012	334	1.613.540.500	
31/12	PKT55	31/12	Kết chuyển chi phí nhân công trực tiếp quý 4 năm 2012	154		4.455.070.000
			<b>Công phát sinh quý</b>		<b><u>4.455.070.000</u></b>	<b><u>4.455.070.000</u></b>

**Người lập biểu**

(Ký, họ tên)

**Kế toán Trưởng**

(Ký, họ tên)

**Tổng giám đốc**

(Ký, họ tên)

*2.2.1.5. Kế toán chi phí sử dụng máy thi công*

*\* Chứng từ sử dụng:*

- Hợp đồng lao động
- Bảng chấm công
- Bảng thanh toán lương
- Hợp đồng thuê máy
- Bảng tính và phân bổ khấu hao...

*\* Tài khoản sử dụng:* Công ty sử dụng tài khoản 623 – Chi phí sử dụng máy thi công

*\* Sổ sách sử dụng:*

- Sổ cái tài khoản 623
- Bảng phân bổ chi phí sử dụng máy thi công

*\* Nội dung hạch toán chi phí sử dụng máy thi công tại Công ty Cổ phần xây lắp Sao Việt*

Chi phí sử dụng máy thi công là toàn bộ chi phí trực tiếp phát sinh trong quá trình thi công để thực hiện khối lượng công việc xây lắp

Công ty Cổ phần xây lắp Sao Việt có tổ chức đội máy thi công riêng hạch toán phụ thuộc. Tuy nhiên với một số công trình ở xa do điều kiện vận chuyển khó khăn và tính lợi ích không cao thì công ty lựa chọn hình thức thuê máy thi công bên ngoài.

Tài khoản 623 được tập hợp chung cho tất cả các công trình, hạng mục công trình khác nhau theo quý rồi tiến hành phân bổ cho từng công trình, hạng mục liên quan theo tiêu thức phù hợp.

*\* Chi phí sử dụng máy thi công của công ty bao gồm:*

- Chi phí công nhân trực tiếp điều khiển xe, máy thi công, phục vụ máy thi công
- Chi phí nhiên liệu cho máy chạy
- Chi phí khấu hao máy móc thiết bị
- Chi phí dịch vụ mua ngoài
- Chi phí bằng tiền khác

\* Đối với lương công nhân trực tiếp vận hành máy thi công thì kế toán dựa vào bảng chấm công tính ra tiền lương phải trả

$$\begin{array}{l} \text{Lương từng} \\ \text{công nhân vận} \\ \text{hành máy thi} \\ \text{công} \end{array} = \begin{array}{l} \text{Đơn giá 1} \\ \text{ngày công} \end{array} \times \begin{array}{l} \text{Số công làm} \\ \text{việc trong} \\ \text{tháng} \end{array} + \begin{array}{l} \text{Phụ cấp} \\ \text{thuộc quỹ} \\ \text{lương} \end{array}$$

Công nhân vận hành máy thi công là công nhân biên chế trong danh sách của công ty. Đơn giá một ngày công được ghi cụ thể trong hợp đồng lao động.

Công ty không tiến hành trích các khoản theo lương (BHXH, BHYT, BHTN, KPCĐ) cho công nhân vận hành máy thi công. Công nhân chỉ được hưởng các khoản phụ cấp như: phụ cấp trách nhiệm, phụ cấp độc hại, phụ cấp ăn ca, phụ cấp xăng xe... được gọi chung là phụ cấp thuộc quỹ lương.

\* Đối với nguyên vật liệu sử dụng cho máy thi công: đội trưởng đội thi công hoặc đội sản xuất dựa trên khối lượng định mức công việc thi công cũng như định mức NVL sử dụng máy thi công, tiến hành thu mua sau đó đem hóa đơn GTGT và viết giấy đề nghị thanh toán để được thanh toán. Chứng từ được chuyển lên phòng kế toán của công ty để xử lý.

\* Đối với khấu hao máy thi công thì cuối mỗi tháng, kế toán TSCĐ tiến hành trích khấu hao cho các máy thi công và vào bảng khấu hao tài sản cố định.

Tại công ty Cổ phần xây lắp Sao Việt: khấu hao TSCĐ nói chung và khấu hao máy thi công nói riêng đều được tính theo phương pháp khấu hao đường thẳng (khấu hao đều), cách tính như sau:

$$\text{Mức khấu hao bình quân năm} = \frac{\text{Nguyên giá}}{\text{Số năm sử dụng}}$$

$$\text{Mức khấu hao} \\ \text{tháng} = \frac{\text{Nguyên giá}}{\text{Số năm sử dụng} \times 12}$$

**Biểu 2.13**

**CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY LẬP SAO VIỆT**

Tầng 3 tòa văn phòng Sao Đỏ, Km1 + 400 đường Phạm Văn Đồng, HP

**BẢNG TỔNG HỢP TRÍCH KHẤU HAO TSCĐ**

**Tháng 10 năm 2012**

ST T	Tên TSCĐ	Ngày bàn giao	Nguyên giá	Thời hạn SD	GTHM lũy kế đến cuối tháng 09	Mức KH tháng này	Phân bổ cho đối tượng sử dụng			Giá trị còn lại TSCĐ
							623	627	642	
<b>I</b>	<b>Thiết bị, đồ dùng quản lý</b>									
1	Máy in Canon 3500	T9/2010	13.331.818	5	1.999.773	222.197			222.197	11.109.848
2	Tủ tài liệu	T4/2010	15.909.091	5	3.712.128	265.152			265.152	11.931.811
	....									
<b>II</b>	<b>Phương tiện vận tải</b>									
	....		....				....			....
<b>III</b>	<b>Máy móc thiết bị</b>									
1	Máy trộn bê tông	T5/2009	17.904.762	7	5.328.800	213.152	213.152			12.362.810
2	Máy phát điện ST 15	T5/2010	18.800.000	7	2.909.530	223.810	223.810			15.666.660
3	Máy cắt IK 12 beetle	T7/2010	13.000.000	7	1.702.382	154.762	154.762			11.142.856
4	Máy kính vỹ	T12/2009	16.363.637	7	3.506.490	194.805	194.805			12.662.342
5	Máy phát hàn	T5/2007	20.476.190	6	13.935.197	284.392	284.392			6.256.601
	....									
	<b>Cộng</b>		<b><u>20.233.810.896</u></b>		<b><u>8.699.217.563</u></b>	<b><u>116.149.385</u></b>	<b><u>75.412.030</u></b>	<b><u>22.459.797</u></b>	<b><u>18.277.558</u></b>	<b><u>11.418.443.948</u></b>

*Người lập biểu*  
(Ký, ghi rõ họ tên)

*Kế toán trưởng*  
(Ký, ghi rõ họ tên)

*Tổng giám đốc*  
(Ký, đóng dấu, ghi rõ họ tên)

\* Chi phí sửa chữa, bảo dưỡng, chi phí dịch vụ mua ngoài, chi phí bằng tiền khác phát sinh cũng được tập hợp lại cho từng công trình (áp dụng đối với những công trình có giá trị lớn) hoặc chung cho nhiều công trình (thường là được tập hợp chung cho nhiều công trình)

\* Đối với máy thi công thuê ngoài thì công ty sử dụng phương thức thuê trọn gói cả máy thi công và người điều khiển máy. Trên hợp đồng thuê có ghi rõ khối lượng công việc phải hoàn thành và đơn giá tiền thuê.

Cuối quý, kế toán tập hợp chi phí sử dụng máy thi công chi tiết cho từng công trình. Những chi phí sử dụng máy thi công liên quan đến nhiều công trình thì được tập hợp và phân bổ vào cuối mỗi quý.

Ở công ty Cổ phần xây lắp Sao Việt, chi phí sử dụng máy thi công chủ

$$\begin{array}{l} \text{Chi phí sử dụng} \\ \text{máy thi công} \\ \text{phân bổ cho} \\ \text{công trình A} \end{array} = \frac{\text{Tổng chi phí sử dụng máy thi công}}{\text{Tổng giá thành dự toán của các công} \\ \text{trình tính đến thời điểm phân bổ}} \times \begin{array}{l} \text{Giá thành dự} \\ \text{toán của} \\ \text{công trình A} \end{array}$$

yếu là chi phí cần phân bổ. Số theo dõi cho từng công trình không nhiều và chủ yếu là theo dõi cho những công trình lớn hoặc quan trọng.

*\* Tập hợp chi phí sử dụng máy thi công*

Sau khi xác định được tất cả các chi phí sử dụng máy thi công phát sinh trong tháng, kế toán tiến hành phân bổ cho từng công trình theo giá thành dự toán của các công trình.

Chi phí sử dụng máy thi công công trình: “**Cải tạo, nâng cấp nhà làm việc 1 cửa Hải An**” không được theo dõi chi tiết chi phí sử dụng máy thi công mà chi phí sử dụng máy thi công được phân bổ từ số liệu chung cuối tháng.

**Biểu 2.14**

**CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY LẬP SAO VIỆT**

Tầng 3 tòa văn phòng Sao Đỏ, Km1 + 400 đường Phạm Văn Đồng, HP

**Sổ chi tiết tài khoản 623 tập hợp chung cho toàn công ty (Phần cần phân bổ)**

**Quý 4 năm 2012**

Tên tài khoản: **Chi phí sử dụng máy thi công**

**Số hiệu: 623**

Toàn công ty (phần cần phân bổ)

Đơn vị tính: **Đồng**

Chứng từ		Diễn giải	SH TK ĐƯ	Ghi nợ TK 623				
SH	NT			Tổng tiền	Chia ra			
					TK 6231	TK 6232	TK 6234	TK 6237
		<i>Số dư đầu kỳ</i>						
HĐ0000889	03/10	Mua 3,475 lít dầu Diesel cho máy chạy	331	<b>65.709.091</b>		65.709.091		
		.....						
PC10/T10	08/10	Mua 198 lít nhớt phục vụ thi công công trình	111	<b>9.604.824</b>		9.604.824		
		.....						
PC17/T10	10/10	Mua 78 lít dầu thủy lực phục vụ thi công công trình	111	<b>4.757.582</b>		4.757.582		
		.....						
TL/T10	31/10	Tiền lương phải trả cho CN vận hành máy thi công tháng 10	334	<b>85.450.000</b>	85.450.000			
BKH10	31/10	Trích và phân bổ khấu hao TSCĐ tháng tháng 10	214	<b>75.412.030</b>			75.412.030	
		.....						
		<i>Cộng phát sinh</i>		<b>783.149.410</b>	85.450.000	475.213.450	75.412.030	120.650.700
		<i>Số dư cuối kỳ</i>						...

**Người lập sổ**

(Ký, họ tên)

**Kế toán trưởng**

(Ký, họ tên)

**Tổng giám đốc**

(Ký, họ tên, đóng dấu)



Sau khi đã tập hợp được chi phí sử dụng máy thi công theo dõi chung cho toàn công ty phần cần phân bổ, kế toán tiến hành phân bổ chi phí sử dụng máy thi công cho từng công trình dựa vào tiêu thức giá thành dự toán.

**Biểu 2.15**

**CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY LẬP SAO VIỆT**

Tầng 3 tòa văn phòng Sao Đỏ, Km1 + 400 đường Phạm Văn Đồng, HP

**BẢNG PHÂN BỐ CHI PHÍ SỬ DỤNG MÁY THI CÔNG**

**Quý 4 năm 2012**

Đơn vị tính: Đồng

<b>STT</b>	<b>Công trình</b>	<b>Tiêu thức phân bổ (Giá thành dự toán)</b>	<b>Chi phí sử dụng máy thi công</b>
1	Công trình Thành Tô	5.450.000.000	231.455.996
2	Công trình Đường Đình Vũ	520.000.000	22.083.875
3	Công trình cải tạo, nâng cấp nhà làm việc 1 cửa Hải An	980.000.000	41.619.610
	....		
	Tổng	18.440.500.000	783.149.410

Ngày 31 tháng 12 năm 2012

**Người lập sổ**

(Ký, họ tên)

**Kế toán trưởng**

(Ký, họ tên)

**Tổng giám đốc**

(Ký, họ tên, đóng dấu)

**\* Diễn giải cụ thể cách lấy số liệu vào bảng trên:**

Tổng chi phí sử dụng máy thi công (phần chi phí dùng chung cho toàn công ty cần phân bổ) trong quý 4 năm 2012 của công ty là 783.149.410 đồng.

Tổng giá thành dự toán của các công trình thi công trong tháng là: 18.440.500.000 đồng.

Giá thành dự toán của các công trình là:

- Công trình Thành Tô: 5.450.000.000 đồng
- Công trình Đường Đình Vũ: 520.000.000 đồng
- Công trình Cải tạo, nâng cấp nhà làm việc 1 cửa Hải An:

980.000.000 đồng.

.....

Vậy phần chi phí sử dụng máy thi công phân bổ cho từng công trình là:

$$\begin{array}{l} \text{Công trình} \\ \text{Thành Tô} \end{array} = \frac{783.149.410}{18.440.500.000} \times 5.450.000.000 = 231.455.996$$

$$\begin{array}{l} \text{Công trình} \\ \text{Đường Đình Vũ} \end{array} = \frac{783.149.410}{18.440.500.000} \times 520.000.000 = 22.083.875$$

$$\begin{array}{l} \text{Công trình Cải} \\ \text{tạo, nâng cấp} \\ \text{nàh làm việc 1} \\ \text{cửa Hải An} \end{array} = \frac{783.149.410}{18.440.500.000} \times 980.000.000 = 41.619.610$$

.....

**CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY LẮP SAO VIỆT**  
Tầng 3 tòa văn phòng Sao Đỏ, Km1 + 400 đường Phạm Văn  
Đồng, Hải Phòng

**Mẫu số S03a-DN**  
(Ban hành theo QĐ số:  
15/2006/QĐ-BTC ngày  
20/3/2006 của Bộ trưởng BTC)

**Biểu 2.16**

**TRÍCH SỔ NHẬT KÝ CHUNG**

**Từ ngày 01/10/2012 đến 31/12/2012**

Đơn vị tính: Đồng

NT GS	Chứng từ		Diễn giải	Số hiệu TK		Số phát sinh	
	SH	NT				Nợ	Có
			.....				
03/10	HD000 0889	03/10	Mua dầu	623		65.709.091	
			Diezel phục	133		6.570.909	
			vụ thi công công trình		331		72.280.000
			.....				
08/10	PC10/T 10	08/10	Mua nhớt	623		9.604.824	
			phục vụ thi	133		960.482	
			công công trình		111		10.565.306
			.....				
31/10	TL/T10	31/10	Tiền lương	622		860.870.500	
			phải trả cho	623		85.450.000	
			toàn công ty	627		191.163.416	
			tháng 10	642		108.768.696	
					334		1.246.252.612
31/10	BKH10	31/10	Trích và phân	623		75.412.030	
			bổ khấu hao	627		22.459.797	
			TSCĐ tháng	642		18.277.558	
			10	214		116.149.385	
			.....				
			<b>Cộng phát</b>			<b><u>485.837.926.633</u></b>	<b><u>485.837.926.633</u></b>
			<b>sinh quý 4</b>				

Ngày 31 tháng 12 năm 2012

**Người ghi sổ**  
(Đã ký)

**Kế toán trưởng**  
(Đã ký)

**Tổng Giám đốc**  
(Đã ký tên, đóng dấu)

**Biểu 2.17**

**CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY LẮP SAO VIỆT**

Tầng 3 tòa văn phòng Sao Đỏ, Km1 + 400 đường Phạm Văn Đồng, HP

**TRÍCH SỔ CÁI TÀI KHOẢN 623**

**Quý 4 năm 2012**

Tên tài khoản: **Chi phí sử dụng máy thi công**

Đơn vị tính: Đồng

Ngày tháng ghi sổ	Chứng từ		Diễn giải	TK đối ứng	Số tiền	
	Số hiệu	Ngày tháng			Nợ	Có
			.....			
03/10	HĐ0000889	03/10	Mua dầu Diezel phục vụ thi công công trình	331	65.709.091	
			.....			
08/10	PC10/T10	08/10	Mua nhớt phục vụ thi công công trình	111	9.604.824	
			.....			
31/10	TL/T10	31/10	Tiền lương phải trả cho công nhân vận hành máy thi công	334	85.450.000	
31/10	BKH10	31/10	Trích và phân bổ khấu hao TSCĐ tháng 10	214	75.412.030	
			.....			
31/12	PKT51	31/12	Kết chuyển chi phí sử dụng máy thi công quý 4	154		705.060.150
			<b>Cộng phát sinh quý 4</b>		<b><u>705.060.150</u></b>	<b><u>705.060.150</u></b>

Ngày 31 tháng 12 năm 2012

**Người lập biểu**

(Ký, ghi rõ họ tên)

**Kế toán trưởng**

(Ký, ghi rõ họ tên)

**Tổng giám đốc**

(Ký, đóng dấu, ghi rõ họ tên)

**2.2.1.6. Kế toán chi phí sản xuất chung**

*\* Chứng từ sử dụng:*

- Hóa đơn GTGT
- Bảng tính và phân bổ khấu hao
- Phiếu xuất kho NVL, CCDC
- Hợp đồng lao động
- Bảng chấm công
- Bảng thanh toán lương
- Bảng tổng hợp lương

*\* Tài khoản sử dụng:* Công ty sử dụng tài khoản 627 – Chi phí sản xuất chung, dùng để tập hợp chi phí sản xuất chung phát sinh trong kỳ.

*\* Sổ sách sử dụng:*

- Sổ nhật ký chung
- Sổ cái tài khoản 627
- Sổ chi tiết tài khoản 627 theo dõi chung cho toàn công ty
- Bảng phân bổ chi phí sản xuất chung

*\* Nội dung hạch toán chi phí sản xuất chung tại công ty Cổ phần xây lắp Sao Việt*

Chi phí sản xuất chung phản ánh chi phí sản xuất của đội, công trường xây dựng bao gồm: lương nhân viên quản lý đội, công trường, các khoản trích theo lương tương ứng tính vào chi phí, khấu hao TSCĐ dùng chung cho hoạt động của đội, chi phí công cụ dụng cụ xuất dùng, và những chi phí bằng tiền khác phát sinh trong kỳ liên quan đến hoạt động xây lắp.

Trong đó:

- Chi phí nhân viên quản lý công trường: bao gồm lương cho đội trưởng, kế toán đội, bảo vệ, nhân viên giám sát kỹ thuật và các khoản trích theo lương (BHYT, BHXH, KPCĐ, BHTN) tính vào chi phí. Tỷ lệ trích các khoản theo lương được thực hiện theo quy định hiện hành. Đối với lương của nhân viên quản lý đội thì công ty áp dụng hình thức trả lương theo thời gian.

*Hình thức trả lương theo thời gian:* là hình thức trả lương cho người

lao động căn cứ vào thời gian làm việc thực tế, hệ số cấp bậc kỹ thuật và đơn giá tiền lương theo thời gian. Công ty trả lương cố định theo tháng trên cơ sở hợp đồng lao động.

**Tiền lương** = Lương tối thiểu \* HS lương \* Số ngày làm việc thực tế/số ngày công làm việc theo quy định.

**Tổng thu nhập** = Tiền lương + Phụ cấp ăn ca + xăng xe + Phụ cấp khác.

**Thực lĩnh** = Tổng thu nhập - Các khoản giảm trừ ( BHXH, BHYT, BHTN, Thuế TNCN).

Đối với lương cho bộ phận quản lý công trường, kế toán đội nộp bảng chấm công cho số nhân viên quản lý đội của tổ mình lên phòng kế toán công ty vào cuối mỗi tháng. Sau khi nhận được bảng chấm công của các đội gửi lên, kế toán tiền lương công ty sẽ tập hợp lại tính ra tiền lương bộ phận quản lý sản xuất của toàn công ty. Ta có bảng thanh toán lương nhân viên quản lý đội của toàn công ty.

**Biểu 2.18**

**CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY LẮP SAO VIỆT**

Mẫu số 02 – LĐTL

Tầng 3 tòa văn phòng Sao Đỏ, Km1 + 400 đường Phạm Văn Đồng, Hải Phòng

(Ban hành theo QĐ số: 15/2006/QĐ-BTC ngày 20/3/2006 của Bộ trưởng BTC)

**BẢNG THANH TOÁN LƯƠNG TOÀN CÔNG TY**

**Tháng 10 năm 2012**

**Bộ phận quản lý đội xây lắp toàn công ty**

Đơn vị tính: *Đồng*

ST T	Họ và tên	Số cô ng	Lương tối thiểu	HS lươn g	Lương cơ bản	Tiền lương	Phụ cấp ăn ca + xăng xe+ khác	Tổng thu nhập	Các khoản giảm trừ				Thực lĩnh	K ý
									BHXH	BHYT	BHTN	Cộng		
1	Đỗ Thanh Duy	26	1.050.000	4,51	4.735.500	4.735.500	1.350.000	6.085.500	331.485	71.033	47.355	449.873	5.635.627	
2	Đào An Ninh	24	1.050.000	2,34	2.457.000	2.268.000	1.325.000	3.593.000	171.990	36.855	24.570	233.415	3.359.585	
3	Phạm Thế Hiệp	25	1.050.000	2,65	2.782.500	2.675.481	1.380.000	4.055.481	194.775	41.738	27.825	264.338	3.791.143	
4	Vũ Văn Khoa	26	1.050.000	3,05	3.202.500	3.202.500	1.350.000	4.552.500	224.175	48.038	32.025	304.238	4.248.262	
	...													
	<b>Cộng</b>	<b>x</b>	<b>x</b>	<b>x</b>	<b>168.650.000</b>	<b>140.312.916</b>	<b>50.850.500</b>	<b>191.163.416</b>	<b>11.805.500</b>	<b>2.529.750</b>	<b>1.686.500</b>	<b>16.021.750</b>	<b>175.141.666</b>	

Người lập  
(Ký, ghi rõ họ tên)

Kế toán Trưởng  
(Ký, ghi rõ họ tên)

Tổng giám đốc  
(Ký, đóng dấu, ghi rõ họ tên)

Từ bảng thanh toán lương trên kế toán lấy số liệu vào bảng tổng hợp lương tháng 10 (Biểu 2.11). Căn cứ vào bảng tổng hợp lương tháng 10, kế toán ghi vào sổ chi tiết TK 627 tập hợp chung cho toàn công ty, vào sổ nhật ký chung. Từ sổ nhật ký chung vào sổ cái TK 627 và các tài khoản có liên quan.

- Chi phí nguyên vật liệu: Khoản chi phí này bao gồm vật liệu xuất dùng cho sửa chữa, bảo dưỡng tài sản cố định,... nhiên liệu mua ngoài (Dầu Diezel, nhớt...) dùng cho thiết bị vận tải.

Khi nhận được chứng từ từ đội thi công gửi lên, kế toán công ty ghi vào sổ chi tiết tài khoản 627 mở chung cho toàn công ty, vào sổ nhật ký chung. Từ sổ nhật ký chung vào sổ cái tài khoản 627 và các tài khoản có liên quan.

- Chi phí công cụ dụng cụ: Là những tư liệu lao động không đủ điều kiện về tiêu chuẩn quy định đối với tài sản cố định.

- + Công cụ dụng cụ của công ty bao gồm:

- CCDC loại phân bổ 1 lần (hạch toán vào tài khoản 627 thông qua phiếu xuất)



- Công cụ dụng cụ có thời gian phân bổ trên 1 năm (hạch toán vào TK 627 thông qua bảng phân bổ chi phí TK 242)

**Biểu 2.19**

**CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY LẮP SAO VIỆT**

**BẢNG PHÂN BỐ CHI PHÍ TÀI KHOẢN 242**

Tháng 10 năm 2012

Đơn vị tính: Đồng

STT	Tên công cụ, lao vụ	Số lượng	Đơn giá mua	Thành tiền	Thời gian phân bổ (tháng)	Thời điểm đưa vào sử dụng	Số đã phân bổ lũy kế đến tháng 09	Giá trị phân bổ tháng này	Giá trị còn lại
<b>I. Bộ phận sản xuất (TK6273)</b>									
1	Máy cắt rùa Volet	4	9.545.000	38.180.000	24	T12/2010	34.998.326	1.590.833	1.590.841
2	Bơm nước mini KOSIN 260	2	7.930.000	15.860.000	24	T2/2011	13.216.660	660.833	1.982.507
3	Máy khoan tay DT SWZ	5	4.010.000	20.050.000	18	T6/2012	4.455.556	1.113.889	14.480.555
4	Máy xoa nền MPT-36B	3	8.750.000	26.250.000	24	T8/2011	15.312.500	1.093.750	9.843.750
5	Đảm đất Mikasa MT-72FW	4	6.240.000	24.960.000	24	T10/2011	12.480.000	1.040.000	11.440.000
...	...		...			...	...	...	
	<b>Cộng</b>	x	x	240.569.700	x	x	163.809.524	15.363.637	61.396.539
...	...		...			...	...	...	

**Người lập**  
(Ký, ghi rõ họ tên)

**Kế toán Trưởng**  
(Ký, ghi rõ họ tên)

**Tổng giám đốc**  
(Ký, đóng dấu, ghi rõ họ tên)

- Chi phí khấu hao TSCĐ dùng ở phân xưởng

Công ty Cổ phần xây lắp Sao Việt sử dụng phương pháp khấu hao đường thẳng. TSCĐ dùng cho bộ phận quản lý phân xưởng bao gồm các thiết bị vận tải.

Để hạch toán chi phí khấu hao TSCĐ dùng cho quản lý phân xưởng, kế toán sử dụng TK 627 và TK 214. Việc theo dõi tổng hợp tình hình trích khấu hao TSCĐ toàn công ty được thể hiện ở bảng tổng hợp trích khấu hao TSCĐ (Biểu 2.14)

- Chi phí dịch vụ mua ngoài

Chi phí dịch vụ mua ngoài bao gồm chi phí về tiền điện thoại, fax, điện, sửa chữa, bảo dưỡng thiết bị vận tải... phục vụ cho thi công và cho công tác quản lý đội.

- Chi phí bằng tiền khác: chi phí bằng tiền khác bao gồm chi phí giao dịch, hội nghị, tiếp khách...

Ở Công ty Cổ phần xây lắp Sao Việt, hàng quý kế toán tiến hành tập hợp toàn bộ chi phí sản xuất chung thực tế phát sinh trong quý. Chi phí sản xuất chung được tập hợp và phân bổ vào cuối mỗi quý. Cuối quý kế toán căn cứ vào tiêu thức “giá thành dự toán” để phân bổ chi phí sản xuất chung phát sinh cho từng công trình.

$$\text{Chi phí SXC phân bổ cho công trình A} = \frac{\text{Tổng chi phí SXC}}{\text{Tổng giá thành dự toán của các công trình tính đến thời điểm phân bổ}} \times \text{Giá thành dự toán của công trình A}$$

Căn cứ vào các chứng từ gốc như hóa đơn GTGT, bảng tính và phân bổ khấu hao, bảng lương nhân viên quản lý, nhân viên gián tiếp của đội thi công... kế toán tiến hành phản ánh các khoản chi phí sản xuất chung phát sinh trong tháng vào sổ Nhật ký chung và sổ chi phí sản xuất kinh doanh tài khoản 627

Chi phí sản xuất chung công trình: “Cải tạo nâng cấp nhà làm việc 1 cửa Hải An”. Công trình này không được theo dõi chi tiết chi phí sản xuất chung mà chi phí sản xuất chung được phân bổ từ số liệu chung cuối quý.

**Biểu 2.20 CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY LẮP SAO VIỆT**

Tầng 3 tòa văn phòng Sao Đỏ, Km1 + 400 đường Phạm Văn Đồng, HP

**TRÍCH SỔ CHI PHÍ SẢN XUẤT KINH DOANH**

Quý 4 năm 2012

Tên tài khoản: **Chi phí sản xuất chung**  
Toàn công ty

Số hiệu: 627

Đơn vị tính: Đồng

Chứng từ		Diễn giải	TK ĐƯ	Ghi nợ TK 627					
SH	NT			Tổng tiền	Chia ra				
					6271	6272	6274	6277	...
		<i>Số dư đầu kỳ</i>							
		....							
PC14/T 10	15/10	Thanh toán tiền điện thoại T9/2012	111	<b>4.108.660</b>				4.108.660	
		....							
BKH10	31/10	Chi phí khấu hao TSCĐ T10/2012	214	<b>22.459.797</b>			22.459.797		
BPB10	31/10	Phân bổ chi phí trả trước TK 242 vào TK 627	242	<b>15.363.637</b>					
TL/T10	31/10	Tính ra tiền lương bộ phận quản lý phân xưởng phải trả T10	334	<b>191.163.416</b>	191.163.416				
TL/T10	31/10	Tính ra các khoản trích theo lương	338	<b>39.239.768</b>	39.239.768				
		....							
		<b>Cộng phát sinh</b>		<b>855.163.416</b>	367.890.250	129.230.500	86.237.140	55.634.125	...
		<b>Số dư cuối kỳ</b>							

Người lập sổ  
(Ký, họ tên)

Kế toán trưởng  
(Ký, họ tên)

Tổng giám đốc  
(Ký, họ tên, đóng dấu)

Sau khi đã tập hợp được chi phí sản xuất chung theo dõi chung cho toàn công ty phân cần phân bổ, kế toán tiến hành phân bổ chi phí sản xuất chung cho từng công trình dựa vào tiêu thức giá thành dự toán.

**Biểu 2.21**

**CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY LẬP SAO VIỆT**

Tầng 3 tòa văn phòng Sao Đỏ, Km1 + 400 đường Phạm Văn Đồng, HP

**BẢNG PHÂN BỐ CHI PHÍ SẢN XUẤT CHUNG**

**Quý 4 năm 2012**

Đơn vị tính: Đồng

<b>STT</b>	<b>Công trình</b>	<b>Tiêu thức phân bổ (Giá thành dự toán)</b>	<b>Chi phí sản xuất chung</b>
1	Công trình Thành Tô	5.450.000.000	252.739.384
2	Công trình Đường Đình Vũ	520.000.000	24.114.583
3	Công trình Cải tạo, nâng cấp nhà làm việc 1 cửa Hải An	980.000.000	45.446.715
	....		
	<b>Tổng</b>	<b>18.440.500.000</b>	<b>855.163.416</b>

Ngày 31 tháng 12 năm 2012

**Người lập sổ**

(Ký, họ tên)

**Kế toán trưởng**

(Ký, họ tên)

**Tổng giám đốc**

(Ký, họ tên, đóng dấu)

**\* Diễn giải cụ thể cách tính lấy số liệu vào bảng trên:**

Tổng chi phí sản xuất chung (phần chi phí dùng chung cần phân bổ) trong quý 4 năm 2012 của công ty là 855.163.416 đồng.

Tổng giá thành dự toán của các công trình thi công trong tháng là: 18.440.500.000 đồng.

Giá thành dự toán của các công trình là:

- + Công trình Thành Tô: 5.450.000.000 đồng
- + Công trình Đường Đình Vũ: 520.000.000 đồng
- + Công trình Cải tạo nâng cấp nhà làm việc 1 cửa Hải An: 980.000.000 đồng

.....

Đơn vị tính: Đồng

**Chi phí 627 phân  
bổ Công trình  
Thành Tô** =  $\frac{855.163.416}{18.440.500.000} \times 5.450.000.000 = 252.739.384$

**Chi phí 627 phân  
bổ Công trình  
Đường Đình Vũ** =  $\frac{855.163.416}{18.440.500.000} \times 520.000.000 = 24.114.583$

**Chi phí 627 phân bổ  
Công trình Cải tạo  
nâng cấp nhà làm  
việc 1 cửa Hải An** =  $\frac{855.163.416}{18.440.500.000} \times 980.000.000 = 45.446.715$

.....

Căn cứ vào các chứng từ gốc như hóa đơn GTGT, bảng tổng hợp trích khấu hao (**Biểu 2.13**), bảng tổng hợp lương (**Biểu 2.10**)... kế toán tiến hành phản ánh các khoản chi phí sản xuất chung phát sinh trong tháng vào sổ nhật ký chung.

**Biểu 2.22**

**CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY LẬP SAO VIỆT**

**Mẫu số S03a-DN**

Tầng 3 tòa văn phòng Sao Đỏ, Km1 + 400 đường Phạm

(Ban hành theo QĐ số: 15/2006/QĐ-BTC

Văn Đồng Hải Phòng

ngày 20/3/2006 của Bộ trưởng BTC)

**TRÍCH SỔ NHẬT KÝ CHUNG**

**Quý 4 Năm 2012**

Đơn vị tính: Đồng

NT GS	Chứng từ		Diễn giải	Số hiệu TK		Số phát sinh	
	SH	NT				Nợ	Có
			.....				
15/10	PC14/T 10	15/10	Thanh toán tiền điện tháng 9/2012	627		4.108.660	
				133		410.866	
					111		4.519.526
			.....				
31/10	BKH10	31/10	Chi phí khấu hao TSCĐ T10/2012	627		22.459.797	
					214		22.459.797
31/10	BPB10	31/10	Phân bổ chi phí trả trước TK 242 vào TK 627	627		15.363.637	
					242		15.363.637
31/12	TL/T10	31/12	Tính ra tiền lương bộ phận quản lý phân xưởng phải trả T10	627		191.163.416	
					334		191.163.416
31/12	TL/T10	31/12	Tính ra các khoản trích theo lương	627		39.239.768	
				334		16.021.750	
					338		55.261.518
			.....				
			<b>Cộng phát sinh quý 4</b>			<b><u>485.837.926.633</u></b>	<b><u>485.837.926.633</u></b>

Ngày 31 tháng 12 năm 2012

**Người ghi sổ**  
(Đã ký)

**Kế toán trưởng**  
(Đã ký)

**Tổng giám đốc**  
(Đã ký tên, đóng dấu)

Từ sổ nhật ký chung, kế toán vào sổ cái TK 627 và sổ cái các tài khoản có liên quan

**Biểu 2.23**

**CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY LẬP SAO VIỆT**

Tầng 3 tòa văn phòng Sao Đỏ, Km1 + 400 đường Phạm Văn Đồng, HP

**TRÍCH SỔ CÁI TÀI KHOẢN 627**

**Quý 4 năm 2012**

Tên tài khoản: **Chi phí sản xuất chung**

Đơn vị tính: **Đồng**

Ngày tháng ghi sổ	Chứng từ		Diễn giải	TK đối ứng	Số tiền	
	Số hiệu	Ngày tháng			Nợ	Có
			.....			
15/10	PC14/T10	15/10	Thanh toán tiền điện thoại tháng 9/2012	111	4.108.660	
31/10	BPB10	31/10	Phân bổ chi phí trả trước 242 vào TK 627	242	15.363.637	
31/10	BKH10	31/10	Chi phí khấu hao TSCĐ T10/2012	214	22.459.797	
31/10	TL/T10	31/10	Tính ra tiền lương nhân viên quản lý phân xưởng phải trả T10	334	191.163.416	
31/10	TL/T10	31/10	Tính ra các khoản trích theo lương tính vào chi phí của lương nhân viên quản lý phân xưởng T10	338	39.239.768	
			.....			
31/12	PKT52	31/12	Kết chuyển chi phí sản xuất chung quý 4	154		855.163.416
			<b>Cộng phát sinh quý 4</b>		<b>855.163.416</b>	<b>855.163.416</b>

Ngày 31 tháng 12 năm 2012

**Người lập biểu**  
(Ký, ghi rõ họ tên)

**Kế toán trưởng**  
(Ký, ghi rõ họ tên)

**Tổng giám đốc**  
(Ký, đóng dấu, ghi rõ họ  
tên)

### **2.2.2. Kế toán đánh giá sản phẩm dở dang tại Công ty cổ phần xây lắp Sao Việt**

Để phù hợp với đặc điểm của công ty, công ty tiến hành đánh giá sản phẩm dở dang như sau:

- Với những công trình thi công đã hoàn thành trong quý thì công ty không đánh giá sản phẩm dở dang mà công ty tiến hành nghiệm thu bàn giao công trình cho chủ đầu tư.

- Với những công trình kéo dài, chưa hoàn thành trong quý thì toàn bộ chi phí tập hợp được chính là giá trị sản phẩm dở dang cuối quý đó.

Sản phẩm làm dở tại các đội thi công chính là các công trình, hạng mục công trình mà đến cuối kỳ hạch toán vẫn còn trong giai đoạn thi công chưa hoàn thành bàn giao. Mục đích nhằm xác định khối lượng đã làm được so với chi phí sản xuất thực tế bỏ ra có phù hợp hay không, chi phí bỏ ra vượt so với khối lượng thừa hay khối lượng lớn hơn chi phí để từ đó có những biện pháp xử lý.

Đến cuối kỳ hạch toán các cán bộ kỹ thuật, đội trưởng đội thi công có nhiệm vụ xác định khối lượng dở dang của từng công trình trên cơ sở căn cứ vào nhật ký thi công, điểm dừng kỹ thuật, bản vẽ thi công để từ đó tính toán ra số lượng đã thi công, đó chính là khối lượng thi công dở dang (như căn cứ vào khối lượng đó và dựa vào định mức để xác định mức tiêu hao của từng loại vật liệu đã cấu tạo nên thực thể của công trình). Bộ phận kế toán khi nhận được bảng kiểm kê khối lượng xây lắp dở dang cuối kỳ từ phòng kỹ thuật gửi sang sẽ tiến hành xác định khối lượng xây lắp dở dang cuối kỳ theo phương pháp đánh giá sản phẩm dở dang theo giá trị dự toán.

### **2.2.3. Kế toán giá thành sản phẩm**

#### **2.2.3.1. Đối tượng tính giá thành**

Công ty xác định đối tượng tính giá thành là các công trình là các công trình, hạng mục công trình, các giai đoạn công việc đã hoàn thành hoặc hạng mục công trình lớn chuyên tiếp nhiều năm hoàn thành.



### *2.2.3.2. Kỳ tính giá thành*

Công ty xác định kỳ tính giá thành theo thời gian hoàn thành công trình với các công trình nhỏ, thời gian thi công không quá một năm, còn đối với các công trình lớn, thời gian thi công kéo dài từ năm nay qua năm khác, thì kỳ tính giá thành xác định là theo năm, xác định giá thành cho khối lượng công việc hoàn thành ở điểm dừng kỹ thuật hợp lý.

### *2.2.2.3. Phương pháp tính giá thành*

Công ty áp dụng phương pháp tính giá thành thực tế (trực tiếp) có nghĩa là giá thành thực tế của công trình, hạng mục công trình sẽ là tổng chi phí phát sinh được tập hợp kể từ khi khởi công công trình cho đến khi hoàn thành bàn giao cho chủ đầu tư của công trình đó.

Do sản phẩm của công ty là xây lắp các công trình, hạng mục công trình đòi hỏi chất lượng, kỹ thuật thi công công trình cao nên việc đánh giá khối lượng công việc hoàn thành được tiến hành theo một quy trình chặt chẽ gồm các bước sau:

#### *Bước 1: Nghiệm thu nội bộ*

Ban kỹ thuật công trình, đội xây dựng tổ chức nghiệm thu khối lượng thực tế đã hoàn thành làm cơ sở thanh toán tiền công xây dựng cho công nhân, đồng thời làm căn cứ để báo cáo nghiệm thu bước 2

#### *Bước 2: Nghiệm thu cơ sở*

Thường do cán bộ của ban quản lý dự án (chủ đầu tư) cùng với công ty thực hiện. Số liệu này là căn cứ dùng để lập báo cáo.

#### *Bước 3: Nghiệm thu thanh toán*

Nghiệm thu thanh toán thường được nghiệm thu theo hạng mục hoàn thành. Thành phần tham gia gồm các giám sát kỹ thuật của ban quản lý dự án, cán bộ giám sát thiết kế thi công. Căn cứ vào số liệu nghiệm thu này, công ty lập hồ sơ thanh toán khối lượng xây lắp hoàn thành.

#### *Bước 4: Nghiệm thu công trình hoàn thành*

Thường thực hiện khi công trình hoàn thành bàn giao đưa vào sử dụng. Thành phần tham gia như bước 3, ngoài ra còn mời một số cơ quan cấp trên

và một số cơ quan liên quan. Đại diện bên A (chủ đầu tư) cùng bên B (đơn vị thi công) tiến hành nghiệm thu xác định khối lượng xây lắp, đánh giá chất lượng làm cơ sở thanh quyết toán công trình. Sau đó lập biên bản nghiệm thu công trình.

Khi có biên bản nghiệm thu công trình hoàn thành, biên bản thanh lý hợp đồng, bảng quyết toán giá trị xây lắp hoàn thành, kế toán tiến hành kết chuyển chi phí sản xuất vào trị giá vốn của công trình.

Nợ TK 632 – Giá vốn hàng bán

Có Tk 154 – Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang

Đối với những đơn hàng đã hoàn thành trong tháng kế toán tiến hành tính giá thành của đơn hàng đó.

**Biểu 2.24**

**CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY LẮP SAO VIỆT**

**BẢNG TÍNH GIÁ THÀNH**

Tên công trình: “Cải tạo, nâng cấp nhà làm việc 1 cửa Hải An”

Từ ngày 01/10/2012 đến ngày 30/12/2012

Khoản mục chi phí	Chi phí sản xuất dở dang đầu kỳ	Chi phí sản xuất phát sinh trong kỳ	Tổng giá thành sản phẩm xây lắp
Chi phí NVL trực tiếp		563.201.762	563.201.762
Chi phí NC trực tiếp		180.190.000	180.190.000
Chi phí sử dụng máy thi công		41.619.610	41.619.610
Chi phí sản xuất chung		45.446.715	45.446.715
<b>Tổng</b>		<b>830.458.087</b>	<b>830.458.087</b>

Ngày 31 tháng 12 năm 2012

**Người lập sổ**

(Ký, họ tên)

**Kế toán trưởng**

(Ký, họ tên)

**Tổng giám đốc**

(Ký, họ tên, đóng dấu)

Cuối tháng công trình hoàn thành được bàn giao ngay cho chủ đầu tư.

Khi đó kế toán tiến hành kết chuyển sang tài khoản 632 để xác định giá vốn.

**Biểu 2.25**

**CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY LẮP SAO VIỆT**

**PHIẾU KẾ TOÁN**

số: 55

Nội dung	Tài khoản		Số tiền	Ghi chú
	Nợ	Có		
Kết chuyển chi phí sản xuất quý 4	154	621	7.183.224.564	
		622	4.455.070.000	
		623	705.060.150	
		627	855.163.416	

Ngày 31 tháng 12 năm 2012

**Người lập sổ**

(Ký, họ tên)

**Kế toán trưởng**

(Ký, họ tên)

**Tổng giám đốc**

(Ký, họ tên, đóng dấu)

Căn cứ vào phiếu kế toán, kế toán vào sổ nhật ký chung và sổ chi tiết TK 154

**Biểu 2.26**

**Công ty Cổ phần xây lắp Sao Việt**

**Mẫu số S03a-DN**

Tầng 3 tòa văn phòng Sao Đỏ, Km1 + 400 đường

(Ban hành theo QĐ số: 15/2006/QĐ-BTC ngày

Phạm Văn Đồng, Hải Phòng

20/3/2006 của Bộ trưởng BTC

**TRÍCH SỔ NHẬT KÝ CHUNG**

**Quý 4 Năm 2012**

Đơn vị tính: Đồng

NT GS	Chứng từ		Diễn giải	Số hiệu TK		Số phát sinh	
	SH	NT				Nợ	Có
			.....				
31/12	PKT5 5	31/12	Kết chuyển chi phí sản xuất quý 4	154		<b>13.198.518.130</b>	
					621		7.183.224.564
					622		4.455.070.000
					623		705.060.150
					627		855.163.416
31/12	GTQ4	31/12	Giá thành công trình: “Cải tạo nâng cấp nhà làm việc 1 cửa Hải An”	632		<b>830.458.087</b>	
					154		<b>830.458.087</b>
31/12	GTQ4	31/12	Giá thành hạng mục công trình Thành Tô hoàn thành trong quý 4	632		2.068.009.430	
					154		2.068.009.430
31/12	GTQ4	31/12	Giá thành hạng mục công trình Đường Đình Vũ hoàn thành trong quý 4	632		589.954.425	
					154		589.954.425
			.....				
			<b>Cộng phát sinh quý 4</b>			<b><u>485.837.926.633</u></b>	<b><u>485.837.926.633</u></b>

Ngày 31 tháng 12 năm 2012

**Người ghi sổ**

(Đã ký)

**Kế toán trưởng**

(Đã ký)

**Tổng giám đốc**

(Đã ký tên, đóng dấu)

Căn cứ vào các đơn đặt hàng đã hoàn thành trong quý, kế toán tiến hành tính giá thành của toàn công ty quý 4.

**Biểu 2.27**

**CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY LẬP SAO VIỆT**

**BẢNG TÍNH GIÁ THÀNH TOÀN CÔNG TY**

**Quý 4 năm 2012**

<b>ST T</b>	<b>Tên công trình</b>	<b>Giá trị dở dang đầu kỳ</b>	<b>Chi phí phát sinh trong kỳ</b>	<b>Giá trị dở dang cuối kỳ</b>	<b>Tổng giá thành sản phẩm xây lắp</b>
1	Công trình cải tạo nâng cấp nhà làm việc 1 cửa Hải An		830.458.087		830.458.087
2	Công trình Thành Tô	648.025.000	1.772.704.530	352.720.100	2.068.009.430
3	Công trình Đường Đình Vũ	50.635.327	649.523.718	110.204.620	589.954.425
4	Công trình hạ tầng Anh Dũng	884.250.368	6.111.671.320	596.340.120	6.399.581.568
	.....				
	<b>Cộng</b>	<b>6.253.349.141</b>	<b>13.198.518.130</b>	<b>4.465.580.360</b>	<b>14.986.286.911</b>

Ngày 31 tháng 12 năm 2012

**Người lập sổ**

*(Ký, họ tên)*

**Kế toán trưởng**

*(Ký, họ tên)*

**Tổng giám đốc**

*(Ký, họ tên, đóng dấu)*

**Biểu 2.28**

**CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY LẬP SAO VIỆT**

Tầng 3 tòa văn phòng Sao Đỏ, Km1 + 400 đường Phạm Văn Đồng, HP

**SỔ CHI PHÍ SẢN XUẤT KINH DOANH**

**Quý 4 năm 2012**

Tên tài khoản: **Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang** Số hiệu: **154(1541)**  
 Công trình: **“Cải tạo, nâng cấp nhà làm việc 1 cửa Hải An”**

Đơn vị tính: **Đồng**

NT GS	Chứng từ		Diễn giải	Số tiền		Chia ra			
	SH	NT		Nợ	Có	621	622	623	627
			<i>Số dư đầu quý</i>						
31/12	BTGT Q4	31/12	Kết chuyển chi phí sản xuất quý 4	563.201.762		563.201.762			
				180.190.000			180.190.000		
				41.619.610				41.619.610	
				45.446.715					45.446.715
31/12	BTGT Q4	31/12	Bàn giao công trình cho chủ đầu tư đưa vào sử dụng		830.458.087				
			<i>Cộng phát sinh quý</i>	<b>830.458.087</b>	<b>830.458.087</b>	563.201.762	180.190.000	41.619.610	45.446.715
			<i>Số dư cuối quý</i>						

Ngày 31 tháng 12 năm 2012

**Người lập sổ**  
(Ký, họ tên)

**Kế toán trưởng**  
(Ký, họ tên)

**Tổng giám đốc**  
(Ký, họ tên, đóng dấu)

Từ sổ nhật ký chung, kế toán tiến hành vào sổ cái tài khoản 154

**Biểu 2.29**

**CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY LẬP SAO VIỆT**

Tầng 3 tòa văn phòng Sao Đỏ, Km1 + 400 đường Phạm Văn Đồng, HP

**TRÍCH SỔ CÁI TÀI KHOẢN 154**

**Quý 4 năm 2012**

Tên tài khoản: **Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang**

Đơn vị tính: **Đồng**

Ngày tháng ghi sổ	Chứng từ		Diễn giải	TK đối ứng	Số tiền	
	Số hiệu	Ngày tháng			Nợ	Có
			<i>Số dư đầu Quý 4</i>		<b><u>6.253.349.141</u></b>	
31/12	PKT55	31/12	Kết chuyển chi phí sản xuất quý 4	621	7.183.224.564	
				622	4.455.070.000	
				623	705.060.150	
				627	855.163.416	
31/12	GTQ4	31/12	Tính giá thành công trình: “Cải tạo nâng cấp nhà làm việc 1 cửa Hải An”	632		<b>830.458.087</b>
			.....			
			<b>Cộng phát sinh quý</b>		<b>13.198.518.130</b>	<b>14.986.286.911</b>
			<i>Số dư cuối quý 4</i>		<b><u>4.465.580.360</u></b>	

Ngày 31 tháng 12 năm 2012

**Người lập biểu**

(Ký, ghi rõ họ tên)

**Kế toán trưởng**

(Ký, ghi rõ họ tên)

**Tổng giám đốc**

(Ký, đóng dấu, ghi rõ họ tên)

## **CHƯƠNG 3: MỘT SỐ Ý KIẾN ĐỀ XUẤT NHẪM HOÀN THIỆN TỔ CHỨC CÔNG TÁC KẾ TOÁN TẬP HỢP CHI PHÍ SẢN XUẤT VÀ TÍNH GIÁ THÀNH SẢN PHẨM TẠI CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY LẮP SAO VIỆT**

### **3.1. Đánh giá chung về tổ chức kế toán tại Công ty Cổ phần Xây lắp Sao Việt**

Trong những năm qua, đối mặt với sự cạnh tranh gay gắt của cơ chế thị trường, Công ty Cổ phần Xây lắp Sao Việt đã không ngừng phấn đấu, tìm tòi, sáng tạo, tiếp cận thị trường, mở rộng quy mô kinh doanh, thu hút khách hàng. Nhờ vậy, công ty đã tìm được việc làm đều đặn, sản xuất đi vào ổn định, hàng năm thực hiện đầy đủ nghĩa vụ nộp ngân sách vào nhà nước, đời sống của cán bộ công nhân viên ngày càng được nâng cao. Bên cạnh đó, công ty còn có những chính sách lương bổng, đãi ngộ thỏa đáng, quan tâm đến lợi ích của người lao động, vì thế đã khích lệ được tinh thần lao động hăng say, nhiệt tình, sáng tạo và có trách nhiệm cao ở họ.

Công ty đã mạnh dạn tìm kiếm thị trường, ký kết được nhiều hợp đồng mới. Toàn thể lãnh đạo, công nhân viên trong công ty không ngừng học hỏi, nâng cao trình độ đồng thời mạnh dạn tiếp cận địa bàn và chủ đầu tư liên doanh liên kết, chú trọng nâng cao chất lượng làm hồ sơ dự thầu nên đã trúng nhiều gói thầu có giá trị tương đối lớn. Với sự phấn đấu không ngừng, công ty đã tạo dựng được uy tín lớn trong ngành xây dựng, khẳng định được chỗ đứng của mình trên thương trường.

Có được kết quả trên một phần là nhờ Công ty đã xây dựng được một bộ máy quản lý gọn nhẹ, hiệu quả, có thể tiếp cận với tình hình sản xuất thực tế tại các công trường nên có thể kiểm soát chi phí một cách chặt chẽ. Đồng thời việc áp dụng cơ chế khoán gọn xuống từng công trình xây dựng đã tiết kiệm được chi phí quản lý, tạo điều kiện đẩy nhanh tốc độ thi công góp phần hạ giá thành công trình.

Bên cạnh đó không thể không kể đến sự đóng góp quan trọng của phòng tài chính kế toán, nhất là trong công tác tập hợp chi phí sản xuất và



tính giá thành công trình.

Việc áp dụng hệ thống kế toán doanh nghiệp (ban hành theo quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20/03/2006 của Bộ trưởng Bộ Tài Chính) và chế độ kế toán doanh nghiệp xây lắp (theo quyết định số 1864/1998/QĐ-BTC ngày 16/12/1998) đã góp phần củng cố và hoàn thiện công tác kế toán tại công ty.

Qua thời gian nghiên cứu và tìm hiểu thực tế về công tác kế toán tại Công ty Cổ phần Xây lắp Sao Việt, em xin đưa ra một số đánh giá về ưu điểm nổi bật và những tồn tại cần tiếp tục hoàn thiện trong công tác kế toán nói chung và công tác kế toán tập hợp chi phí và tính giá thành nói riêng tại công ty.

### **3.1.1. Ưu điểm**

#### **\* Về bộ máy quản lý**

Công ty đã xây dựng được bộ máy quản lý chặt chẽ, gọn gàng, hiệu quả. Các phòng ban phục vụ có hiệu quả và có thể tiếp cận với tình hình thực tế tại công trường. Do vậy các thông tin cần thiết cho việc giám sát kỹ thuật, quá trình lắp đặt thi công luôn luôn được cung cấp phù hợp với yêu cầu quản lý và sản xuất kinh doanh của Công ty.

Sự phân cấp chức năng quản trị hợp lý tạo điều kiện thuận lợi cho các nhà quản lý có thể độc lập giải quyết công việc thuộc phạm vi chức năng của mình.

Chế độ thủ trưởng và trách nhiệm cá nhân được thực hiện nghiêm ngặt.

#### **\* Về bộ máy kế toán**

Bộ máy kế toán của Công ty được tổ chức tương đối hoàn chỉnh, chặt chẽ, quy trình làm việc khoa học với đội ngũ nhân viên kế toán có trình độ, có chuyên môn tốt, ý thức trách nhiệm cao và nhiệt tình trong công việc, luôn phát huy hết khả năng của mình đồng thời không ngừng học hỏi, giúp đỡ lẫn nhau về chuyên môn nghiệp vụ. Trong bộ máy kế toán, mỗi nhân viên đều được quy định rõ chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn, tạo nên mối liên hệ lệ

thuộc chế ước lẫn nhau. Do có sự phân công lao động kế toán nên đã tạo điều kiện đi sâu vào từng phần hành đồng thời không có sự chòng chéo công việc giữa các nhân viên kế toán. Điều này giúp cho bộ máy kế toán hoạt động bất nhịp phù hợp với hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty, đáp ứng được yêu cầu của công tác quản lý.

**\* Về hình thức ghi sổ**

Với đặc điểm ngành nghề kinh doanh và quy mô sản xuất, Công ty đã lựa chọn hình thức ghi sổ: “Nhật ký chung” là rất phù hợp. Từ đó tạo điều kiện rất thuận lợi cho công tác tính giá thành một cách chính xác.

**\* Về tổ chức vận dụng hệ thống chứng từ kế toán**

Hệ thống sổ sách, chứng từ ban đầu được tổ chức đầy đủ, hợp pháp, hợp lệ, tuân thủ đúng chế độ kế toán hiện hành của bộ tài chính. Ngoài ra còn một số chứng từ khác theo quy định của ngành, sau quá trình luân chuyển các chứng từ được lưu ở hồ sơ từng công trình riêng biệt, thuận lợi cho việc điều tra sau này. Kế toán chi phí thường xuyên đối chiếu với kế toán các phần hành khác và các chứng từ gốc do đó hạch toán được chính xác và đầy đủ mọi chi phí phát sinh.

**\* Về đối tượng tập hợp chi phí sản xuất và tính giá thành sản phẩm**

Công ty đã xác định đúng đắn đối tượng tập hợp chi phí và tính giá thành sản phẩm là từng công trình, hạng mục công trình phù hợp với đặc điểm sản xuất, quy trình công nghệ và đặc điểm tổ chức hoạt động sản xuất kinh doanh của công ty. Trên cơ sở đó, công ty xác định phương pháp tập hợp chi phí là từng công trình, hạng mục công trình là phù hợp với đối tượng tập hợp chi phí và đối tượng tính giá thành sản phẩm. Ngoài ra, với phương pháp tính giá thành mà công ty áp dụng là phương pháp trực tiếp có ưu điểm tương đối đơn giản, chính xác, đảm bảo cung cấp thông tin kịp thời.

**\* Về phương pháp tập hợp chi phí sản xuất và tính giá thành sản phẩm**

Công ty đã áp dụng phương pháp hạch toán các chi phí sản xuất phát sinh theo từng công trình, hạng mục công trình giúp thuận lợi cho việc giám sát, quản lý việc sử dụng tiết kiệm hay lãng phí chi phí sản xuất, tình hình

thực hiện tiến độ thi công công trình ở từng đội. Công ty thực hiện việc giao khoán nhiệm vụ xuống các đội, nhờ đó công ty đã tiết kiệm được chi phí quản lý, giảm thiểu hao hụt, mất mát trong quá trình vận chuyển vật tư từ kho của công ty đến công trường, đồng thời nâng cao được tính chủ động, góp phần đẩy mạnh tiến độ thi công, đảm bảo không ngừng nâng cao hiệu quả quản lý cũng như hiệu quả sản xuất.

**• Hạch toán chi phí nguyên vật liệu**

Việc lập kế hoạch mua vật tư hàng tháng ở các đội xây dựng trên cơ sở tiến độ thi công công trình và mức dự toán, tiến hành mở kho đối với những nguyên vật liệu chính, quan trọng đã bắt kịp được tiến độ thi công công trình, sự biến động của giá cả vật tư trên thị trường. Bên cạnh đó, tại các đội xây dựng, việc theo dõi nhập xuất vật tư được kiểm soát chặt chẽ và ghi chép đầy đủ thông qua các chứng từ như phiếu nhập kho, xuất kho, bảng tổng hợp vật tư nhập, bảng tổng hợp vật tư xuất, giúp kế toán Công ty ghi sổ nhanh chóng, dễ dàng.

Với những vật liệu mua về không qua nhập kho mà tập hợp đến chân công trình, công ty vẫn tiến hành lập phiếu nhập kho (viết phiếu nhập xong viết phiếu xuất luôn), kiểm kê và theo dõi rất chặt chẽ. Với cách làm này, công ty đã quản lý chặt chẽ tình hình biến động từng loại vật tư chi tiết từng công trình, từ đó góp phần quản lý tốt chi phí nguyên vật liệu xuất dùng.

**• Hạch toán chi phí nhân công trực tiếp**

Tại công trường, kế toán đội xây dựng đã theo dõi chi phí nhân công chặt chẽ, chính xác thông qua các chứng từ như bảng chấm công, hợp đồng làm khoán... Việc áp dụng hình thức tiền lương theo thời gian đối với bộ phận lao động gián tiếp, theo sản phẩm đối với bộ phận lao động trực tiếp đã quán triệt nguyên tắc phân phối theo lao động. Hình thức trả lương theo sản phẩm đã khuyến khích người lao động luôn phấn đấu hoàn thành khối lượng công việc được giao. Đối với bộ phận lao động gián tiếp, việc trả lương theo thời gian kết hợp với thưởng năng suất đã nâng cao tinh thần trách nhiệm đối với công việc quản lý và chỉ đạo sản xuất.

**• Hạch toán chi phí sử dụng máy thi công**

Qua bảng tổng hợp chi phí sử dụng máy thi công đã đánh giá được chính xác giá trị phục vụ của máy thi công cũng như chi phí sử dụng máy tạo điều kiện thuận lợi cho hạch toán giá thành

**• Hạch toán chi phí sản xuất chung**

Chi phí sản xuất chung được theo dõi chi tiết theo từng khoản mục giúp quản lý chặt chẽ khoản chi phí này. Các chứng từ phát sinh được tập hợp theo đúng nội dung kinh tế, có sự so sánh giữa các công trình.

Chi phí sản xuất chung được theo dõi chính xác, phân bổ tương đối hợp lý qua việc theo dõi các sổ chi tiết và bảng phân bổ. Sổ chi tiết chi phí sản xuất chung phản ánh đúng và đủ theo từng khoản mục phát sinh, bảng phân bổ cho phép phân bổ hợp lý giữa các công trình và giảm bớt gánh nặng giữa các kế toán viên.

Những ưu điểm trong công tác quản lý kế toán chi phí sản xuất và tính giá thành sản phẩm nêu trên đã có tác dụng tích cực đến việc tiết kiệm chi phí sản xuất, hạ giá thành sản phẩm, nâng cao hiệu quả sản xuất kinh doanh của công ty.

Tuy nhiên công tác hạch toán chi phí sản xuất và tính giá thành sản phẩm ở công ty vẫn còn những tồn tại nhất định.

**3.1.2. Nhược điểm****\* Về luân chuyển chứng từ kế toán**

Các chứng từ thường được đưa về chậm hơn so với thời gian quy định, có một số công trình đã hoàn thành được 1-2 tháng nhưng vẫn chưa tập hợp được chi phí, đến cuối quý dồn nhiều công trình lại với nhau, làm ảnh hưởng tới sự chính xác và kịp thời của Báo cáo tài chính. Do vậy, công tác kế toán thường gặp nhiều khó khăn, bị dồn nhiều vào cuối kỳ khiến cho kế toán chịu nhiều áp lực về thời gian hoàn thành báo cáo định kỳ, dẫn đến những sai sót không đáng có như ghi thiếu, ghi nhầm, làm ảnh hưởng đến việc cung cấp thông tin cho lãnh đạo ra quyết định và làm ảnh hưởng đến Báo cáo kết quả

hoạt động kinh doanh.

***\* Về công tác hạch toán chi phí nguyên vật liệu trực tiếp***

Khi có nhu cầu về vật tư, công ty đã giao cho nhân viên của công ty hoặc giao trực tiếp cho đội thi công xây dựng để tự mua vật tư theo như dự toán đã được cung cấp. Tuy nhiên, khoản chi phí thu mua cũng là đáng kể nếu như các công trình thi công ở cách xa và khoản này dễ bị khai khống nhằm thu được lời riêng, làm cho chi phí sản xuất và giá thành tăng.

Công ty chưa chú trọng hạch toán thu hồi phế liệu, vật tư thừa nhập kho. Việc mua nguyên vật liệu đã được tính toán theo dự toán và kế hoạch thi công nhưng thực tế vẫn còn vật liệu thừa, số vật liệu cuối kỳ còn lại tại các công trình do chưa sử dụng hết cũng chiếm một lượng không nhỏ, do đó chi phí nguyên vật liệu trực tiếp thực tế phát sinh trong kỳ có thể chưa được phản ánh chính xác.

***\* Về công tác hạch toán chi phí sử dụng máy thi công:***

Hiện nay công ty tiến hành phân bổ chi phí sử dụng máy thi công theo giá thành dự toán, điều này là chưa hợp lý vì chi phí máy thi công chiếm một tỷ trọng khá lớn trong giá thành sản phẩm xây lắp và là một khoản mục chi phí có công dụng riêng biệt, do vậy cần phải tổ chức theo dõi riêng và có phương pháp phân bổ khoa học, hợp lý cho các đối tượng sử dụng. Việc phân bổ chi phí này theo giá thành dự toán là không sát thực tế và độ chính xác không cao.

***\* Về việc trích trước chi phí sửa chữa lớn tài sản cố định***

Tài sản cố định của công ty do được mua sắm từ lâu nên một số tài sản đã xuống cấp. Mặc dù vậy, kế toán vẫn không trích trước các khoản sửa chữa lớn cho chúng mà khi xảy ra kế toán sẽ hạch toán vào chi phí sản xuất trong kỳ. Vì vậy những kỳ chúng phát sinh làm chi phí sản xuất tăng đột biến, gây biến động lớn cho giá thành.

***\* Về hạch toán các khoản thiệt hại trong sản xuất***

Là doanh nghiệp trong lĩnh vực xây lắp, với đặc thù riêng công ty có

thể gặp phải những rủi ro khách quan hay chủ quan. Kế toán công ty hạch toán các khoản thiệt hại trong sản xuất vào chi phí khác. Điều này là không đúng với chế độ kế toán áp dụng đối với doanh nghiệp xây lắp.

***\* Về hạch toán các khoản thu hồi thanh lý máy móc, thiết bị thi công đã trích khấu hao hết***

Khi thanh lý nhượng bán các loại máy móc thiết bị đã được trích khấu hao hết vào giá trị của một công trình, kế toán công ty hạch toán như sau:

***• Phản ánh số thu hồi về thanh lý***

Nợ TK 111, 112, 131: Thu bằng tiền, bán chịu

Có TK 711: Thu nhập về thanh lý

Có TK 3331: VAT đầu ra nếu có

***• Phản ánh chi phí thanh lý số máy móc, thiết bị thi công nếu có***

Nợ TK 811: Chi phí thanh lý

Nợ TK 133: VAT đầu vào

Có TK 111, 112, 334...

Việc hạch toán như trên là không đúng chế độ kế toán áp dụng đối với doanh nghiệp xây lắp, đồng thời phản ánh không chính xác giá thành công trình.

***\* Về việc ứng dụng công nghệ thông tin trong công tác kế toán***

Đối với các doanh nghiệp xây lắp, khối lượng công việc lớn, thời gian thi công dài, công trình nằm rải rác... việc áp dụng kế toán thủ công gây ra không ít khó khăn cho công việc hạch toán, tập hợp chi phí sản xuất và tính giá thành sản phẩm. Từ lâu công ty đã trang bị hệ thống máy tính hiện đại tuy nhiên máy tính chỉ dùng để soạn thảo văn bản, kẻ mẫu sổ sách và ứng dụng Excel tính lương trong bảng thanh toán lương, khấu hao hàng tháng cho TSCĐ... Công việc kế toán chi phí sản xuất và tính giá thành sản phẩm dồn vào cuối tháng nên ảnh hưởng đến tính kịp thời của thông tin kế toán.

## **3.2. Một số ý kiến đề xuất nhằm hoàn thiện tổ chức công tác kế toán tập hợp chi phí sản xuất và tính giá thành sản phẩm tại công ty Cổ phần Xây lắp Sao Việt**

### **3.2.1. Sự cần thiết phải hoàn thiện tổ chức công tác kế toán tập hợp chi phí sản xuất và tính giá thành sản phẩm tại công ty Cổ phần Xây lắp Sao Việt**

Hạch toán kế toán là nhu cầu khách quan của xã hội và là một công cụ quan trọng phục vụ cho quản lý kinh tế tài chính, đồng thời cũng là một công cụ đặc lực của Nhà nước trong việc chỉ đạo nền kinh tế quốc dân.

Để tồn tại và phát triển lâu dài, công ty phải không ngừng phấn đấu tự khẳng định mình. Với nguồn lực có hạn, muốn nâng cao kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh, không còn con đường nào khác là công ty phải tổ chức hoạt động sản xuất kinh doanh với hiệu quả cao nhất. Để thực hiện điều này, Công ty phải làm tốt nhiều mặt từ khâu cung cấp đầu vào, tổ chức sản xuất cho tới tiêu thụ, đặc biệt là phải đề ra được biện pháp tiết kiệm và nâng cao hiệu quả của chi phí, khai thác tối đa mọi tiềm năng sẵn có về nguyên vật liệu, lao động,... Do đó, hạch toán kế toán với chức năng cơ bản là cung cấp thông tin cho các nhà quản lý ra quyết định kinh doanh, đã khẳng định vai trò không thể thiếu đối với quản trị doanh nghiệp đặc biệt là vai trò của công tác kế toán hạch toán chi phí và tính giá thành sản phẩm.

Hạch toán chi phí sản xuất và tính giá thành đầy đủ, kịp thời, chính xác không chỉ giúp cho việc phản ánh đúng đắn tình hình và kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh mà còn cung cấp kịp thời thông tin cho nhà quản lý. Vì thế, hoàn thiện công tác hạch toán chi phí sản xuất và tính giá thành sản phẩm là công việc rất cần thiết, góp phần tiết kiệm chi phí, hạ giá thành sản phẩm, tăng lợi nhuận và nâng cao hiệu quả sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp.

Ngoài ra, hoàn thiện công tác hạch toán tập hợp chi phí sản xuất và tính giá thành sản phẩm giúp cho doanh nghiệp tổ chức công tác kế toán chi phí sản xuất và tính giá thành sản phẩm phù hợp với đặc điểm sản xuất kinh doanh của Công ty và yêu cầu quản lý của Nhà nước đồng thời thực hiện

nguyên tắc tiết kiệm, khoa học trong công tác kế toán và nhờ đó cung cấp thông tin kịp thời, nhanh chóng. Như vậy, hoàn thiện hạch toán chi phí và tính giá thành sản phẩm là một trong những yêu cầu có tính chiến lược đối với sự phát triển và lớn mạnh của Công ty.

Qua thời gian thực tập tại Công ty Cổ phần Xây lắp Sao Việt, được sự chỉ bảo và giúp đỡ nhiệt tình của các cô, chú trong phòng Kế toán – Tài chính, em đã có điều kiện tìm hiểu hoạt động sản xuất kinh doanh và thực trạng hạch toán tại Công ty. Dưới đây, em xin đưa ra một số kiến nghị nhằm hoàn thiện hơn nữa công tác kế toán tại công ty.

### ***3.2.2. Yêu cầu và phương hướng hoàn thiện tổ chức kế toán chi phí sản xuất và tính giá thành sản phẩm tại công ty Cổ phần Xây lắp Sao Việt***

Việc hoàn thiện tổ chức kế toán nói chung và kế toán chi phí sản xuất – giá thành sản phẩm nói riêng cần dựa trên những cơ sở sau:

**Thứ nhất:** Đảm bảo sự phù hợp giữa đặc điểm tổ chức sản xuất kinh doanh và tổ chức quản lý của doanh nghiệp với chế độ kế toán nói chung. Bởi vì mỗi doanh nghiệp có những đặc điểm riêng, do đó vận dụng kế toán một cách linh hoạt, hợp lý trên cơ sở chức năng, nhiệm vụ, tính chất hoạt động và quy mô của mình sẽ giúp doanh nghiệp đạt hiệu quả cao trong công tác quản lý nói chung và công tác kế toán nói riêng.

**Thứ hai:** Đảm bảo sự tuân thủ thống nhất, chặt chẽ giữa những quy định trong điều lệ tổ chức kế toán nhà nước, trong chế độ kế toán do Bộ tài chính ban hành với chế độ kế toán đặc thù ngành sản xuất kinh doanh.

**Thứ ba:** Đảm bảo sự tiết kiệm và hiệu quả trong việc tổ chức công tác kế toán ở doanh nghiệp. Muốn vậy phải tổ chức công tác kế toán khoa học, hợp lý, tiết kiệm nhưng vẫn đảm bảo thực hiện tốt các chức năng nhiệm vụ của kế toán để chất lượng công tác kế toán đạt được hiệu quả cao nhất với chi phí thấp nhất.

**Thứ tư:** Đảm bảo thực hiện tốt chức năng thông tin cho nhà quản lý vì mục tiêu của việc hoàn thiện công tác kế toán là cung cấp thông tin kịp thời, chính xác để nhà quản trị ra các quyết định đúng đắn.



### **3.2.3. Một số ý kiến đề xuất nhằm hoàn thiện công tác hạch toán chi phí sản xuất và tính giá thành sản phẩm tại Công ty Cổ phần xây lắp Sao Việt**

#### **\* Kiến nghị 1: Về luân chuyển chứng từ kế toán**

Nhằm khắc phục tình trạng luân chuyển chứng từ chậm trễ dẫn đến hậu quả là công việc dồn ép vào cuối kỳ, dễ mắc phải những sai lầm, thiếu sót trong tính toán, không cập nhật sổ sách đúng quy định thì công ty có thể đôn đốc kế toán công trình nộp chứng từ về ban kế toán công ty theo đúng thời gian quy định, đưa ra những hình thức khiển trách và kỷ luật đối với các trường hợp không tuân thủ đúng, đồng thời khuyến khích động viên cán bộ công nhân viên nâng cao tinh thần trách nhiệm, tích cực chủ động, sáng tạo trong lao động bằng các hình thức khen thưởng phù hợp. Ngoài ra công ty nên cử nhân viên thường xuyên xuống các công trình để giám sát kiểm tra việc ghi chép, cập nhật chứng từ,... nhằm phát hiện và ngăn chặn những tiêu cực có thể xảy ra như tránh tiếp nhận chứng từ không hợp lệ.

#### **\* Kiến nghị 2: Về công tác hạch toán chi phí nguyên vật liệu trực tiếp**

Chi phí nguyên vật liệu trực tiếp là một khoản mục chi phí có tỷ trọng lớn nhất trong giá thành sản phẩm xây lắp, do đó đòi hỏi phải được quản lý một cách chặt chẽ nhằm mục tiêu tiết kiệm chi phí và hạ giá thành sản phẩm. Để đảm bảo công tác quản lý tốt, Công ty nên quy định các khoản chi phí mua nguyên vật liệu có giá trị lớn, phát sinh thường xuyên thì lựa chọn và ký kết hợp đồng cung ứng vật tư trực tiếp với nhà cung cấp uy tín, tin tưởng để đảm bảo được chất lượng cũng như số lượng nguyên vật liệu, từ đó làm cho chất lượng công trình ngày càng được nâng cao.

Mặt khác chi phí thu mua vật tư cũng góp phần đáng kể để làm tăng chi phí sản xuất trong doanh nghiệp xây lắp nên để tránh tình trạng nhân viên thu mua vật tư khai khống chi phí thu mua nhằm hưởng lời thì công ty nên lập dự toán rõ ràng. Hơn nữa, để quản lý chặt chẽ hơn việc hao hụt vật tư trong quá trình vận chuyển (do có thể xảy ra tình trạng nhân viên ăn bớt vật tư) thì công ty nên trích khoản dự phòng hao hụt vật tư trong định mức và quy định mức hao hụt vật tư một cách rõ ràng.

Việc mua nguyên vật liệu đã được tính toán theo dự toán và kế hoạch thi công nhưng thực tế số vật liệu cuối kỳ còn lại tại các công trình do chưa sử dụng hết cũng chiếm một khối lượng không nhỏ, do đó chi phí nguyên vật liệu trực tiếp thực tế phát sinh trong kỳ có thể chưa được phản ánh chính xác.

Kế toán công ty cần yêu cầu các nhân viên thống kê đội lập bảng kê vật liệu thừa chưa sử dụng hết ở công trình để có căn cứ phản ánh chính xác hơn chi phí nguyên vật liệu trực tiếp thực tế phát sinh.

Để lập bảng kê này, nhân viên thống kê đội cùng cán bộ kỹ thuật tiến hành kiểm kê xác định khối lượng vật liệu còn lại tại công trường để tiến hành tính toán ghi vào bảng kê. Bảng kê được lập theo từng công trình hoặc hạng mục công trình tại thời điểm hoàn thành. Công việc này cũng có thể thực hiện vào cuối tháng (nếu điều kiện cho phép). Bảng kê nguyên vật liệu còn lại cuối kỳ có thể lập theo mẫu tham khảo sau:

**Biểu 2.30:**

**CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY LẮP SAO VIỆT**

**BẢNG KÊ NGUYÊN VẬT LIỆU CÒN LẠI CUỐI KỲ**

Công trình: “Cải tạo, nâng cấp nhà làm việc 1 cửa Hải An”

STT	Tên vật liệu	Đơn vị tính	Khối lượng	Đơn giá	Thành tiền	Ghi chú
	Tổng cộng					

Đồng thời cần có các biện pháp nhằm khuyến khích việc sử dụng hợp lý, tiết kiệm nguyên vật liệu, chú trọng công tác thu hồi vật tư thừa, phế liệu nhập kho nhằm tiết kiệm chi phí sản xuất, hạ giá thành sản phẩm.

Để khuyến khích việc sử dụng tiết kiệm nguyên vật liệu, công ty nên có chế độ thưởng, phạt nghiêm minh đối với những công nhân sử dụng tiết kiệm hay lãng phí nguyên vật liệu. Thường xuyên quan tâm, chú ý nhắc nhở người lao động nên có ý thức tiết kiệm trong lao động. Đây cũng là một biện pháp tích cực nhằm hạ giá thành sản phẩm

**\* Kiến nghị 3: Về công tác hạch toán chi phí sử dụng máy thi công:**

Chi phí sử dụng máy thi công liên quan đến nhiều đối tượng xây lắp nên việc phân bổ chi phí sử dụng máy cho các đối tượng xây lắp phải được đảm bảo chính xác. Do vậy công ty nên tiến hành phân bổ chi phí sử dụng máy thi công theo từng loại máy, nhóm máy căn cứ vào số ca máy hoạt động thực tế hay khối lượng công việc hoàn thành của máy.

$$\begin{array}{l} \text{Chi phí sử dụng} \\ \text{máy thi công} \\ \text{phân bổ cho} \\ \text{công trình A} \end{array} = \frac{\text{Tổng chi phí sử dụng máy thi công}}{\text{Tổng số ca máy sử dụng cho các} \\ \text{công trình trong tháng}} \times \begin{array}{l} \text{Số ca máy} \\ \text{sử dụng cho} \\ \text{công trình A} \end{array}$$

Với cách làm trên, công ty sẽ phản ánh được chi phí sử dụng máy thi công phân bổ cho từng công trình một cách chính xác, từ đó góp phần phản ánh chính xác hơn giá thành của mỗi công trình.

**\* Kiến nghị 4: Về việc tiến hành trích trước chi phí sửa chữa lớn TSCĐ**

Nhằm mục đích ổn định tài chính cho công ty, đảm bảo khi các khoản chi phí sửa chữa lớn phát sinh thực tế không gây đột biến cho chi phí sản xuất kinh doanh trong kỳ ảnh hưởng tới việc tính giá thành và xác định kết quả kinh doanh mỗi quý, chủ động về vốn, chủ động về nguồn tài trợ cho việc sửa chữa lớn TSCĐ thì vào đầu năm hoặc đầu niên độ kinh doanh, DN nên lập kế hoạch sửa chữa lớn và tiến hành trích trước chi phí sửa chữa lớn TSCĐ. Sau đó, khi việc sửa chữa lớn TSCĐ thực tế phát sinh trong bất kỳ thời gian nào trong năm thì doanh nghiệp không cần lo lắng về khả năng tài chính hiện tại có đáp ứng được hay không.

Để trích trước chi phí sửa chữa lớn tài sản cố định thì cuối mỗi năm công ty cần xem xét tình hình, khả năng hoạt động của tài sản cố định hiện có, từ đó lập kế hoạch sửa chữa lớn TSCĐ cho cả năm. Dựa vào kế hoạch chi phí sửa chữa lớn tài sản cố định trong năm, kế toán tính và trích trước chi phí sửa chữa lớn tài sản cố định theo tháng hoặc quý rồi phân bổ đều chi phí cho các công trình.

• Trích trước vào chi phí sản xuất, kinh doanh số chi sửa chữa lớn TSCĐ dự tính sẽ phát sinh, ghi:

Nợ TK 623 - Chi phí sử dụng máy thi công

Nợ TK 627 - Chi phí sản xuất chung

Nợ TK 641 - Chi phí bán hàng

Nợ TK 642 - Chi phí quản lý doanh nghiệp

Có TK 335 - Chi phí phải trả

• Khi công việc sửa chữa lớn hoàn thành, bàn giao đưa vào sử dụng, kế toán kết chuyển chi phí thực tế phát sinh thuộc khối lượng công việc sửa chữa lớn TSCĐ đã được dự trích trước vào chi phí, ghi:

Nợ TK 623, 627, 641, 642 (Nếu số đã chi lớn hơn số trích trước)

Nợ TK 335 – Chi phí phải trả (số đã trích trước)

Có TK 241 – XDCB dở dang (2413) (Tổng chi phí thực tế phát sinh)

Có TK 623, 627, 641, 642 (Nếu số đã chi nhỏ hơn số trích trước)

#### **\* Kiến nghị 5: Về các khoản thiệt hại trong sản xuất**

Nếu không tiến hành theo dõi các khoản thiệt hại trong sản xuất sẽ dẫn tới một số hạn chế trong việc quản lý chi phí và quản lý lao động như khó có thể thu hồi khoản bồi thường thiệt hại, không giáo dục được ý thức cẩn trọng trong lao động của công nhân... Để tránh tình trạng này xảy ra, công ty nên tiến hành hạch toán các khoản chi phí thiệt hại này căn cứ vào từng nguyên nhân cụ thể. Có như vậy mới hạn chế và khắc phục, kiểm soát và quản lý được các khoản thiệt hại và đảm bảo độ chính xác của giá thành sản phẩm.

##### **• Thiệt hại về sản phẩm hỏng:**

Sản phẩm hỏng là những sản phẩm không thỏa mãn các tiêu chuẩn về chất lượng và đặc điểm kỹ thuật... Thiệt hại về sản phẩm hỏng của công ty bao gồm: thiệt hại về sửa chữa sản phẩm hỏng và thiệt hại phá đi làm lại. Trong đó thiệt hại về sản phẩm hỏng nếu có chủ yếu là thiệt hại về sửa chữa sản phẩm hỏng. Hiện tại công ty hạch toán phần thiệt hại này vào chi phí sản xuất chung làm tăng giá thành sản phẩm. Vì vậy trước khi hạch toán khoản

thiệt hại này, Công ty nên tìm hiểu nguyên nhân của sản phẩm hỏng để có biện pháp xử lý:

+ Nếu do lỗi bên A gây ra (ví dụ như chủ đầu tư thay đổi thiết kế, kết cấu công trình): bên A phải bồi thường thiệt hại.

+ Nếu sản phẩm hỏng là do người lao động thì tổ đội thi công phải chịu trách nhiệm, đồng thời phải theo dõi khoản thu hồi.

+ Nếu sản phẩm hỏng do lỗi kỹ thuật thì phải xử lý ngay để không làm ảnh hưởng đến tiến độ sản xuất và chất lượng sản phẩm.

+ Nếu do điều kiện khách quan: Thiên tai, hỏa hoạn, ... phải theo dõi chờ xử lý và sau đó căn cứ vào quyết định xử lý để tính vào chi phí bất thường...

Tùy theo mức độ sản phẩm hỏng được chia làm 2 loại:

- Sản phẩm hỏng không thể sửa chữa được: là những sản phẩm hỏng mà điều kiện kỹ thuật không cho phép sửa chữa hoặc việc sửa chữa không có lợi về mặt kinh tế.

- Sản phẩm hỏng có thể sửa chữa được: là những sản phẩm hỏng mà điều kiện kỹ thuật cho phép sửa chữa và việc sửa chữa có lợi về mặt kinh tế.

**• Phương pháp hạch toán sản phẩm hỏng có thể sửa chữa được:**

Để hạch toán các khoản thiệt hại trong sản xuất kế toán sử dụng các tài khoản như quá trình sản xuất sản phẩm: 138, 621, 622, 623, 627, 154

1. Hạch toán giá trị sản phẩm hỏng:

Nợ TK 1381:

Có TK 154:

2. Các chi phí phát sinh cho quá trình sửa chữa sản phẩm hỏng

Nợ TK 621:

Nợ TK 622:

Nợ TK 623:

Nợ TK 627:

Có TK 152, 334, 214, 111....

3. Khi sửa chữa xong kết chuyển chi phí sửa chữa vào tài khoản 154

Nợ TK 154: (chi tiết sửa chữa sản phẩm hỏng)

Có TK 621, 622, 627:

4. Cuối kỳ xử lý thiệt hại

a. Đối với sản phẩm hỏng trong định mức cho phép

Nợ TK 152, 111, 112:                      phân phế liệu thu hồi

Nợ TK 154 (chi tiết SXC):              phân được tính vào giá thành sản

phẩm

Có TK 1381:                      ( chi tiết sản phẩm hỏng)

b. Đối với sản phẩm hỏng ngoài định mức cho phép

Nợ TK 152, 111, 112                      phân phế liệu thu hồi

Nợ TK 811:                              phân được tính vào chi phí khác

Nợ TK 138 ( 1388):                      phân bồi thường phải thu

Nợ TK 334:                              phân được tính trừ vào lương công nhân viên

Có TK 1381: ( chi tiết sản phẩm hỏng)

• **Phương pháp hạch toán sản phẩm hỏng không thể sửa chữa được:**

1. Hạch toán giá trị sản phẩm hỏng:

Nợ TK 1381: Giá trị sản phẩm hỏng phá đi làm lại (SP hỏng không thể sửa chữa được).

Có TK 154:

2. Xử lý thiệt hại phá đi làm lại:

Nợ TK 1388: số phải thu về các khoản bồi thường.

Nợ TK 152: Giá trị phế liệu, vật liệu thu hồi nếu có.

Nợ TK 334: khoản bồi thường do lỗi người lao động trừ vào lương.

Nợ TK 811: khoản thiệt hại phá đi làm lại tính vào chi phí khác.

Có TK 1381: Giá trị sản phẩm hỏng phá đi làm lại (SP hỏng không thể sửa chữa được).

**\* Kiến nghị 6: Về hạch toán các khoản thu về thanh lý máy móc, thiết bị thi công đã trích khấu hao hết vào giá trị hợp đồng khi kết thúc hợp đồng xây dựng.**

Khi thanh lý nhượng bán những loại máy móc, thiết bị đã được khấu hao hết vào giá trị công trình, số thu về thanh lý không được ghi nhận vào tài khoản 711 mà phải được ghi nhận vào bên có của tài khoản 154. Chi phí liên quan đến nhượng bán không được phản ánh vào tài khoản 811 mà được phản ánh vào bên nợ tài khoản 154, cụ thể là:

- *Phản ánh số thu về thanh lý, kế toán ghi:*

Nợ TK 111, 112, 131: Thu bằng tiền, bán chịu

Có TK 154: Thu nhập về thanh lý

Có TK 3331: VAT đầu ra

- *Phản ánh chi phí thanh lý số máy móc, thiết bị thi công*

Nợ TK 154: Chi phí thanh lý

Nợ TK 133: VAT đầu vào

Có TK 111, 112, 334...

**\* Kiến nghị 7: Về việc ứng dụng công nghệ thông tin vào công tác kế toán tại công ty Cổ phần xây lắp Sao Việt.**

Hiện nay công ty đang áp dụng hình thức tổ chức kế toán tập trung nên chứng từ kế toán đều được tập trung tại phòng kế toán của công ty. Do đó công việc của phòng kế toán rất nhiều đặc biệt là vào cuối kỳ kế toán. Sử dụng phần mềm kế toán trong doanh nghiệp sẽ tạo điều kiện giảm bớt khối lượng công việc, giảm bớt sổ sách kế toán và đặc biệt đảm bảo cung cấp thông tin một cách nhanh chóng, kịp thời, chính xác, góp phần đáp ứng được yêu cầu ngày càng cao của công tác kế toán nói riêng cũng như công tác quản lý nói chung.

Công ty có thể tự viết phần mềm theo tiêu chuẩn quy định tại thông tư 103/2005/TT- BTC của Bộ Tài Chính ngày 24/11/2005 về việc “Hướng dẫn tiêu chuẩn và điều kiện của phần mềm kế toán”. Hoặc công ty có thể đi mua phần mềm của các nhà cung cấp phần mềm kế toán chuyên nghiệp như:

Phần mềm kế toán FAST của công ty cổ phần FAST.

Phần mềm kế toán MISA của công ty cổ phần MISA

Phần mềm kế toán SASINNOVA của công ty cổ phần SIS Việt Nam.

Phần mềm kế toán ACMAN của công ty cổ phần ACMAN

....

Khi trang bị phần mềm, đội ngũ kế toán cần được đào tạo, bồi dưỡng để có thể sử dụng thành thạo, khai thác được những tính năng ưu việt của phần mềm. việc sử dụng thành công phần mềm sẽ giúp cho việc xử lý và cung cấp thông tin kinh tế - tài chính được thực hiện một cách nhanh chóng, chính xác và tiết kiệm được sức lao động, nâng cao hiệu quả công việc, tránh nhầm lẫn, sai sót đồng thời lưu trữ, bảo quản số liệu thuận lợi và an toàn.



## KẾT LUẬN

Kế toán chi phí sản xuất và tính giá thành sản phẩm là một khâu quan trọng của công tác kế toán. Nó có ý nghĩa lớn với sự tồn tại và phát triển của doanh nghiệp. Tổ chức kế toán chi phí sản xuất và tính giá thành sản phẩm một cách đầy đủ, chính xác và khoa học là cơ sở để doanh nghiệp phân tích và lập kế hoạch quản lý, giám sát chi phí sản xuất nhằm hạ giá thành sản phẩm, nâng cao hiệu quả sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp. Đối với ngành xây dựng thì kế toán chi phí sản xuất và tính giá thành sản phẩm xây lắp đầy đủ, chính xác lại càng quan trọng vì đây là ngành sản xuất đặc thù.

Trong thời gian thực tập tại Công ty Cổ phần Xây lắp Sao Việt, được sự giúp đỡ tận tình của các cô chú phòng Tài chính – Kế toán và của thầy giáo Th.s Nguyễn Văn Thụ em đã hoàn thành khóa luận tốt nghiệp: **“Hoàn thiện tổ chức công tác kế toán tập hợp chi phí sản xuất và tính giá thành sản phẩm tại Công ty Cổ phần Xây lắp Sao Việt”**.

Khóa luận của em đã đề cập đến những nội dung sau:

+ Trình bày một số vấn đề lý luận cơ bản về chi phí sản xuất, giá thành sản phẩm và hạch toán chi phí sản xuất, tính giá thành sản phẩm trong các doanh nghiệp xây lắp.

+ Phân ánh tình hình, số liệu về hạch toán chi phí sản xuất, tính giá thành sản phẩm xây lắp của Công ty Cổ phần Xây lắp Sao Việt.

+ Khóa luận đã đưa ra một số ý kiến nhằm hoàn thiện công tác kế toán hạch toán chi phí sản xuất và tính giá thành sản phẩm xây lắp của Công ty Cổ phần Xây lắp Sao Việt trên các mặt: Luân chuyển chứng từ kế toán, công tác hạch toán chi phí, quản lý vốn cho sản xuất.

Do thời gian thực tập và kiến thức có hạn, khóa luận của em không tránh khỏi những thiếu sót. Em rất mong nhận được sự chỉ bảo, góp ý của các thầy cô và các bạn để khóa luận được hoàn thiện hơn. Một lần nữa em xin chân thành cảm ơn sự giúp đỡ quý báu của cô chú trong ban lãnh đạo Công ty, các phòng nghiệp vụ, các cô chú trong phòng Tài chính – Kế toán, thầy giáo hướng dẫn đã giúp đỡ và tạo điều kiện cho em hoàn thành bài khóa luận này.

Em xin chân trọng cảm ơn!

## **TÀI LIỆU THAM KHẢO**

1. Các chứng từ và sổ sách kế toán năm 2012 của Công ty Cổ phần xây lắp Sao Việt.
2. Bộ tài chính (Vụ chế độ kế toán và kiểm toán) - Chế độ kế toán doanh nghiệp (Quyển 1) - Hệ thống tài khoản kế toán - Nhà xuất bản lao động (Năm 2010).
3. Bộ tài chính (Vụ chế độ kế toán và kiểm toán) - Chế độ kế toán doanh nghiệp (Quyển 2) - Báo cáo tài chính chứng từ và sổ kế toán sơ đồ kế toán – Nhà xuất bản lao động (Năm 2010).
4. GS.TS. Ngô Thế Chi, PGS.TS. Nguyễn Đình Đỗ, Th.S. Trương Thị Thủy, Th.S. Đặng Thế Hưng - Luật kế toán Hệ thống chuẩn mực kế toán Việt Nam – Nhà xuất bản tài chính (Năm 2006)
5. Khóa luận tốt nghiệp của các khóa 11, 12 trong thư viện Trường Đại học Dân lập Hải Phòng.
6. Một số trang web chuyên ngành như: [webketoan.com](http://webketoan.com), [ketoanthue.vn](http://ketoanthue.vn)